

Số 319

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Tuệ giải thoát

Tr. 28

Thiền quang
Tâm Minh

Tr. 4

Mô Rai - một thuở

Tr. 61



TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

VIET NAM PAPER CORPORATION (VINAPACO)

Tổng Công ty Giấy Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con kinh doanh đa ngành: Trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ; sản xuất giấy, bột giấy, văn phòng phẩm; sản xuất hóa chất, điện; xuất nhập khẩu các loại phụ tùng, thiết bị máy móc, vật tư ngành giấy; kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, khách sạn...

TRỤ SỞ CHÍNH: Số 25A - Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (84-24) 3824 7773 - Fax: (84-24) 3826 0381 - Email: vp.hn@vinapaco.vn

ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH: Phong Châu - Phú Ninh - Phú Thọ
ĐT: (84-210) 3829 755 - Fax: (84-210) 3829 177 - Email: vp.bb@vinapaco.com.vn

Chủ tịch HĐQT: ÔNG HOÀNG QUỐC LÂM
Tổng Giám đốc: ÔNG NGUYỄN VIỆT ĐỨC



Sản xuất tại Phú Ninh - Phú Thọ
- Độ trắng: 85 - 95 ISO
- Định lượng: 52 - 120g/m²
Sử dụng cho in tài liệu, sách, vở các loại máy photocopy



Giấy photocopy cao cấp CleverUP A4 9080
Khổ giấy A4 (210 x 297mm)
Định lượng: 80 g/m²
Độ trắng: 90% ISO
Bao gói: 500 tờ/ram bao bằng giấy couche, 5 ram/hộp giấy cứng.
Chất lượng: giấy nhẵn mịn, mang lại hình ảnh rõ ràng, sắc nét khi in ấn.



...Cảm giác từ một huyền thoại



CÁC CHI NHÁNH:

Tại Hà Nội: 142 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội - Tel: 024 3722 0347 - Fax: 024 3722 2580 - Email: bapaco@hn.vnn.vn

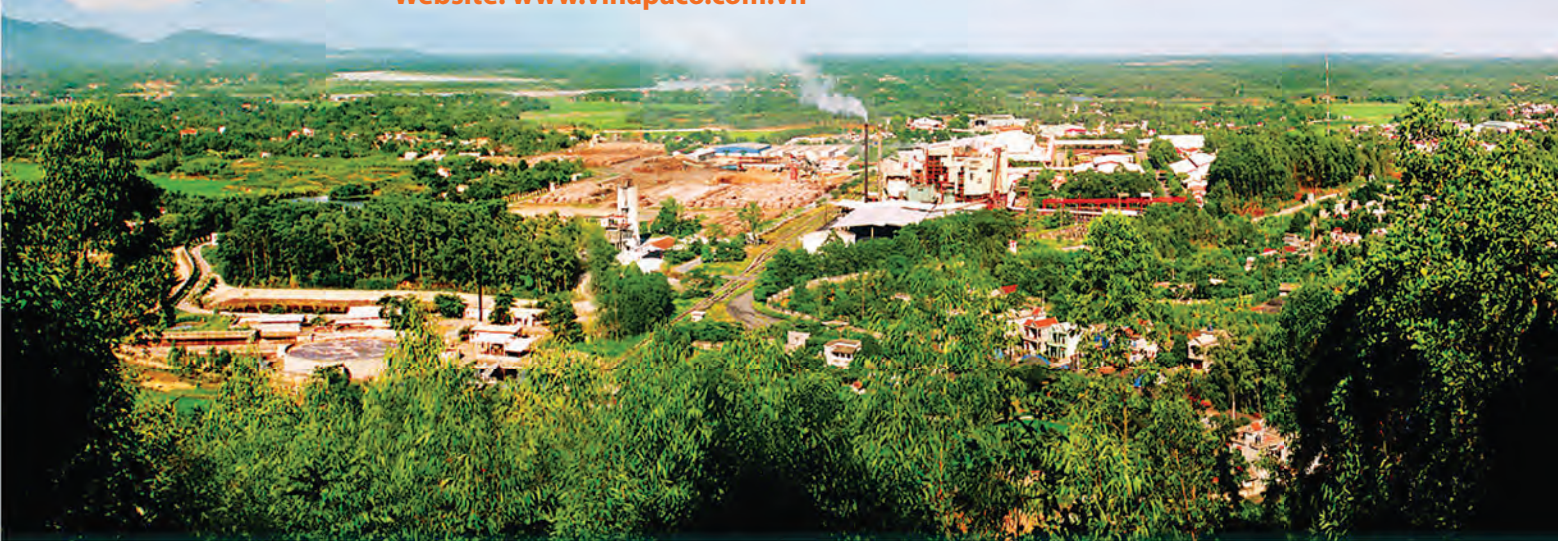
Tại Đà Nẵng: Lô H1, Đường số 3, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

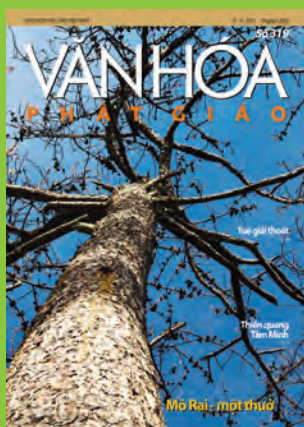
Tel: 0235 3733980, 3733981, 3766983 - Fax: 0235 3733982

Tại TP Hồ Chí Minh: 9/19 Hồ Tùng Mậu - Quận 1 - TP.Hồ Chí Minh

Tel: 028 38299292 - Fax: 028 38231011

Website: www.vinapaco.com.vn





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH HẢI AN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN Mẫn

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thiền Quang Tâm Minh (Trần Quê Hương)	4
Tổ đình Phi Lai hội tụ và lan tỏa (Thích Thiện Nhơn)	6
Bồ-đề Đạo tràng mấy điều mắt thấy tai nghe (Nguyễn Đạo-Văn Công Tuấn)	9
Nếp sống trí tuệ của người con Phật (Nguyễn Oanh)	14
Khoa học, nghệ thuật và tính tâm linh (Nguyễn Thế Đăng)	18
Tiếp cận cái chết (Nguyên tác Pháp ngữ: Trịnh Đình Hy, Viết dịch: Trần Tuấn Mẫn)	20
Sự khác biệt giữa Tướng tri, Thức tri và Trí tuệ (Thích Trung Định)	25
Tuệ giải thoát (Tâm Tịnh)	28
Độc "Về thu xếp lại..." của Đỗ Hồng Ngọc (Nguyễn Giác)	32
Sự im lặng đáng sợ (Nguyễn Cẩn)	36
Kèn bầu buồn đến bao giờ (Lê Hải Đăng)	40
Các triều đại phong kiến Việt Nam bảo vệ biên giới Việt-Trung (Cao Văn Thức)	42
Đại cương kinh Tạng A-hàm (Thích Thiện Nhơn)	45
Góc bếp nhỏ lạnh tanh? (Khánh Uyên)	46
Chiếc áo dị kỳ (Dino Buzzati, Trương Văn Dân dịch)	47
Thơ (Tịnh Bình, Nguyễn Công Khanh, Võ Thị kim Phượng, Đoàn Văn Sáng, Thanh Trắc Nguyễn Văn, Trường Khánh, Nguyễn Thanh Vũ)	50
Cải lương (Hoàng Khánh Duy)	52
Lời nói gió bay... nhưng còn đó! (Cao Huy Hóa)	56
Lukla hùng vĩ và thơ mộng (Trần Đức Tuấn)	58
Mô Rai - một thuở (Trần Vọng Đức)	61

Bìa 1: Bóng dáng Mô Rai. Ảnh: Trần Vọng Đức.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý vị độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo số 321 là số đặc biệt mừng Phật đản Phật lịch 2563. Mong sao đây là số báo hay, đẹp cả hình thức lẫn nội dung. Báo sẽ phát hành vào ngày 12/5/2019 thay vì 15/5 như thường lệ. Muốn được như vậy, chúng tôi kính mong các tác giả gửi bài sớm để chúng tôi sắp xếp trang cho thật hoàn chỉnh. Nội dung không chỉ gồm các bài viết về Phật đản mà cần có những bài hay, phù hợp với tôn chỉ của VHPG.

Trong năm qua, trung bình mỗi ngày VHPG nhận được trên dưới 10 bài gửi đăng nhưng phần lớn là bài viết quá ngắn (dưới 1.500 chữ), nội dung sơ sài, trùng lặp với các đề tài thông thường. Mong sao các tác giả lưu tâm khi gửi bài!

Chúng tôi cũng xin các điểm phát hành VHPG tại thành phố Hồ Chí Minh thông cảm về việc từ nay khi chúng tôi giao báo mới thì đồng thời thu lại các tờ báo và tiền báo của số trước. Được vậy, chúng tôi sẽ thuận tiện hơn trong việc phát hành, thu tiền, thu báo cũ và kết toán từng đợt báo.

Nhân đây chúng tôi xin một lần nữa trả lời chung cho các thân hữu trong và ngoài nước về câu hỏi tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có phải là của Nhà nước, thuộc Nhà nước quản lý? Lời đáp của chúng tôi là: Văn Hóa Phật Giáo là tạp chí của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được Giấy phép hoạt động của Bộ Thông tin-Truyền thông. Cũng như các doanh nghiệp được Giấy phép hoạt động của Nhà nước nhưng không phải là của Nhà nước. Và cũng như hầu hết các hoạt động xã hội tại các nước đều do Nhà nước quản lý đúng theo pháp luật để giữ trật tự, an ninh, chống phạm pháp và khuyến khích mọi người tuân thủ pháp luật. Trong ý nghĩa này, Nhà nước cũng quản lý tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và chỉ trong ý nghĩa này mà thôi.

Xin kính chúc quý độc giả vạn an.

Văn Hóa Phật Giáo



**Kính lễ và hạ mình
Biết đủ và biết ơn
Đúng thời, nghe Chánh pháp
Là niềm lành tối thượng.**
(Kinh tập, kệ 265)





Cư sĩ: Tâm Minh - Lê Đình Thám
(1897 - 1969)

THIỆN QUANG TÂM MINH

TRẦN QUÊ HƯƠNG

1 - GIA PHONG THÂN THỂ

Phúc duyên nhiều kiếp nhiều đời
Đời nầy danh phận gọi mời thanh cao
Đình bộ Thượng thư tâm giao
LÊ-ĐÌNH họ tộc sắc màu Quảng Nam
Thân sinh trí tuệ linh đàm
Đình Dương - Đình Thám... tục kham nổi truyền
Cổ học, tân học... thắng duyên
Thông minh xuất chúng, mối giềng gia phong
Tinh hoa huyết thống Tiên Rồng
Thủ khoa y sĩ... Lạc Hồng Đông Dương
Bác sĩ Pháp quốc học đường
Duy Tân khởi nghĩa sáng gương quê mình
Lại thêm tuổi mạch gia đình
Đông các Đại học sĩ... tình tương lân
Bình Thuận, Sông Cầu, Qui Nhơn
Nho, Y, Lý, Số... hộ dân giúp đời
Chùa Tam Thai, Hội An mời
Kệ thiêng vô tướng thức thời hướng tâm
"Bồ-đề tự tánh thậm thâm
Gương sáng cũng vậy trăng rằm hư vô
Xưa nay huyền ảo phù đồ
Há đâu nhơ sạch tinh thô bận lòng!"

2 - THỜI DUYÊN HỘI TỤ

Dòng đời như một dòng sông
Cụ Phan chí sĩ quy tông bến xưa
Nghĩa tình truy điệu thuyền đưa
Quảng Nam - Hà Tĩnh móc mưa dậm ngàn
Nhân duyên về Huế hội đàn
Trúc Lâm cổ tự chiền đàn thơm hương
Tổ Giác Tiên khai thị đường
Vô tướng thanh tịnh cát tường Tâm Minh
Tổ đình Thập Tháp xương minh
Đại sư Phước Huệ giảng kinh, luận thiền
Hải Triều Âm báo rộng tuyên
Trùng hưng Phật giáo chí nguyện Thái Hư
Ngũ hiền tôn đức đạo sư

Thập bát đồng tín Đại từ Đại bi
An Nam Phật học lưu ly
Trúc Lâm trụ sở phụng trì phạm âm
Cư sĩ Hội trưởng cao thâm
Từ Quang thuyết pháp tích trẩm thanh lương
Ngày ngày đèn tuệ soi đường
Trí thức bưng ngọ am tường Diệu Không
Giải Ngạn, Minh Châu... suối hồng
Long lanh bóng nguyệt lâm tòng tựa nương
Bác sĩ giám đốc nhất gương
Viện Bài lao Huế - y phương cứu nần

3 - PHỤNG SỰ ĐẠO ĐỜI

Trùng kiến Tổ đình Từ Đàm
Phụng sự đạo nghiệp Già Lam chơn thường
Phật dẫn Diệu Đế cát tường
Chuông ngân vi diệu mười phương an bình
Nguyệt san Viên Âm lưu quỳnh
Chủ nhiệm chủ bút lung linh đạo đời
Giáo lý ngôn luận phụng thời
Pháp âm lan tỏa tuyệt vời thiện quang
Phật học Báo Quốc nghiêm trang
Tăng tài đơm nụ nở ràng ngát hương
Đại sư Trí Độ khai đường
Đốc giáo đào tạo xiển dương huy hoàng
Thiện Hòa, Thiện Hoa, Trí Quang
Siêu - Minh - Thành - Tịnh... sen vàng Nhật Liên...
Lại về Đại học Tây Thiên
Đông Tây, kim cổ nhiệm huyền thiên hương
Đôn Hậu, Trí Thủ khai nguồn
Vi Mật: Nguyên, Thể, Hiển trường xuất thân
Tịnh - Chi - Khuôn hội... Trung phần
Thừa Thiên - Đà Nẵng thượng tắng Quảng Nam
Hiện tượng Bồ-tát quán tham
Hành chánh, báo chí, nhần kham... bộn bề
Văn Tư Tu... vạn khứ hể
Kinh, Luật, Luận gốc Bồ-đề thâm sâu
Giới, Định, Tuệ nổi nhịp cầu

Tinh tường giảng dạy truyền trao phép đời
 Ứng dụng Phật lý độ người
 Bình dân - trí thức mười mười thấm nhuần
 Pháp sư Cư sĩ hóa thân
 Tông Thông, Thuyết giáo... hiển thần nơi nơi
 Ánh sáng chân lý tỏa ngời
 Ngọc quý chánh pháp mỉm cười thắm hoa
 Ngày bốn sư nhập Di-đà
 Phát thệ nguyện gánh hàng sa mật thiên.

4 - VẠN TĂNG NON THIÊNG

Tu chính điều lệ vượt triển
 Hội trường, tri sự các miền gần xa
 Hoàng truyền phổ hóa ma-ha
 Sự tướng, lý tánh chan hòa độ sanh
 Nguyễn Hoàng, Bến Ngự tri hành
 Giảng kinh - viết báo thiên sanh đức hiển
Gia đình Phật hóa phổ... tuyên
 Thanh - thiếu, nam nữ thiện duyên vun bồi
 Chánh tín tài đức trắng soi
"Duy tuệ thị nghiệp" đạo đời xưa sau
 Trẻ già trong sáng mai đào
 Một lòng gìn giữ đồng dao mạch thiền
 Chia sẻ cuộc thế đảo điên
 Ổn định cơ sở mối giếng Thiền gia
Tòng Lâm Kim Sơn Tăng-già
Chấn hưng Phật giáo kết tòa đại bi
 Tài thí, pháp thí lưu ly
An Nam Phật học duy trì tinh hoa
 Nguyệt san **Viên Âm** ba-la
Phật học viện đẹp Lãng-già bảo trân
 Đạo pháp, dân tộc... trung hưng
 Xây dựng nền tảng chuyển luân thiện lành
 Dòng đời vạn nẻo tương sanh
 Hợp tan, tan hợp, lá cành phong sương
 Một chín bốn lăm... về nương
 Giang sơn đất mẹ tìm đường ước mơ
 Chủ tịch kháng chiến dựng cờ
 Liên khu V Trung bộ phụng thờ tổ tiên
 Tập hợp thân hữu, đoàn viên...
 Huỳnh trưởng Đức Dục, thanh niên, gia đình
 Công, nông, trí thức hiển minh
 Phong trào kháng chiến gần tình nước non
 Phật học, triết học... Bồng sơn
 Nghiên cứu, so sánh tâm hồn Mác Lê
 Đến năm bốn chín du hể
 Từ Nam ra Bắc sơn khê núi rừng
 Hòa bình Thế giới nhân dân
 Chủ tịch vận động vạn tăng non thiêng.

5 - TÂM MINH THƯỜNG TỊNH

Trăm năm thế sự nảo phiền
 Phiên dịch kinh điển nhẹ yên tinh thần
 Thủ Lăng Nghiêm kinh độ trần

Tàn Sứ sáu mốt hóa thân trắng vàng
 Quán Sứ Hà Nội - Đạo tràng
 Phật Bảo, Pháp Bảo... hội đàn Tăng thân
 Thất thập tam, Kỷ Dậu xuân
 Tháng ba, mừng bảy thọ phần thiên thu...
 A-di-đà Phật vô ưu
 Quê hương Cực Lạc tượng phụ Niết-bàn.
Tâm Minh thường tịnh thiền quang.
Lê Đình Thám trụ an nhàn Tây phương.

Từ Đàm - Huế, 7/3/Kỷ Hợi - 2019





Tổ đình Phi Lai

hội tụ và lan tỏa

THÍCH THIỆN NHƠN

Vào thời các chúa Nguyễn, trên bước đường di dân cũng như trên con đường hoàng hóa, các vị Thiền sư đã đưa Phật giáo du nhập vào Đàng Trong nói chung và vùng đất miền Tây nói riêng, cũng từ đây đã hình thành nên nền văn hóa đặc thù của Phật giáo trên vùng đất sông nước An Giang. Trải qua hàng trăm năm, Phật giáo từng bước phát triển và hình thành nhiều ngôi chùa đã gắn liền với đời sống tâm linh của người Việt ở vùng đất này, trong đó có ngôi chùa Phi Lai, một ngôi chùa có vai trò đặc biệt trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Tổ đình Phi Lai tọa lạc dưới chân núi Kỳ Hương, khi xưa thuộc làng Tú Tế Dơi Bà Khệt (địa danh của người Khmer) thuộc tổng Thành Ý, huyện Tri Tôn, hạt Châu

Độc nay là ấp Núi Voi, xã Núi Voi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Tiên khởi nơi đây là vùng đất hoang sơ gần biên giới Campuchia, nơi cư dân giữa hai dân tộc Việt Nam và Campuchia cùng chung sống hài hòa. Do đó mà tại đây ngoài một số chùa Nam tông của Phật giáo Khmer cũng có ngôi chùa Bắc tông đơn sơ mái tranh vách lá tên là Phi Lai cổ tự do dân làng Tú Tế thành lập năm 1786, có tên gọi là chùa làng Tú Tế.

Vào khoảng đầu thế kỷ XX năm 1900, trên bước đường du hóa, Tổ sư Chí Thiền đã trụ tích tại nơi đây để kiến lập đạo tràng hoàng truyền Phật pháp. Tương truyền ban sơ Tổ Chí Thiền từ chùa Giác Viên - Gia Định đi về núi Cấm và trước đó Phật Thầy Tây An có báo mộng cho các đệ tử của mình biết là sẽ có một vị cao

tăng sắp về đến đây, các con chuẩn bị mà tiếp đón.

Sau ba ngày chờ đợi (tức vào đêm thứ ba) mà vẫn không thấy có ai xuất hiện mọi người đang bàn tán: không lẽ Thầy mình báo mộng sai! Nhưng lúc này Tổ đã có mặt ở chân núi Cẩm, bởi trải qua lộ trình xa xôi vất vả nên Tổ có ý định tìm chỗ để nghỉ chân.

Chợt thấy có ánh đèn le lói từ căn nhà lá, Tổ đã đến xin được tá túc qua đêm, khi Tổ vừa đến nơi, mọi người có mặt đều rất vui mừng vì người mà mình đang chờ đợi đã xuất hiện.

Ban đầu Tổ tịnh tu tại núi Cẩm (nơi vị trí chùa Vạn Linh hiện nay) suốt trong ba tháng, thời gian sau đó năm 1900 các hương chức cùng dân làng Tú Tế đã đến nơi để cung thỉnh Tổ về trụ trì chùa làng. Cứ mỗi đêm khi Tổ tụng kinh *Pháp Hoa* thì có đàn hạc đến đậu trên cây me phía sau chùa. Do đó Tổ đặt tên là chùa Phi Lai.

Tại ngôi chùa lịch sử này, năm 1903 Hòa thượng đã có dịp hội kiến cùng với cụ Phan Bội Châu và có lời căn dặn như sau: “Phàm muốn làm việc gì bí mật, có bàn bạc với nhau, chỉ nên ở giữa trời xanh, ngày trắng, hoặc ở nơi đồng trống đường to, không nên ở chỗ đêm khuya nhà kín, tai mắt mình không thể phòng xa được, chỉ làm thêm cơ hội cho những ai muốn rình xét”.

Bước đầu nơi chốn biên thùy xa xôi cách trở, mọi điều kiện đều thiếu thốn khó khăn, nhưng với tinh thần kiên trì, nhẫn nại kết hợp với phương tiện khéo léo mà Tổ đã tạo dựng được thiện cảm sâu sắc với các hương chức trong làng và sự quy phục của dân chúng tại địa phương nên ngài đã thành lập được các nông trại để tổ chức canh tác tạo được nguồn thu nhập đáng kể; Tổ còn cho mua bán khoai, muối để có huê lợi tích góp tạo nên kinh phí xây dựng chùa và phần nữa để giúp đỡ cho dân nghèo khi lâm cơn hoạn nạn.

Dần dần với uy đức và đạo hạnh sáng ngời của Tổ đã vang xa nên tứ phương Tăng tục ở khắp nơi đã tìm đến ngài để cầu xin quy y tu học rất đông, chính vì thế mà ngôi già-lam trang nghiêm tú lệ đã được hình thành, cũng từ đó chùa Phi Lai được xem như một trong những điểm nhấn của phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam do Tổ Lê Khánh Hòa khởi xướng.

Theo các bậc tiền bối kể lại thì chùa Phi Lai khi ấy được kiến tạo trên một khu đất gần hai mẫu. Riêng phần kiến trúc xây dựng được dần trải trên hàng nghìn mét vuông đất. Các công trình vừa chính và phụ đếm được trên 20 hạng mục.

Vào khoảng những năm 1915 đến 1930 chùa Phi Lai còn là nơi hội tụ của chư vị Hòa thượng trong phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam như: Miến Nam có HT Khánh Hòa, HT Huệ Quang, HT Pháp Hải, HT Từ Phong... Miến Trung có HT Khánh Anh (chùa Quang Lộc - Quảng Ngãi), HT Vạn Ân (chùa Hương Tích - Phú Yên), HT Phổ Tuệ (chùa Tịnh Lâm - Bình Định), HT Chơn Niệm (chùa Trùng Khánh - Phan Rang)... đã tập hợp về đây bàn phương hướng chấn hưng Phật giáo Việt Nam

như tổ chức các Giới đàn, khóa An cư Kiết hạ và các lớp Phật học gia giáo tại chùa Phi Lai được duy trì liên tục cho đến ngày Tổ viên tịch. Do đó trong khoảng thời gian này quý Hòa thượng đã từng xuất thân từ chùa Phi Lai như: HT Thiện Minh, HT Thiện Tông, HT Thiện Hoa, HT Thiện Tâm, HT Thiện Tường, HT Thiện Quang, HT Huệ Hải, HT Pháp Thân, HT Huệ Tịnh, HT Trí Tịnh, HT Từ Nhơn, HT Thiện Từ...

Ngày rằm tháng hai âm lịch năm Quý Dậu - 1933 Tổ viên tịch, sau đó HT Thích Thiện Minh hỷ Hồng Pháp trưởng tử của Tổ kế nghiệp trụ trì.

Vào năm 1945 do biến cố thời cuộc nên chùa Phi Lai bị thiêu hủy hoàn toàn, trong biến cố này cố Hòa thượng Thích Thiện Minh trưởng tử của Tổ, đồng thời là trụ trì chùa Phi Lai cũng đã viên tịch.

Năm 1947, trước sự hoang tàn đổ nát của ngôi Tổ đình, chư tôn đức trong Tông phong đứng đầu là cố Hòa thượng Thích Thiện Tông (chùa Trường Thạnh Sài Gòn), HT Thích Thiện Tường (chùa An Sơn - hạt Châu Đốc) và Ni trưởng Diệu Kim (chùa Bảo An - Cần Thơ) hiệp cùng môn phong pháp quyến đã hợp sức vận động tài chánh để tái thiết ngôi Tổ đình trên nền của chánh điện cũ, nhưng quy mô kiến trúc thì khiêm tốn hơn nhiều so với công trình mà Tổ xưa đã xây dựng; các phế tích còn sót lại rải rác trong khuôn viên chùa đã minh chứng cho qui mô của công trình ngày trước.

Từ năm 1954 đến năm 1975, sau khi chùa Vạn Linh Núi Cẩm bị chiến tranh phá hủy, HT Thích Thiện Thành Trưởng tử Hòa thượng Thích Thiện Quang - Hồng Xứng trụ trì chùa Vạn Linh đã tản cư về chùa Phi Lai và trụ trì cho đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 1976.

Năm 1981 Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập thì các tỉnh hội cũng lần lượt ra đời, trong đó có Tỉnh hội Phật giáo tỉnh An Giang, do khó khăn về mặt nhân sự và vùng biên giới nên từ năm 1983 đến năm 1992 chỉ thành lập được Ban Trị sự lâm thời Phật giáo tỉnh An Giang. Đến năm 1993 mới tổ chức Đại hội và sau đó chính thức thành lập Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang.

Để quản lý cơ sở tự viện trong tỉnh lúc đó chùa Phi Lai - huyện Tịnh Biên thuộc Tỉnh hội Phật giáo tỉnh An Giang, HT Thích Thiện Tấn, Trưởng tử HT Thích Thiện Thành vì tuổi cao sức yếu, nên ngày 18/12/1992 đã bàn giao chùa Phi Lai lại cho Ni sư Diệu Tâm, (Lệ Lai) thường gọi là Ni sư Hồng Đắc là đệ tử HT Thiện Thành đảm nhận chức vụ trụ trì chùa Phi Lai từ năm 1992 - 2012. Do tuổi cao sức yếu nhất là phải quản lý điều hành Phật sự cơ sở Phật giáo tỉnh An Giang trong thời kỳ hội nhập và phát triển, thế nên thông qua đề nghị của Ban Đại diện Phật giáo huyện Tịnh Biên sau này là Ban Trị sự về việc chính thức bổ nhiệm ĐĐ Thích Thiện Căn đảm trách vai trò trụ trì chùa Phi Lai từ năm 2012 cho đến nay.



Trải qua những năm tháng thăng trầm và biến cố của lịch sử gần 300 năm, những phế tích cũ và ngôi chánh điện khiêm tốn của chùa Phi Lai đến nay đã xuống cấp trầm trọng và hư hỏng nhiều nơi. Để đáp ứng theo nguyện vọng thiết tha mong đợi của hàng môn nhơn pháp quyến và bốn đạo Phật tử khắp nơi, năm Mậu Tuất 2018 với sự khởi xướng của HT Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN, trụ trì chùa Minh Đạo, đã tập hợp chư Tôn đức trong Môn hạ về tham dự phiên họp do Hòa thượng chủ trì và cũng từ đó Ban trung tu Tổ đình Phi Lai đã được thành lập, do Hòa thượng làm Trưởng ban, cùng chư tôn đức trong tông môn đồng phát tâm đại trùng tu ngôi Tổ đình để báo đáp phần nào ân đức sâu dày của chư liệt vị Tổ sư đã dày công tạo lập, đồng thời cũng đóng góp một thắng tích lịch sử cho tỉnh nhà. Vào ngày 15 tháng 2 năm Mậu Tuất nhân sự kiện Lễ húy kỵ lần thứ 85 Tổ sư Như Hiển - Chí Thiện, được sự quan tâm giúp đỡ của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh An Giang cũng như quý cấp chánh quyền tỉnh, Ban trung tu và Môn hạ Tổ đình Phi Lai đã cung thỉnh Chư tôn đức quang lâm tham dự lễ húy kỵ và chính thức động thổ đặt đá khởi công trùng tu Tổ đình Phi Lai. Trải qua gần một năm thi công, công trình ngôi Chánh điện

đã được hoàn thiện và khánh thành giai đoạn mộ nhân ngày lễ húy kỵ lần thứ 86 của Tổ sư Chí Thiện

Ngôi chánh điện Tổ đình Phi Lai được xây dựng theo lối kiến trúc chùa Việt Nam kết hợp giữa nét văn hóa truyền thống và hiện đại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Phật giáo tỉnh An Giang, các hạng mục đã được thi công trong giai đoạn này bao gồm:

1. Khu Chánh điện

Gồm một trệt, một lầu, bảy mái cổ lầu, chiều dài 58.8m, chiều ngang 33.4m, Diện tích tầng trệt: 1.963m². Tổng diện tích sử dụng hai tầng: 3.927m², tổng chiều cao công trình là: 36,5m.

Tầng trệt là khu Trai đường và phòng nghỉ chư Tăng.

Tầng một là khu thờ tự, bao gồm ba gian tiền điện tôn trí tượng Bồ-tát Di lặc, Tứ đại Thiên vương, Kim cang Hộ pháp; Chánh điện thờ Đức Phật Bốn sư Thích-ca Mâu-ni, Bồ-tát Văn Thù, Bồ-tát Phổ Hiền và thập bát La-nán, hậu điện là khu thờ Tổ sư Chí Thiện cùng chư liệt vị tiền bối Tổ sư qua các thời kỳ. Liên kết tổng thể gồm tiền điện có hai mái cổ lầu, ở giữa là chánh điện có năm mái cổ lầu kết hợp đỉnh tháp bằng đồng dát vàng với trọng lượng ba tấn và chiều cao tám mét; liên kết phía sau là khu thờ Tổ có ba mái theo kiến trúc thuần túy mang đậm nét văn hóa Việt.

2. Khu lưu niệm

Là khu lưu giữ những tôn tượng Phật và Bồ-tát từ thời Tổ Chí Thiện đến nay. Kiến trúc gồm một trệt và mái ngói, chiều dài 15.4m chiều ngang 11.4m, chiều cao: 11,5m tổng diện tích 175.5m².

Nhân đại lễ tưởng niệm lần thứ 86 ngày Tổ sư Chí Thiện viên tịch (15/2/Quý Dậu), môn phong Tổ đình Phi Lai đã trang nghiêm tổ chức khánh thành giai đoạn 1 với sự quang lâm chứng minh và tham dự của hàng ngàn chư Tôn đức, Tăng, Ni cùng lãnh đạo chính quyền các cấp và đồng bào Phật tử. Ngôi cổ tự này là nơi sinh hoạt cho chư Tăng và Phật tử khắp nơi về nương tựa tu tập thực hành lời Phật dạy, noi theo tấm gương đạo hạnh sáng ngời của Tổ sư Như Hiển - Chí Thiện và chư vị tiền bối Tổ sư. Có thể nói, ngôi Tổ đình Phi Lai không chỉ là nơi bình yên thanh tịnh để tất cả người con Phật khắp nơi trở về tu tập, hướng đến những giá trị tốt đẹp trong đời sống mà còn là một danh lam thắng cảnh văn hóa tâm linh, tô điểm cho nền văn hóa dân tộc Việt, đồng thời góp phần trang nghiêm cho Phật giáo Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng.

Tổ đình Phi Lai là ngôi cổ tự gắn liền với dòng lịch sử của bậc cao tăng có công lao trong công cuộc xiển dương Chánh pháp và chấn hưng Phật giáo, là nơi hội tụ những giá trị đạo đức tâm linh, nền kiến trúc văn hóa đặc thù chùa Việt. Tổ đình Phi Lai sẽ mãi mãi lan tỏa hương thơm đạo hạnh như một loài hoa có sắc lại có hương. ■

Bồ-đề Đạo tràng

mấy điều mắt thấy tai nghe

Nguyễn Đạo VĂN CÔNG TUẤN

C huẩn bị lên đường, bạn dẫn tôi đến nơi nhớ điện thư cho biết năm nay (2018) Bồ-đề Đạo tràng có gì lạ. Tôi đáp ngay: vắng, sẽ cố gắng.

Nhưng xin hiểu giùm. Nếu ai đó trong ba năm qua, năm nào cũng đến đây thì khó thấy chuyện lạ. Chuyện gì cũng quen. Từ con đường đi có chỗ ổ gà phải tránh, cổng vào chùa khép đến chỗ nào thì nghe tiếng kêu kết kết, anh bán hàng góc chùa Tây Tạng lúc nào cũng cười tươi. Kể cả bà già ăn xin cũng là người cũ, ngồi ủ rũ y nguyên chỗ cũ. Chuyện gì cũng thấy như năm ngoái mình đã thấy. Nhưng, nói vậy mà việc ấy cũng có cái hay của nó: tự nhiên sao mình có cảm giác thật thân quen, như đi xa về lại thăm nhà. Thành ra muốn vừa lòng bạn nhưng không lẽ lặp lại chuyện đã từng kể cho bạn nghe những năm rồi. Rồi bỗng... quên luôn!

Giờ thì đã về đến nhà cả nửa năm rồi, ngồi nghĩ nhớ lại, rồi suy ngẫm so sánh vài chuyện trước mắt, thấy cũng có vài chuyện để kể và tâm sự.

1. Học từ trong gia đình...

Tôi từng đọc đâu đó trong kinh. Nhà ông Cấp Cô Độc có cô con dâu khó bảo, Đức Phật nhân một hôm được mời đến thọ trai đã dùng những ví dụ khuyên bảo và cô dâu này đã thay đổi tính nết, trở nên thuần hậu. Ngay tại trú xứ Đức của mình, tôi cũng từng biết vài câu chuyện các thầy, các Ni sư giúp đỡ hàng cư sĩ giải quyết những khó khăn, mâu thuẫn gia đình đồng hương mình. Lần này tôi thấy tại chỗ một trường hợp, ngay tại nơi Đức Thế Tôn ngày xưa thành đạo.

Chiều hôm đó, lúc đang ngồi trì kinh thì có một vị sư Theravada cùng ba cư sĩ đến ngồi ngay trước mặt tôi dưới đất chỉ cách vài mét (hôm đó khu vực đại tháp rất đông). Tôi hơi ngạc nhiên và tâm có xao lãng chút ít. Ba cư sĩ ngồi đối diện với sư, người lớn tuổi có thể là mẹ của một trong hai người ngồi ở giữa. Bắt đầu Sư nói gì đó thật từ tốn. Thấy ba người cùng lạy sư. Rồi đến người mẹ nói gì đó, rồi đến phiên cô gái nói rất dài, vừa nói vừa mếu máo khóc, có lúc nấc lên thành tiếng lớn. Nói xong là lạy. Đến phiên người thanh niên kia cũng vậy. Lại nói, lại lạy. Không tài nào để tâm trì kinh được nên tôi đứng dậy xá lễ danh hiệu Phật và lạy; nhưng Mô Phật, vừa lạy mà cũng vừa liếc chừng xem họ làm gì. Câu chuyện kéo dài cả hơn hai giờ đồng hồ.

Thái độ họ mới đầu căng thẳng và hung hăng nhưng càng nói càng êm ả hơn. Sau đó Sư nói gì đó. Một lát bà mẹ đứng dậy lạy và đi chỗ khác để hai người trẻ quay mặt lại với nhau. Họ nói gì với nhau rất lâu, hết người này đến người kia, rồi họ lại chấp tay lạy nhau. Chuyện lạ. Rồi Sư nói. Tôi từ từ hiểu câu chuyện. Có thể cặp vợ chồng này có điều gì bất hòa, mới đầu khá trầm trọng. Càng ngày càng dịu lại. Cuối cùng họ lạy nhau và nhìn nhau rất lâu. Sư cũng từ từ bi nhìn họ cười. Tôi rất muốn ghi hình ảnh đẹp đó, nhưng ở trong khu vực đại tháp không phải lúc nào mình cũng mang máy chụp hình hay Smartphone theo. May quá, tôi chợt nhớ đến anh bạn họa sĩ nổi tiếng xứ Huế tên là Hoàng Thanh Phong, đang ở cùng Trung tâm Viên Giác. Anh ta đang lạy chiếu gỗ phía bên kia. Tôi đi tìm anh ngay và yêu cầu anh vẽ lại giúp. Nhờ vậy nên tôi mới có bức tranh này đây. Thật là một chuyện vui ở Bồ-đề Đạo tràng, chuyện giáo pháp Đức Phật cho hàng tứ chúng Tăng, Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.



Tranh ký họa trên giấy của họa sĩ Hoàng Thanh Phong (Huế)

2. Văn và Tư...

- Quá giang đi theo một Pháp hội

Đó là Pháp hội Đại Bảo Tích của Tăng Ni Việt Nam.

Mới đặt chân vào đến cổng Bồ-đề Đạo tràng, khi đứng xếp hàng chờ an ninh kiểm soát tại tôi đã nghe văng lại qua hệ thống phát thanh âm vang giọng tụng kinh bằng tiếng Việt. Vô cùng ngạc nhiên. Sao mà thân thiện quá, cảm tưởng đúng là về nhà. Đi lần tìm nơi xuất phát, ngay trước Kim Cương tòa đã thấy đông đúc chư Tôn đức Tăng Ni Việt Nam ngồi xếp nhiều hàng nghiêm trang tụng kinh *Đại Bảo Tích*. Quý ngài bắt đầu tụng mỗi ngày từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Trưa nắng quá nên tạm nghỉ chừng hai giờ. Không có khung cảnh nào thanh tịnh bằng.

Tuy vậy, có hôm Pháp hội của mình phải nhường chỗ cho những Pháp hội lớn có những bậc Tôn túc cao của các truyền thống khác. Những hôm đó mình dời về phía hồ nước Long vương che chở Đức Phật trong ngày thành đạo thuở xưa. Hóa ra ở đây lại thoáng và mát mẻ hơn, cũng ít bụi, do số người đi bộ qua lại ít hơn. Do nhân duyên ấy, tôi quyết định thay đổi chương trình tu tập dự định từ trước và xin tham gia ngay vào Pháp hội.

Được biết Pháp hội này do hai vị Ni đứng ra khởi xướng và tổ chức. Để có kinh tụng, chư Ni đã thỉnh 50 bộ kinh bản mới nhất trong bộ *"Trí Tịnh Toàn Tập"* từ Việt Nam sang. Bản kinh này in khổ lớn, giấy tốt, in rõ ràng nên việc tụng rất thuận lợi. Nhưng vì vậy nên rất nặng ký, việc di chuyển từ Việt Nam đến Ấn Độ là một công phu, di chuyển vào tận khu vực đại tháp và chất cả mười mấy thùng cạc-tông cao để mỗi ngày đại chúng có kinh tụng cũng vô cùng khó khăn. Đó là chưa tính hệ thống âm thanh khá tốt, để luôn có hai vị Tăng hay Ni thay phiên nhau tụng bằng micro để dẫn chúng tụng theo. Chu đáo hơn, nhị vị Ni sư còn tổ chức cho

hai bữa ăn mỗi ngày, và lại cho ăn rất ngon. Buổi sáng sớm hội chúng đã tranh thủ đến đạo tràng tụng lúc trời còn mát. Tụng chừng hai giờ sau nghỉ giải lao để ăn sáng. Đến 12 giờ trưa nghỉ ăn cơm trưa. Có một Phật tử tôi nghe mọi người gọi tên là anh Nghĩa, phát tâm thuê một ngôi nhà gần đó để làm bếp và đích thân nấu thức ăn cúng dường chư Tăng Ni. Thật công phu và phước đức. Hội chúng gồm 70 Tăng Ni – từ nhiều nơi trên cả nước và hải ngoại - đã tụng liên tục trong vòng 21 ngày hết bộ *Đại Bảo Tích* tại ngay địa điểm xưa kia Đức Phật thành đạo. Sau khi hoàn kinh, có nhiều vị còn luyện tiếc nên tụng thêm ba bộ kinh *Pháp Hoa* nữa. Và hẹn nhau sang năm cùng đến tụng niệm.

Thật quý hóa.

3. ... Tu

Tu là sửa mình, là dọn dẹp sạch rác rến thân tâm. Ghi vậy cho đủ bộ Văn, Tư, Tu; ba bước căn bản của người học Phật.

Chuyện rất đáng nhớ này không thể nói vòng vo nên xin ghi lại bằng một tấm hình. Hình này là hình vị Sư ngồi gần khu vực hòn non bộ và tượng Phật Quan Âm lộ thiên bằng đá Non Nước của Việt Nam. Sư suốt ngày ngồi thiền, đi thiền hành và - đẹp nhất, theo tôi - là *thiền quét lá*. Từng động tác chậm rãi, Sư quét những chiếc lá phiền não oán trước, những nhớ bấn của thế gian rồi gom lại thành một đống để những người làm vườn mang đi. Có những hôm cứ ngồi nhìn mãi hình ảnh tôi đã cảm thấy một niềm an lạc không tả nổi. Sư cũng không hề đếm xỉa là có người đang quan sát, chỉ chú tâm vào công việc của mình. Sư thực hành pháp môn Thiền Dọn Rác. Còn tôi, tôi xin đặt tên cho việc của tôi là *"thiền quán sát"* (viết chữ thường chứ không dám viết hoa).





4. Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Có nhiều chuyện vui mà cũng có chuyện không vui. Nếu ở Hoa Kỳ có ông tổng thống sản xuất hàng loạt fake news qua twitter thì ở Bồ-đề Đạo tràng năm nay có số lượng sư giả đông gấp ba, bốn lần năm rồi – gọi là *Fake Monks*. Có những hôm có đến bốn, năm trăm vị ngồi kể bên những pháp hội để chuẩn bị nhận của cúng dường. Đáng buồn và lo hơn, năm này tôi còn thấy mấy mươi trẻ em bảy, tám đến mười mấy tuổi cũng mặc pháp phục như các chú tiểu và ngồi chen vào các hội chúng để xin tiền cúng dường. Đành rằng, các em làm vậy cũng đỡ hơn làm những việc phá phách khác nhưng sao thấy đau lòng quá, làm mất thanh tịnh nơi thánh tích trang nghiêm. Nhìn mặt mấy “Fake Baby Monks” này thấy khá khôi ngô, phải chi mấy chú vào các trường hay các Phật học viện miễn phí ở đây mà đi học đàng hoàng sẽ có bao nhiêu lợi lạc cho quần sanh. Chính Phật giáo Ấn Độ rất cần có những tu sĩ người Ấn thì mới mong có cơ hội phục hồi và phát triển Phật giáo trên chính quê hương của Đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni.

Năm nào cũng có nhưng sao năm này thấy đông quá!

5. Nhìn, thấy & chiêm nghiệm: Rác nào độc hơn?

Năm nay đặc biệt có một số tấm bảng dựng ngay cổng vào như thế này đây.

Không chỉ một mà có bảy, tám bảng hướng dẫn như thế. Tôi cứ thắc mắc không biết dòng thứ ba là lời khuyên gì. Nên nhân một buổi ngồi uống trà ở Trung

tâm Viên Giác tôi đem ra hỏi những vị ở Ấn Độ lâu năm. Người đi qua đi lại nhiều lần nhưng không ai để ý dòng chữ ấy (hay tại tôi có tật quá tò mò thắc mắc). Sau khi hỏi nhiều người Ấn và kiểm tra lại theo lời ông Google mới biết nội dung toàn tám bảng ấy nghĩa như sau:

- Không khạc nhổ
- Không hút thuốc
- Không nhai loại vỏ cây Pan Masala (loại có chất say)
- Không mang túi/ túi xách bằng ny-lông
- Không máy sạc pin hay bình sạc (cho Handy)

Thật là những hướng dẫn quá hay cho khách hành hương (nhất là với chúng tôi từ các nước Tây phương đến). Tôi đặc ý nhất là việc khuyến khích không sử dụng túi ny-lông nhằm bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Đi sâu thêm vào bên trong người ta trông thấy thêm mấy tấm bảng khác còn gây ấn tượng sâu đậm hơn:

Tuyệt diệu những cảnh báo cao quý đó. Nơi Phật thành đạo phải vậy chứ. Phải là mẫu mực, làm gương cho bao nhiêu cơ sở, bao nhiêu ngôi chùa, tự viện khác trên toàn thế giới. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta vẫn làm ngơ sử dụng quá nhiều túi ny lông hay các gia dụng plastic để tạo ra bao nhiêu rác phá hoại môi trường. Những rác này cần thời gian năm, bảy trăm năm mới tiêu được. Những rác này dồn vào sông hồ, biển và sát hại bao nhiêu loài chúng sanh khác.

Mặc dù chúng ta ở Tây phương cứ hành diện nói rằng đang sống ở nước văn minh nhưng nên tự hỏi

lại lòng mình: ai là người “văn minh” hơn? Mình vẫn cứ dùng và xả rác bừa bãi hằng khối plastic mỗi ngày. Từ túi ny-lông đến các Folie đựng thức ăn vô lý ở nhà bếp, bàn ăn. Sao không học bài học này (bên cạnh các bài học về giáo lý) để giảm phá hoại thiên nhiên, sát hại chúng sinh loài thủy tộc và qua đó sát hại cả chính gia đình và bản thân mình. Đây là một vấn đề nóng bỏng hiện nay. Cả thế giới, cả nhân loại đang quan tâm đến. Nhiều bà con mình, do quá bận rộn không có thì giờ theo dõi thời sự nên không tự ý thức được việc này, cứ xài theo thói quen. Đáng buồn thay! Tôi thấy nhiều nơi cứ dùng giấy Folie đựng thức ăn rồi vứt bỏ bừa bãi, cứ dùng ly nhựa, đĩa mù. Dĩ nhiên trong những trường hợp bất khả kháng ta phải dùng nó thì tôi không dám nói đến, những nếu tránh hay giảm được thì vẫn hơn.

Vấn nạn *Rác Plastic* hiện nay không còn là vấn đề nhận thức, vấn đề văn hóa, mà nó chính là vấn đề ĐẠO ĐỨC. Đây cũng là chỗ thể hiện **Tâm Từ Bi**. Từ bi với đồng loại và với những chúng sinh khác. Chẳng lẽ chỉ vì những tiện nghi trong một chốc lát mà ta nở tâm giết hại các loài chúng sinh khác như thế – dù vô tình dù cố ý.

Hình như người mình còn ít quan tâm chuyện này. Xin hoan hô Tu viện Quảng Đức, một trong rất ít cơ sở Phật giáo đã nghĩ tới việc này qua bài viết ngắn:

<https://quangduc.com/a64937/less-plastic>

6. Học hạnh bậc Hiền Trí

Bây giờ nhìn chung quanh ta, các vật dụng đa số đều bằng plastic đủ loại. Plastic là một nhiên, nguyên liệu vô cùng hữu dụng. Việc đó chúng ta không thể chối cãi được. Kỹ nghệ và chính trị đang có những biện pháp để tái chế các phế phẩm plastic dùng cho các công cụ khác. Điểm đáng nói hôm nay là việc dùng các công cụ không đáng dùng: một túi ny-lông đi chợ, giấy folie đựng thức ăn... Có đáng vậy không, nếu vì sợ bụi phải đựng chén ché để ăn ngon miệng trong vài phút mà ta giết chết những loài thú vật vô tội kia. Đi chợ mình cũng có thể sử dụng lại cái túi ny-lông cũ hay mang một túi vải theo để đựng. Đơn giản vậy thôi.

Ở nước Đức, vào cuối tháng 2/2019, Bộ Bảo vệ Môi trường (Bundesumweltministerin) đã ra thông cáo báo chí rằng chính quyền đang hợp tác với các nhà sản xuất để không (hoặc hạn chế) sử dụng các bao bì ny-lông trong việc gói thực phẩm bày bán tại các siêu thị. Đến giữa năm 2021 thì tất cả các muỗng nĩa tô chén đĩa bằng mù cũng như các mâm đựng thức ăn, uống bằng mù sẽ bị cấm hẳn trên toàn châu Âu.

Bây giờ khắp nơi trên toàn cầu, các thanh thiếu niên đang phát động một chiến dịch “Bãi khóa và Biểu tình - Fridays for Future (ngày Thứ sáu cho Tương lai)”. Phong trào này do một thiếu nữ tên là Greta Thunberg (sinh năm 2003) phát động ở Thụy Điển từ năm 2018, khi cô chỉ mới 15 tuổi. Hằng tuần vào ngày thứ sáu, các thanh

thiếu niên trên toàn thế giới đều làm như thế. Ví dụ, chỉ trong một ngày thứ sáu, 15.03.2019 tại thủ phủ Kiel của tiểu bang Schleswig-Holstein nơi tôi đang ở, đã có 7.000 học sinh và sinh viên bãi khóa xuống đường để đòi hỏi các nhà chính trị phải có biện pháp quan tâm đến việc bảo vệ môi trường, môi sinh. Tôi cũng có mặt cùng các bạn trẻ ấy, dù hôm ấy trời đang mưa và bão. Tôi đứng ngay trước tòa Thủ hiến của tiểu bang cùng với họ, đa số là những người rất trẻ mà khâm phục họ quá. Có bạn học sinh chỉ mới chừng 12, 13 tuổi; có bạn sinh viên đã hai mươi mấy, ba mươi. Họ đang đòi hỏi một quyền tương như đương nhiên ai cũng có, quyền được sống trên hành tinh này. Không phải chỉ bây giờ mà cả trong tương lai. Họ đang đòi hỏi tất cả chúng ta phải có trách nhiệm với hành tinh của chúng ta. Có thể thế hệ chúng ta chưa thấy rõ những thảm họa nhưng thế hệ trẻ ấy – hay con cái của họ – sẽ hứng chịu thê thảm những điều do chúng ta bây giờ đang gây ra. Bởi vậy họ mang theo những tấm biểu ngữ tự phát vô cùng cảm động. Ví dụ như cháu Laura (14 tuổi) nói thay lời cho môi trường thiên nhiên: “*Nếu chúng tôi bị biến mất, chúng tôi sẽ mang các người theo*”. Đừng tưởng rằng thiên nhiên quá tàn ác khi nhìn thấy những cơn sóng thần cuốn đi hàng vạn người hay những trận động đất kinh hồn khiến cả ngàn người chết. **Đó chỉ là những cái cựa mình đau đớn quằn quại của thiên nhiên, là tiếng kêu để ta thức tỉnh.** Anh bạn trẻ sinh viên địa chất Thomas (24 tuổi) viết tấm biểu ngữ đọc mà cười... ra nước mắt: “*Hãy chuẩn bị mặc quần tắm vào đi, biển ngập tràn khắp rồi!*”. Báo *Kieler Nachrichten* cho biết ngày hôm đó, riêng tiểu bang Schleswig-Holstein chúng tôi, các bạn trẻ đã đồng loạt tổ chức biểu tình trên 23 thành phố. Cả thế giới ngày hôm đó cũng có tổng cộng 1.800 địa điểm trong 123 quốc gia đã đồng loạt nói lên tiếng nói của những sinh viên học sinh như thế. Họ là những người trẻ đang sinh sống tại Jakarta, Sydney, London, Rome, Stockholm, Tokyo, Florida... Và không phải chỉ một hôm, họ sẽ còn tranh đấu tiếp tục. Những “người lớn” chúng ta nghĩ sao đây? Họ, những người trẻ, có quyền đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ và hiểu về những điều đó. Xin đừng cố tình ngoảnh mặt làm ngơ.

Xin nói thêm một chút về người khởi xướng phong trào “Fridays for Future” là cô Greta Thunberg. Tại *Hội nghị Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 24 (COP24)* vào tháng 12 năm 2018 ở Ba Lan, cô gái 15 tuổi này được mời đọc một bài phát biểu tại đại sảnh đường và được ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc António Guterres tiếp kiến. Cô nói với các đại biểu của hội nghị nhưng cũng là một lời nhắn gởi đến cả những “người lớn” trên toàn thế giới rằng: “Các vị không đủ trưởng thành để nói đúng về các sự việc như chính sự thật của nó. Các vị đã mặc kệ cho những người trẻ phải đảm đương cái gánh nặng ấy. Các vị thường nói các vị

yêu mến tuổi trẻ hơn hết, vậy mà các vị lại đánh cắp tương lai của họ ngay trước mắt họ”.

Một bà mẹ đã lớn tuổi với nickname “Karen Lester” đã viết về Greta như thế này trong Facebook:

(Greta), Bạn là “Thiên Thần của Hành Tinh này”. Bạn đã phát biểu bằng cả những sự thông thái và hùng biện hơn hầu hết những người lớn. Và bạn là linh hồn già dặn, đây là điều rất đáng khen ngợi, tán thưởng. Tôi là một người mẹ, những đứa con đã trưởng thành của tôi đều đã lớn tuổi hơn bạn, nhưng bạn đã nói những lời ấy cho tất cả chúng tôi, **TẤT CẢ CHÚNG TA, ngay cả những người không có tai để nghe.** Nhưng những người như chúng tôi biết rằng chúng tôi luôn có mặt bên bạn, chúng tôi đánh giá bạn rất cao, cao hơn bạn nghĩ. Sự duyên dáng và khiêm tốn của bạn thật tuyệt vời - hãy tiếp tục nói, tiếp tục nói, tiếp tục thu hút các nhà lãnh đạo quay trở lại trái đất và các phương cách chúng ta chăm sóc trái đất. Tiếp tục đi, chúng tôi cần bạn lắm.

Trước đây ba ngày (khi viết bài này 03/04/2019), vào cuối tháng 3/2019 Greta được trao giải thưởng “Camera vàng - Goldene Kamera” tại thủ đô Berlin của Đức, một giải thưởng mà tất cả nghệ sĩ, diễn viên điện ảnh hay phóng viên... đều mong muốn. Sau khi nhận giải, Greta đã trả chiếc Camera vàng lại cho ban tổ chức vì cô không thể nhìn thấy hình ảnh công ty bảo trợ là hãng xe Volkswagen đã tặng những chiếc xe hơi đắt giá cho người nhận giải hay đã dùng những chiếc xe nhiều phân khối chở những người nổi tiếng đi vào khu vực hành lễ. Theo Greta, chính những công cụ này đã tạo ra khối lượng lớn CO₂ làm hâm nóng địa cầu. Năm này, 2019, Greta Thunbergsẽ được đề cử là ứng viên giải Nobel Hòa Bình.

* * *

Bạn ạ, chuyển về Bồ-đề Đạo tràng lần này, khi nhìn các tấm bảng nói trên tại cổng vào ở Bồ-đề Đạo tràng tôi đã có cơ hội chiêm nghiệm thêm lời Phật dạy và đã thấm hơn. Thời Phật chưa có plastic, chưa có túi ny-lông. Nếu có chắc Phật sẽ chế ra một giới, hay một lời kinh bảo rằng các con không nên sử dụng bữa bãi các loại plastic ấy mà gây tổn hại người, tổn hại vật, gây khổ đau cho muôn loài chúng sanh. Những người con Phật chúng ta cũng đã đủ lớn khôn để hiểu rằng không phải việc gì Từ Phụ cũng phải nói thẳng. Nhiều việc người cha lành chỉ nói chung, nói tổng quát thôi, con cháu phải tự suy xét lấy. Phật chẳng từng bảo rằng chúng ta nên tự đốt đuốc lên mà đi. Phật chỉ dạy chúng ta con đường đi thôi.

Xin ghi lại những lời này để cùng chiêm nghiệm. Đây là những lời dạy quý báu của Đức Đạt-lai Lạt-ma khi ngài nói chuyện, tâm sự với những người trẻ¹. Những lời này đích thị là những lời nói đầy trí tuệ và từ tâm của một vị Phật:

Hỡi những người trẻ trên khắp thế giới, tôi kêu gọi các

bạn hãy kiến tạo một thế hệ hòa bình đầu tiên cho Địa cầu huynh đệ này (...)

(...) Các vấn đề khó khăn mà các bạn đang phải gánh chịu ngày nay không phải là do các bạn tự tạo ra cho mình. Đây là các khó khăn lưu lại từ thế hệ của tôi và của cha mẹ các bạn, tức là các thế hệ của thế kỷ XX. Hãy tạo ra một thế hệ với thật nhiều lối thoát. Cha mẹ của các bạn nào có cố tình phá hoại môi trường đâu. Phần đông trong số họ khi ý thức được sự tác hại rộng lớn của thảm họa này thì đã muộn. Tại sao? Chẳng qua vì sự suy thoái môi trường thiên nhiên diễn tiến một cách tuần tự, vì thế chỉ có thể nhận thấy được sự suy thoái đó sau một thời gian dài.

Năm 2011 tôi đã quy tụ được các chuyên gia quốc tế cùng họp với tôi tại Dharamsala để bàn thảo về chủ đề “Môi sinh, Đạo đức và Nguyên lý Tương liên”². Một trong các chuyên gia trên đây cho biết thán khí (CO₂) là một loại khí không có mùi cũng không có sắc, điều này thật đáng tiếc, bởi vì nếu thán khí có màu xanh hay màu hồng, hoặc bốc mùi, thì người ta sẽ nhận biết nó dễ dàng hơn. Nhờ đó những người làm chính trị cũng như quần chúng sẽ cảm thấy dễ dàng hơn sự nguy hại khi nồng độ của nó tăng cao.

Nửa đùa nửa thật trong buổi họp ấy, tôi gợi ý một cách hóm hỉnh như sau: giả thử nếu kết hợp được tất cả các nguyên thủ quốc gia trong một gian phòng đóng kín và sau đó xịt thán khí vào phòng cho đến khi tất cả đều cảm thấy khó thở và bức bối - mục đích không phải là để làm cho họ bị chết ngạt mà chỉ để ý thức họ là phải sớm tìm các biện pháp ngăn ngừa. Thật vậy, đây là lần đầu tiên trong lịch sử con người, quyền sống của các bạn và con cái các bạn đang bị lâm nguy.

Đó cũng là thông điệp mà Đức Phật Thích-ca lịch sử từng giảng dạy ngay trên vùng đất Ấn Độ. Vấn đề của chúng ta là nhiều khi ta đã hiểu các lời kinh quá “cao siêu” mà quên những chi tiết thực tế, quên rằng mình đang đứng trên quả địa cầu, như chính vị Phật sống Đạt-lai Lạt-ma đã hiểu.

Này Tỷ-kheo, một bậc hiền trí với đại trí tuệ không có ý định làm tổn hại chính mình, hoặc làm tổn hại kẻ khác, hoặc làm tổn hại cả hai. Mà trái lại, khi vị ấy có ý định gì, thì vị ấy có ý định làm những việc lợi lạc cho chính mình, lợi lạc cho kẻ khác, lợi lạc cho cả hai, và lợi lạc cho toàn thể giới. Bằng cách này một người được gọi là một bậc hiền trí với đại trí tuệ.

(Kinh Tăng chi bộ, II, Ch IV, (XIX):186) ■

¹ **Nguồn:** *Hãy làm một cuộc cách mạng!* Lời kêu gọi tuổi trẻ của Đức Đạt-lai Lạt-ma. Đức Đạt-lai Lạt-ma & Sofia Stril-Rever. Hoang Phong chuyển ngữ.

² **Túc:** Hội nghị Mind & Life XXIII, Oct 2011. Các cuộc hội họp Mind & Life/Tâm thức và Sự sống là nhằm kết hợp giữa Phật giáo và Khoa học với chủ đích phát huy sự hiểu biết về bản chất của hiện thực, w.w.w.mindandlife.org - ghi chú trong sách.



Nếp sống trí tuệ của người con Phật

NGUYỄN OANH

Trong Đại kinh Đoạn tận ái thuộc tuyển tập Trung bộ, Đức Phật nêu ra hai lối sống - lối sống của những người chưa biết đến Phật pháp và nếp sống của những người chuyên tâm hành trì lời Phật dạy - nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của lối sống sáng suốt thoát ly khổ đau ngay trong đời này.

Trước hết, bậc Giác ngộ nói về lối sống thường tình của những người chưa có cơ duyên học tập Phật pháp:

“Này các Tỷ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình. Rồi này các Tỷ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỷ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi (hài nhi ấy) với máu của mình. Này các Tỷ-kheo, trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu. Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thực, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cây nhỏ, chơi khăng, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đồng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ. Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thực, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống với niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó

không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục hỷ sanh, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, nên dục hỷ sanh, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Khi người đó nghe tiếng với tai... khi người đó ngửi hương với mũi... khi người đó nếm vị với lưỡi... khi người đó cảm xúc với thân... khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.”¹

Tiếp theo, Đức Phật nói đến lối sống sáng suốt của những người có nhân duyên được nghe pháp của bậc Giác ngộ:

“Này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân, lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe Pháp ấy. Sau khi nghe Pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tin ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: “Đời sống gia đình đầy những phiền phức, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”. Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống thành tựu học pháp chánh hạnh, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sống thanh tịnh, không có trộm cắp; từ bỏ tà hạnh, sống theo phạm hạnh, sống hạnh viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ; từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời; từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đến nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoả mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp; từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người; từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hộ giống và các loại cây cỏ; dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, trình diễn, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thơm và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ, gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường; từ bỏ các tà hạnh như

hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy biết đủ với tầm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo biết đủ với tầm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Vị ấy nhờ thành tựu Thánh giới uẩn này nên hưởng được lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp; vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy với sự thành tựu Thành giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì căn này, và với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.



Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy từ bỏ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... khi vị ngửi hương bằng mũi... Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.”²

Lời Phật nhắc cho chúng ta rằng con người sinh ra ở đời nếu không có duyên may được gặp Phật pháp thì hầu như chỉ có duy nhất một lối sống để theo đuổi, không có sự lựa chọn nào khác. Đó là sống theo tập quán thường tình của thế gian, tìm cầu các khoái cảm giác quan, yêu thích cái này, ghét bỏ cái kia, tìm kiếm lạc thọ, lẩn tránh khổ xúc, vùng vẫy trong thế giới có-không, hơn-thua, được-mất, vui-buồn của đời người cho đến hơi thở cuối cùng. Bản chất giới hạn và bất toàn của hiện hữu khiến con người luôn cảm thấy thiếu thốn và khao khát, cố tìm kiếm sự thỏa mãn trong mọi giới hạn của cuộc đời; nhưng càng nỗ lực tìm kiếm thì cảm giác thiếu thốn và khao khát càng gia tăng, vì lòng tham của con người là không biên giới³. Kinh *Pháp cú* nói rằng người đời mê say tìm cầu các lạc thú thế gian, nhưng lòng ham muốn chưa thỏa mãn thì đã bị cái chết chinh phục⁴. Nói cách khác, sự

đời không làm thỏa mãn lòng ham muốn của con người; con người càng chạy theo tập quán tham dục thì càng bị ái dục trói buộc và sẽ chết đi với tâm thức khao khát ái dục, tiếp tục tìm kiếm sự thỏa mãn trong các cảnh giới tái sinh, bị dục ái (*kāmatanhā*) và hữu ái (*bhavatanhā*) giam cầm vĩnh viễn trong thế giới luân hồi khổ đau.

Kinh *Pháp cú* dạy như vậy:

Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng;
Sầu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ bị gặt mưa”.⁵
“Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới;
Chúng sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.”⁶

Với mục đích khai thị cho nhân loại về sự thật khổ đau và con đường đi ra khỏi khổ đau, Đức Phật nêu ra hai lối sống để cho mọi người chiêm nghiệm và chọn lựa. Thứ nhất là lối sống thiếu hiểu biết, thiếu tu tập, tự mời gọi khổ đau và thứ hai là lẽ sống sáng suốt, có tu tập, đi ra khỏi khổ đau.

Lối sống thứ nhất là lối sống thường tình giữa thế gian, kinh Phật gọi là phi Thánh cầu (*Anariya pariyesanā*), tức là tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm⁷, biểu lộ qua lối sống mê say tham đắm các lạc thú thế gian, tìm cầu danh lợi trần thế, không phòng hộ các căn môn, không chánh niệm tỉnh giác trong đời sống xúc chạm hàng ngày, tâm tư rơi vào thuận ứng (ham thích) và nghịch ứng (ghét bỏ), chạy theo các cảm thọ, dung dưỡng thói quen tham ái và chấp thủ, hướng đến sanh hữu, tiếp tục tạo ra sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Lối sống thứ hai là lẽ sống giác ngộ, gọi là Thánh cầu (*Ariya pariyesanā*), nghĩa là tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị chết, tìm cầu cái bất tử, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn⁸, được thể hiện qua nếp sống có tu tập, thường xuyên nhiếp hộ các căn môn, chánh niệm tỉnh giác trong đời sống hàng

ngày, tâm tư không rơi vào thuận ứng và nghịch ứng, không chạy theo các cảm thọ, không nuôi lớn tham ái và chấp thủ, không hướng đến sanh hữu, chấm dứt sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não trong tương lai.

Lối sống thứ nhất tiêu biểu cho đời sống của những người chưa có cơ duyên học tập Phật pháp, không biết thế nào là sự nguy hại của các dục và lợi ích của sự xuất ly các dục, không biết cách diệt trừ ác pháp và thành tựu thiện pháp, không có Giới-Định-Tuệ, sống theo tập quán tham ái và chấp thủ, chạy theo các cảm thọ, thường xuyên rơi vào thuận ứng và nghịch ứng, tâm tư ô nhiễm, bị thuận duyên giữa cuộc đời làm cho mê say và bị nghịch cảnh làm cho sầu muộn, gọi là có thân không tu tập và tâm không tu tập⁹.

Lối sống thứ hai đại diện cho lẽ sống sáng suốt của những người chuyên tâm hành trì lời Phật dạy, thấy rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly các dục, hiểu rõ sự nguy hại của ác pháp và lợi ích của thiện pháp, nỗ lực tâm tu tập Giới-Định-Tuệ, thực thi nếp sống phòng hộ các căn môn, nhiếp phục tâm tham ái và chấp thủ, giác tỉnh về các cảm thọ, không để cho mình rơi vào thuận ứng và nghịch ứng, tâm tư không ô nhiễm, không còn bị các đối tượng hấp dẫn làm cho mê say hay các đối tượng không thích ý làm cho phiền muộn, thể hiện tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong cuộc đời, gọi là có thân tu tập và tâm tu tập¹⁰.

Nhìn chung, sự thiếu hiểu biết về hiện hữu và bản chất khổ đau của sự kiện hiện hữu khiến cho con người thành ra mê lầm, không thấy rõ khổ đau, rơi vào ái luyến khổ đau, mê chấp khổ đau, tự mời gọi khổ đau, tiếp tục tìm cầu khổ đau, không biết đến con đường đi ra khỏi khổ đau. Hiện hữu (thế giới ngũ uẩn, cảnh giới tái sanh luân hồi) chịu sự sanh diệt (sanh, già, bệnh, chết), biến hoại, khổ đau, là thế giới bất an, bất toàn, bất toại nguyện, không phải là nơi chốn để cho con người tìm kiếm hạnh phúc. Thiếu hiểu biết mà rơi vào thích thú hiện hữu, tìm kiếm sự thỏa mãn trong hiện hữu, chấp nhận hiện hữu là hạnh phúc tức là tự mời gọi khổ đau, bởi bản chất của hiện hữu là giới hạn, biến hoại, khổ đau, không an toàn, không toại nguyện. Đó là thái độ thiếu hiểu biết của những người chưa có cơ duyên học nghe lời Phật dạy, chỉ thấy vị ngọt của hiện hữu, không thấy được sự nguy hiểm của hiện hữu, rơi vào mê say tham đắm hiện hữu, tiếp tục mời gọi khổ đau ở trong hiện hữu, gọi là tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.

Trái lại, người có nhân duyên được nghe lời Phật dạy, hiểu rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly hiện hữu thì không còn mê đắm hiện hữu, không cố công tìm kiếm sự thỏa mãn ở trong hiện hữu, không hân hoan, không chấp trước hiện hữu¹¹; chỉ xem hiện hữu là cơ duyên cho sự nỗ lực giải thoát khổ đau. Người đó ý thức rõ sự kiện

được làm người là cơ duyên may mắn nhưng còn may mắn hơn là nhân duyên được nghe Phật pháp, vì chỉ có pháp của Phật mới giúp cho con người thoát khỏi mọi mê lầm khổ đau. Vị ấy quyết tâm sống theo lời Phật dạy, không tìm cầu dục lạc, dẫu là lạc chư Thiên, chỉ ưa thích ái diệt¹²; lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm chỗ nương tựa; chấp trì Bát Thánh đạo, thực thi nếp sống Giới-Định-Tuệ, nỗ lực nuôi dưỡng giới đức, làm trong sạch tâm thức và phát triển trí tuệ hướng đến giác ngộ; thể hiện nếp sống giải thoát trong đời sống xúc chạm hàng ngày, gọi là thực chứng tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vị ấy được mô tả có lối sống như thế này:

*"Khi thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy từ bỏ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này. Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... Khi vị ấy ngửi hương bằng mũi... Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".*¹³

Bản kinh Điem lành tối thượng (*Mahamangala Sutta*) thuộc kinh *Tập, Tiểu bộ*, diễn tả ngắn gọn về nếp sống trí tuệ ấy:

*Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là điem lành tối thượng. ■*

Chú thích: 1&2&13. Đại kinh Đoạn tận ái, *Trung bộ. 3.* Kinh *Pháp cú*, kệ số 186. **4.** Kinh *Pháp cú*, kệ số 48. **5.** Kinh *Pháp cú*, kệ số 335. **6.** Kinh *Pháp cú*, kệ số 342. **7&8.** Kinh *Thánh cầu, Trung bộ. 9&10.* Đại kinh *Saccaka, Trung bộ. 11.* Kinh *Phạm Thiên cầu thỉnh, Trung bộ. 12.* Kinh *Pháp cú*, kệ số 138.

Khoa học, nghệ thuật và tính tâm linh

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Einstein đã nói khoa học mang trong mình nó một tính tôn giáo, tính tín ngưỡng vũ trụ: *“Những nhà hoạt động nghiên cứu khoa học, dù bị người đương thời hoài nghi, nhưng đã chỉ ra con đường cho những người cùng tư tưởng sống rải rác ở các miền của thế giới và trải qua nhiều thế kỷ.*

Chỉ có ai cố gắng hiến đời mình cho những mục đích tương tự mới có được một quan niệm sinh động về cái gì đã đem lại hồn và sức mạnh cho những bậc vĩ nhân này, mặc cho vô số thất bại nhưng vẫn trung thành với mục đích của họ. Đó chính là tính tín ngưỡng vũ trụ. Một người đương thời đã nói không phải không có lý rằng những nhà nghiên cứu nghiêm túc trong thời đại phổ biến tính vật chất chủ nghĩa của chúng ta chính là những người duy nhất có tính tín ngưỡng sâu xa.

Hãy thử và thâm nhập những bí ẩn của vũ trụ với những phương tiện giới hạn của chúng ta, bạn sẽ thấy, đằng sau những chuỗi mắt xích có thể nhận ra, còn có cái gì tinh tế, không thể hiểu thấu đáo và giải thích được. Sự tôn kính trước sức mạnh này, ngoài những cái chúng ta có thể hiểu, đó là tôn giáo của tôi. Trong chừng mực này, thực tế, tôi là người có tín ngưỡng.

Thật là một cảm giác tuyệt vời khi khám phá được tính thống nhất của một phức hợp các hiện tượng vốn biểu hiện trước giác quan như những sự vật hoàn toàn tách biệt nhau.”

Và khi Einstein nói về nghệ thuật, ở đây là âm nhạc, chúng ta vẫn nghe thấy cái gì đó ở tầm mức vũ trụ:

“Vivaldi, Bach và Mozart. Đặc biệt là Mozart! Tôi tin rằng âm nhạc của Mozart đẹp và tinh khiết đến độ tôi xem nó như chính vẻ đẹp nội tâm của vũ trụ. Những gì tôi có thể nói về tác phẩm của Bach là: nghe, chơi, yêu, chiêm ngưỡng nó, và im lặng.”

“Mozart đẹp lắm, dịu dàng không thể tả, ông luôn luôn như thế và mãi mãi như thế. Có một cái gì vĩnh cửu, thoát khỏi bàn tay định mệnh và tất cả sự mù quáng của con người” (Trích từ Einstein, tác giả Nguyễn Xuân Xanh, bản in lần 9, 2011).

Với Einstein, khoa học và cả nghệ thuật luôn luôn đi tìm kiếm để tiếp xúc với cái mà ông gọi là “tín ngưỡng vũ trụ”, “tôn giáo vũ trụ”, “tính thống nhất của các hiện tượng”, “vẻ đẹp nội tâm của vũ trụ”, “có một cái gì vĩnh

cửu, thoát khỏi bàn tay định mệnh và tất cả sự mù quáng của con người”.

Cái đó, kinh *Pháp hoa* gọi là “thật tướng của tất cả mọi sự” (chư pháp thực tướng). Cái đó, “cái gì vĩnh cửu”, “tính thống nhất của các hiện tượng” được gọi là “chân lý tuyệt đối và tối hậu” so với chân lý tương đối và quy ước; là “nền tảng của mọi xuất hiện”, là “Như Lai tạng” từ đó mọi sự sinh khởi...

Từ thời Hy Lạp (khoảng 500 năm trước Tây lịch), các triết gia và cũng là những nhà khoa học, đã đi tìm bản thể của vũ trụ. Thales cho rằng nguyên chất căn bản là Nước; Heraclite cho rằng vạn vật đồng nhất thể và tương trưng chất thể nguyên sơ là Lửa; Anaximène cho rằng nguyên chất căn bản là đơn nhất và vô hạn; Pythagore nói rằng sự vật là những con số, và những con số ấy hòa âm với nhau tạo thành sự hòa âm của vũ trụ (kosmos)...

Cái gì là bản chất của vũ trụ? Cái gì là nền tảng của mọi xuất hiện với các giác quan và ý thức? Câu hỏi ấy là một ám ảnh phải tìm hiểu ngay từ lúc khởi nguyên của văn minh Tây phương với các triết gia và các nhà khoa học vĩ đại. Cho đến bây giờ, ám ảnh ấy vẫn là động cơ thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học.

Tiến sĩ Francis S. Collins, Giám đốc Dự án Giải mã *Gen Người*, sau khi hoàn tất dự án đã viết cuốn *Ngôn ngữ của Thượng đế* (The Language of God, 2006) nói về thứ ngôn ngữ (sinh học) mà Thượng đế đã sử dụng để sáng tạo nên sự sống. Về mặt vật lý, hạt Higgs được xem là “hạt của Thượng đế”. Nhà vật lý Leon Ledeman, Nobel Vật lý 1982, đã viết cuốn *The God’s Particle: If the Universe is the Answer, What is the Question* (*Hạt Thượng đế: Nếu vũ trụ là câu trả lời, thì Cái Gì là câu hỏi?*).

Khi nói tôn giáo là sự nối kết trở lại (re-ligion) thì nối kết trở lại với Cái Gì? Cái Ấy có lẽ là cội nguồn của con người và vũ trụ, và luôn luôn bao bọc con người và vũ trụ. Nói thế nghĩa là cái ấy là nền tảng của cuộc đời con người và sự sống của vũ trụ, từ quá khứ, hiện tại, cho đến tương lai. Cái nền tảng cho mọi hình thức sống ấy hiện giờ đang có đây, vì thế nó là ám ảnh ghê gớm cho mọi hoạt động của con người.

Nếu như khoa học tìm kiếm nền tảng của mọi hiện tượng như một cái gì khách quan, thậm chí ở bên ngoài, thì tất cả mọi văn chương, triết học, nghệ thuật... cũng

đi tìm nền tảng ấy, nhưng qua những trải nghiệm của cuộc đời làm người bằng một tâm thức nghiêng nhiều về 'trí thông minh cảm xúc'. Đầu là ý nghĩa của cuộc đời làm người? Sống và chết để làm gì? Tôi là ai? Tôi hiện sống trên cái gì hay trên hư vô? Và chết sẽ đi về đâu?

Những nhà văn lớn, qua trải nghiệm cuộc sống của mình, đã đi đến những vấn đề cốt lõi của thân phận con người.

"Nếu không có cái gì cao hơn con người thì mọi sự đều được phép làm (*Tội ác và hình phạt* - Dostoevski).
"Cái Đẹp sẽ cứu rỗi thế giới" (*Anh em nhà Karamazov*)
"Nếu trần gian này là một nơi chốn lưu đày thì đâu là quê nhà của con người?" (*Lưu đày và quê nhà* - Albert Camus).
"Rốt cuộc, con người chỉ là một đam mê vô ích" (*Hữu thể và hư vô* - J.P. Sartre).

*Trời xuân xanh xuống hẹn rằng
Sớm sương đổi lục chiều trăng thay hồng
Ngõ về em có nhớ không
Bóng vang đầu nước hình lồng cuối hoa...*

*... Mùa mây trên tháng năm còn
Ngày vui thứ nhất trái tròn sơ nguyên
Dâu Tần ngả nhánh nghiêng nghiêng
Ôi người cố quận nhìn em phương nào.*
(Đi tìm, *Mưa nguồn* - Bùi Giáng)

Đi tìm cái chính thật là mình, tính tâm linh vốn có của mình, quê nhà đích thực của mình..., đây là động lực cho văn chương và thơ ca. Và cuộc hành trình tìm kiếm ấy đến bây giờ vẫn như mới bắt đầu.

Quả thật con người đã bị thất lạc quê hương của mình, như kinh *Pháp hoa* nói câu chuyện chàng cùng tử quên mất quê nhà, như *Kinh Thánh* nói câu chuyện đứa con hoang đường trở về.

Nhìn qua một ngành nghệ thuật khác là hội họa. Các họa sĩ vẽ cái gì? Không phải vẽ cho giống, mà vẽ chính cái thấy của họ về thực tại. Nói cách khác, họ đi tìm thực tại qua những bức tranh vẽ của mình. Nghệ thuật là con đường để đi tìm thực tại, đi tìm lý lịch, bản thể của chính mình và vũ trụ.

Chỉ nhìn qua vài ngành hoạt động của con người như vậy, chúng ta nhận ra là tất cả văn hóa và văn minh của con người là sự tìm về hay tìm đến cái thực tại tối hậu - mà trong bài này gọi là tính tâm linh. Chưa tìm ra nó, con người vẫn còn lạc lõng, còn hy vọng hão huyền và sợ hãi vô cớ; vẫn luôn luôn có những bất toại nguyện cấu thành một đời người.

Nhưng chúng ta cũng thấy rằng những con đường khoa học, nghệ thuật chỉ mới tiếp xúc ở những bước đầu của con đường tâm linh, và việc chúng có thể vượt khỏi tầng ý thức để đi trọn con đường tâm linh hay không thì không thể biết chắc.

Tất cả lịch sử loài người là tìm kiếm, dù có ý thức hay một cách vô thức, cái đời sống trọn vẹn, hoàn hảo,



vượt khỏi phiền não khổ đau và những mâu thuẫn xung đột xảy ra từng phút từng giây trong tâm thức mình và hiện hình trong đời sống xã hội. Đời sống ấy Đức Phật đã tìm thấy và thể nhập trọn vẹn. Rồi sau đó có rất nhiều người khác ở mọi quốc gia đã đi theo, biết và sống đời sống hoàn hảo ấy. Các vị là những chứng nhân cho sự việc một đời sống Chân-Thiện-Mỹ có thể xuất hiện ở đời, và các vị đã nối tiếp nhau làm thành dòng sống, lịch sử tâm linh, của đạo Phật.

Đạo Phật là con đường do Đức Phật đã đi, cho đến rốt ráo của tính tâm linh, và mỗi thế hệ về sau luôn có những người đi trên con đường ấy và mở rộng thêm, như số các Luận mỗi thế hệ lại có nhiều thêm ở các quốc gia trên thế giới cho thấy. Đức Phật đã từng nói: "*Đây là con đường hoàn hảo ở chặng đầu, hoàn hảo ở chặng giữa, hoàn hảo ở chặng cuối cùng*".

Đạo Phật giúp con người hoàn thành số phận làm người bằng cách hướng dẫn con người đi hết con đường tâm linh, hoàn tất tính tâm linh vốn có của mình. Vì lý do đó mà đạo Phật vẫn tồn tại ngày nào con người chưa hoàn tất định mệnh cao cả của mình, tính tâm linh của mình. Tính tâm linh ấy, nói theo kinh *Đại Bát Niết-bàn*, là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. ■

Tiếp cận cái chết

Nguyên tác Pháp ngữ: **TRỊNH ĐÌNH HỖ**
Việt dịch: **TRẦN TUẤN MÃN**

Dẫn nhập

Cái chết là một vấn đề quan trọng cứ theo đuổi chúng ta suốt đời và không ngừng chất vấn chúng ta cho đến hơi thở cuối cùng.

Là Phật tử, chúng ta càng đặc biệt cảm thấy có liên quan đến đề tài này vì theo truyền thuyết, khi ra khỏi cung điện, thái tử Tất-đạt-đa Cồ-đàm (*Siddharta Gotama*) trông thấy một người bệnh, một người già và một đám tang, Ngài quyết định dứt khoát ra đi tìm chân lý và về sau trở thành Đức Phật, bậc Chứng ngộ Toàn hảo.

Nhưng, chắc chắn một câu hỏi nung nấu trên môi bạn: tại sao lại nói về cái chết vào đầu năm khi người ta nên nêu ra những ước mong sức khỏe, thịnh vượng và hạnh phúc? Há chẳng phải tỏ ra bi quan, rầu rĩ trong khi thế giới ngày nay đang là nạn nhân của bạo lực và của nghi ngờ, bao giờ cũng cần lạc quan và hy vọng hay sao?

Tôi xin gián tiếp trả lời câu hỏi này bằng cách nêu lên một bài kệ (gatha) mà bạn cũng biết rõ do Thiền sư Việt Nam Mãn Giác (thế kỷ XI) sáng tác trước khi viên tịch:

*Xuân đi, trăm hoa tàn
Xuân đến, trăm hoa nở
Trước mắt, bánh xe thời gian không ngừng quay
Và rồi tóc bạc trắng
Nhưng chớ tin rằng xuân ra đi, mọi hoa đều rụng
Tối hôm qua trước vườn, một cành mai trắng đang hoa.*

Chắc chắn bạn đã chú ý, hình ảnh đầu tiên là hình ảnh hoa tàn chứ không phải hoa nở như chúng ta quen thấy.

Nhưng rồi lại, há chẳng phải sao? Trái cây sinh ra một cây há chẳng phải nó không xuất hiện khi các cánh hoa rụng hay sao? Cái gì phân biệt giữa chồi hoa và bông hoa, thúc đẩy cái hoa tàn đến cái hoa nở, nếu không phải là trí óc của chúng ta? Cũng chính trí óc tách biệt một cách giả tạo sự sống và cái chết, làm đối nghịch, sự sống và cái chết, trong khi, bạn biết rõ đấy, tất cả chỉ là quá trình chuyển biến, một sự tương tục của sự sống tiếp theo vượt ngoài sự xuất hiện và sự biến mất của các sự vật.

Bài kệ cũng nhấn mạnh rằng cái chết chỉ là một biểu hiện của sự vô thường của các hiện tượng. Và vô thường chính là dấu vết của thời gian, thời gian là một độ số cố hữu ở các sự vật. Ở đó không có sự sống nếu không có sự chết. Do đó, tư duy về cái chết chỉ là tư duy về sự sống.

Chắc chắn bạn cũng đã cảm thấy sự thanh thản phi thường toát ra từ bài kệ này do vị Thiền sư tuyên đọc ngay trước khi ngài tịch. Bất cứ ai cũng không thể có thái độ tĩnh lặng, bình thản trong những phút chốc cuối cùng của mình. Thái độ này hẳn nhiên chỉ đạt được sau một nỗ lực tâm linh kiên nhẫn, thiền định lâu dài để có thể phát triển sự lĩnh hội thâm sâu về các sự vật (Pali: *panna*, Sanskrit: *prajna*). Sự cận tử của Phật giáo cần được chuẩn bị, luyện tập suốt đời.

Những ai hy vọng tìm thấy trong bài này một sự mở rộng về tái sinh và một chứng minh về “đời sống sau khi chết” sẽ thất bại, tôi xin cáo lỗi trước. Thái độ của Phật giáo trước cái chết, theo tôi nghĩ, không phụ thuộc vào sự tin hay không tin vào tái sinh. Chúng ta sẽ nói về điều này sau.

Trước khi đề cập đến quan điểm Phật giáo, tôi xin nhắc lại một cách vắn tắt những quan điểm triết học và khoa học về cái chết.

Cái chết đáng sợ, đặc biệt là với con người

Cũng bình thường khi bảo rằng mọi lúc, con người đã lo lắng về cái chết, và rằng con người là “Sinh vật độc nhất biết rằng mình sẽ chết”. Những di tích đầu tiên của văn minh nhân loại được tìm thấy ở các vị trí khảo cổ là những dụng cụ, những phẩm vật nghệ thuật và những mộ phần. Dù muốn hay không, con người cũng suốt đời trải nghiệm và với tư cách chứng nhân trước cái chết qua những đám tang của những người thân hay qua những cảnh tượng chết chóc.

Ai cũng trải nghiệm cái chết như thế như một định mệnh bất buộc, như kết thúc một con đường, như một cái bẫy, một tấm lưới mà không ai có thể thoát ra được, hoặc như một sự hư vô hóa không thể cưỡng lại được.

Theo *Héraclite*, cái chết là một phần của *panta rhei*, sự vận hành tuần chảy này của mọi sự vật. Sống và

chết, trẻ và già, sự biến đổi của cái này tạo ra cái kia, và ngược lại. Theo các nhà theo chủ nghĩa khắc kỷ (stoicien), chẳng ích gì khi phải rên rỉ, cầu xin, khóc lóc, tóm lại là bị kích động trước cảnh tượng của cái chết. Đơn giản là phải sống như phải sống, rồi chết xứng đáng khi đến lúc.

Những người theo chủ nghĩa khoái lạc (Épicurien) cũng nhìn cái chết một cách thanh thản, vì thực ra cái chết chỉ khiến những người khác quan tâm chứ không khiến chúng ta quan tâm. Như Montaigne đã nói trong các Tiểu luận (Essais) của ông: *"Cái chết không khiến bạn quan tâm về chết hay sống. Sống vì bạn đang hiện hữu. Chết, vì bạn không còn hiện hữu nữa"*. Sau khi nhắc lại câu nói của Cicéron *"Triết lý, chỉ là chuẩn bị cái chết"*, ông nói tiếp: *"Cái chết là một trong những bộ phận của trật tự của vũ trụ, đó là một bộ phận của sự sống của cuộc đời... Tại sao tôi lại phải thay đổi cho bạn sự sắp đặt đẹp đẽ này về các sự vật chứ? Cái chết là điều kiện cho sự tạo sinh của bạn: nó là một phần của bạn, bạn chạy trốn nó tức là bạn chạy trốn chính bạn. Sự hiện hữu này mà bạn đang hưởng thụ thuộc về cái chết và sự sống. Ngày bạn sinh ra là bước đầu tiên trên con đường đưa bạn đến cái chết cũng như đến sự sống"*.

Thật vậy, cảnh tượng về cái chết của những người khác khiến chúng ta sợ hãi cái chết trong tương lai của chúng ta, một cái chết chưa có ở đó, nói khác đi là một cái chết tưởng tượng. Ngay cả lúc cái chết chỉ kéo dài vài giây hay nhiều lắm là vài giờ, nhưng ý niệm về cái chết có thể ám ảnh, hiện hữu suốt cả cuộc đời, đó là cái nghịch lý lớn nhất của cái chết.

Cái chết:

Hiện tượng tự nhiên, sinh lý

Ngược lại với cái chết về tâm lý, cái chết về vật lý không hề mang tính chủ quan. Đối với một sinh thể người, cái chết được y học định nghĩa là sự ngưng các hoạt động của não bộ được thể hiện bởi hai tấm đĩa điện não đồ liên tiếp.

Như mũi tên thời gian, sự sống tuân theo định luật thứ hai của nhiệt động học, định luật entropie, có xu hướng tăng thêm mãi. Trật tự vốn cơ cấu nên sự sống có xu hướng tiến đến vô trật tự không thể văn hồi, nghĩa là sự thoái hóa, cái chết.

Sinh thể được cấu thành bởi vô số tế bào, chúng sinh ra, phát triển, suy tàn và chết đi. Mỗi cơ quan của thân thể chúng ta được cấu thành bởi hàng tỷ tế bào mà một phần lớn chúng đổi mới hàng ngày. Từ vô cùng nhỏ đến vô cùng lớn, những gì hiện hữu trong vũ trụ đều cùng tuân theo định luật biến đổi, tiến hóa.

Sự sống cũng là kết quả của một cuộc chiến đấu hàng ngày được dẫn dắt bởi các tế bào bảo vệ cơ thể (như các bạch cầu) và các chất mà chúng tiết ra (như các kháng thể) chống lại những thứ xâm nhập ngoại lai (như các vi sinh vật), thậm chí còn chống cả những tế bào của chính nó.

Những cuộc đấu tranh này gây ra những cái chết của hàng tỷ tế bào, và người ta có thể bảo rằng thân thể chúng ta là một bãi chiến trường đầy rẫy những xác chết...

Ở mức độ phân tử, cái chết cũng được lập trình nữa, trong một hiện tượng mà người ta gọi là *apoptose*. *"Cái chết này, như François Jacob nói, không đến từ bên ngoài như là hậu quả của một biến cố nào đó nhưng lại được áp đặt từ bên trong như một sự cần thiết được quy định ngay từ trong trứng bởi một chương trình di truyền học"*. Nó *"cần thiết cho khả năng của một sự tiến hóa nữa"*, tức là sự tương tục của sự sống trong vũ trụ.

Vậy cái chết thuộc quan điểm khoa học, ngoại trừ trường hợp do bị tai nạn, là một hiện tượng sinh lý, bình thường và cần thiết cho sự sống.

Dù sao đi nữa thì nếu khoa học soi sáng rõ hơn về hiện tượng của cái chết bằng cách đặt hiện tượng này trong một văn cảnh khách quan và phổ quát, thì khoa học vẫn chẳng chút nào giảm thiểu sự lo lắng đặc biệt của con người về cái chết, cũng không tìm ra được một thái độ thích đáng vào lúc người ta sắp chết. Chính vì vậy mà con người quay về với tôn giáo.

Tôn giáo:

Giải quyết nỗi lo về cái chết?

Thật vậy, một trong những lý do chủ yếu để con người quay về với tôn giáo chính là *sự lo ngại* về cái chết.

Từ thời cổ đại, mọi tôn giáo đã cố xoa dịu nỗi sợ hãi cái chết và trấn an nỗi sợ hư vô bằng khái niệm về *sự bất tử của linh hồn* và *sự sống vĩnh hằng* ở phía bên kia, trong một thế giới khác.

Tại Ai Cập cổ đại của các vị Pharaon, mỗi vị chuẩn bị con đường này bằng cách thiết lập việc mai táng xứng đáng với đẳng cấp của mình, một con thuyền đưa xác ướp đến phía bên kia.

Đối với các tôn giáo nhất thần như Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo, mục đích của nơi đến sau khi chết là thế giới của vị Thượng đế đầy quyền năng và sáng tạo mọi sự. Với một vài sắc thái, các tôn giáo này đe dọa rằng địa ngục sẽ dành cho những ai đã phạm tội và hứa hẹn thiên đường và sự sống vĩnh hằng cho những ai đã nhận ân sủng của Thượng đế.

Đối với những tôn giáo của Ấn Độ, Bà-la-môn giáo, Kỳ-na giáo, Phật giáo, cái chết chỉ là một giai đoạn, một sự chuyển tiếp sang một đời sống khác theo vòng luân hồi, tái sinh (*samsara*). Bà-la-môn giáo chủ trương rằng để thoát khỏi luân hồi, cần có sự hợp nhất giữa tiểu ngã (*atman*) và Đại ngã (*Brahman*) *"như các dòng sông đều đổ ra biển"*. Cốt yếu là phải có một thiện nghiệp (Sanskrit: *karma*, Pali: *kamma*), một sự tái sinh tốt lành trở thành một người thuộc đẳng cấp Bà-la-môn mới có thể bằng các nghi thức, các thể thức huyền bí, thể hiện sự hợp nhất tiểu ngã - Đại ngã (*atman - Brahman*). Thực ra, khái niệm về tái sinh (còn được gọi là luân hồi hay



sự di chuyển của linh hồn) không phải là riêng của nền văn hóa Ấn Độ mà còn được các tôn giáo và triết học cổ đại khác chia sẻ.

Cái chết trong Phật giáo Nguyên thủy

Những quan điểm của Phật giáo về cái chết thể hiện một vài sắc thái theo các truyền thống Phật giáo, mặc dù chia sẻ một quan điểm chung, đó là giáo lý căn gốc của Đức Phật Cổ-đàm (*Bouddha Gotama*)

Trái với một quan niệm phổ biến, Đức Phật đã nói rất ít về sự trở thành sau cái chết, đặc biệt là luân hồi (*samsara*), mà như tôi vừa nói, là một khái niệm phổ biến ở Ấn Độ cổ đã có từ trước rất lâu.

Đức Phật chỉ quan tâm đến khổ, trong đó những người đang sống bị ném vào và chỉ cho họ con đường giải thoát. Đây là ý nghĩa của bài giảng đầu tiên tại Vườn Nai ở *Sarnath*, về bốn Chân lý Cao cả tạo thành căn bản của giáo lý Phật giáo: khổ (*dukkha*), nguồn gốc của khổ (*samudaya*), và sự diệt khổ (*nirodha*) bằng con đường (*magga*) là tám lối đi của trí tuệ Bát chánh đạo). Đức Phật dạy: “*Cũng như biển chỉ có một vị, vị mặn, giáo lý của ta chỉ có một đối tượng, khổ*”. Cái chết là một phần của cái khổ phổ quát này, như nỗi đau vô hạn mà mỗi người trải nghiệm trước sự mất đi một người thân.

Chúng ta hãy nhớ ẩn dụ về người bị thương vì trúng mũi tên độc mà cứ khẳng khái từ chối mọi chăm sóc y tế trước khi anh ta được giảng giải đầy đủ về mũi tên, cái cung, người bắn, hướng gió v.v., cuối cùng anh ta chết trước khi nghe trọn các chi tiết này. Đức Phật dùng ẩn dụ này để trả lời câu hỏi do đệ tử Ngài là Malunkyaputta (Man Đồng Tử) về vũ trụ có hữu hạn không, linh hồn có bất tử không, con người trở thành gì sau khi chết. Đối với Đức Phật, không nên lẩn quẩn vô ích trong những lý luận siêu hình và mất thời gian trong những vấn đề không có giải đáp, mà tốt hơn nên lo giải thoát mình khỏi những khổ đau, ở đây và bây giờ.

Do vậy mà người ta bảo là sự im lặng của Đức Phật, cũng từ đó Ngài có tôn danh là Thích-ca Mâu-ni (*Shakyamouni*), vị tịch mặc của dòng dõi Thích-ca (*Shakya*).

Sự im lặng của Đức Phật thực ra hàm chứa hai ý nghĩa: trước hết là sự gấp rút của tình thế, như “một

ngôi nhà đang cháy”, cần phải có một hành động cụ thể và cấp cứu. Tiếp theo, việc linh hội chân lý là không thể được, vượt khỏi trí óc và các phương cách khái niệm của chúng ta. Thái độ này, mà người ta có thể định tính là bất khả tư nghị, nhằm chỉ cho những con người bình thường như chúng ta.

Trong các kinh điển cổ, như *Pháp cú* (*Dhammapada*), ta thường thấy sự ám chỉ Mara (*Ma vương*). Đây cũng là tượng trưng cho cái ác, những đam mê lôi kéo con người và cản trở tiến trình đến giải thoát.

Về phần Đức Phật, Ngài không bao giờ thi triển thần thông, không bao giờ làm cho người chết sống lại. Câu chuyện về *Kisa Gautami* (*Già-sa Cổ-đàm-di*) là chủ đề tiêu biểu. Thiều phụ này có đứa con độc nhất vừa mới chết. Trong cơn đau đớn cùng cực, bà đến đặt thân xác nhỏ bé kia dưới chân Đức Phật và cầu xin Ngài khiến cho con bà sống lại. Đức Phật nhìn bà với lòng đầy thương xót và yêu cầu bà đi tìm một nắm hạt cải trong một nhà chưa bao giờ có người chết. *Kisa* đi khắp nhà này đến nhà khác để xin hạt cải, nhưng mọi nhà đều trả lời như nhau: sẵn sàng cho bà một nắm hạt cải, nhưng không nhà nào không có tang tóc, nơi đây thì con chết, nơi kia thì chồng chết, nơi nọ thì bà nội chết... Cuối cùng, bà lại đến với Đức Phật, kiệt sức nhưng được nguôi ngoai vì hiểu rằng bà không phải là người độc nhất khổ đau vì tang tóc, rằng cái chết là số phận của tất cả mọi người đang sống.

Theo Đức Phật, bệnh tật, già nua và cái chết là những hiện tượng tự nhiên không miễn trừ một sinh thể nào, kể cả chính Ngài. Sự kết thúc cuộc sống của Ngài được kể rõ ràng trong kinh *Đại-bát-niết-bàn* (*Mahaparinibbana*). Khi vị đệ tử thân cận nhất của Ngài là A-nan (*Ananda*) lo lắng về sức khỏe của Ngài và về tương lai của Tăng-già (*Sangha*), Ngài đã trả lời: “*Này A-nan, Ta mệt mỏi, lưng tuổi, già nua, tuổi tác chống chọi. Ta đã đến mức cuối cùng của sinh thời. Ta đã tám mươi tuổi. Tất cả như một cỗ xe chỉ có thể dùng được nhờ vào rất nhiều dây đai, Ta cảm thấy thân thể chỉ có thể bước đi khi phải nhờ chăm sóc...*” Tuy vậy, Ngài vẫn tiếp tục giảng dạy cho đến những giờ phút cuối cùng. Ngài đã nhiều lần yêu cầu các đệ tử đặt những câu hỏi

nếu họ còn nghi ngờ hay bối rối về Giáo pháp. Lời cuối cùng của Ngài là: “*Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường. Hãy kiên trì, tinh tấn.*”

Chỉ riêng câu này thôi cũng có thể tóm tắt giáo lý căn bản của Đức Phật về thái độ cần có trước cái chết: hiểu biết thâm sâu về vô thường (*anicca*) và vô ngã (*anata*), hai điều này cùng với khổ (*dukkha*) tạo thành ba dấu ấn (tam pháp ấn) của sự hiện hữu (*tilakkhana*); và cần kiên trì trong việc tu tập Pháp (*Dhamma*, Pali hoặc *Dharma*, Sanskrit), nghĩa là con đường đưa đến giải thoát.

Cũng vậy, như Ngài đã nêu trong một bài kệ của *Pháp cú* (*Dhammapada*):

*Người nào xem thân mình
Như một ảo ảnh
Như một bọt nước
Sẽ không còn thấy cái chết.*

Vâng, đây cũng là thái độ của Phật giáo Nguyên thủy (*Theravada*) được chủ yếu thực hành ở Nam Á và Đông Nam Á (Sri Lanka, Mianma, Thái Lan, Campuchia và Lào), và là sự tiếp nối của giáo pháp nguyên thủy.

Cái chết trong Phật giáo Đại thừa

Đại thừa (*Mahayana*), phong trào cải cách Phật giáo xuất hiện từ đầu Công nguyên, lan rộng đến phía Bắc và phía Đông châu Á, tạo ra các tông phái chính hiện nay là: 1/ *Kim cương thừa* (*Vajrayana*) có ít nhiều trùng hợp với Mật tông, hay Phật giáo Tây Tạng, 2/ *Chan* (Trung Hoa), *Zen* (Nhật Bản) hay *Thiền* (Việt Nam) hay Trường phái Thiền, và 3/ *Jing Du* (Hán), *Jo Do* (Nhật) hay *Tịnh Độ* (Việt). Thiền và Tịnh độ chủ yếu được thực hành ở Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam.

1/ Kim cương thừa

Về cơ sở, chia sẻ giáo lý căn bản của Đức Phật, nhưng cũng dựa vào giáo lý của Trường phái Trung đạo (*Madhyamaka*) hay Không luận (*Shunyavada*) của Long Thọ (*Nagarjuna*) và Trường phái Duy thức (*Vijnanavada* hay *Yogacara*) của Vô Trước (*Asanga*) và Thế Thân (*Vasubandhu*). Tuy nhiên, có thể do ảnh hưởng của tôn giáo bản địa *Bön*, Kim cương thừa rất gần bó với chủ thuyết tái sinh, như công nhận sự hóa thân (*tulku*) ở những đứa trẻ được sinh ra sau sự tịch diệt của các Lạt-ma nhiều năm trước đó.

Theo Kim cương thừa, giai đoạn quyết định cho sự tái sinh là *bardo* (thân trung ấm), trạng thái của tâm thức trung gian giữa cái chết sinh lý và sự ra đi thực sự để đến thế giới khác.

Như thế, ở đầu giường của người hấp hối, người ta bắt đầu đọc *Tử thư* (sách dành cho người chết, *Bardo-Thodöl*) và cử tiếp tục như thế suốt bảy tuần (là thời gian tối đa của thân trung ấm, *bardo*) ngay cả khi người này ở trạng thái vô thức. Quan trọng là người hấp hối nhớ lại những hành động tốt lành của mình và như thế

người ấy có thể gặp cái chết với cảm giác hoàn toàn tự tin về cuộc sống mình đã trải qua. Cần tránh mọi khóc lóc, sầu bi về phía gia đình để không làm rối loạn trí óc người ấy và đảm bảo cho người ấy một cái chết an bình, và do đó, một sự tái sinh tốt lành.

Chúng ta hãy đọc vài đoạn trong cuốn sách ấy vốn mang tính chỉ dẫn và lợi ích: “*Khi những triệu chứng của cái chết đang hội tụ, người ta khuyến khích người hấp hối cố giữ trí óc tỉnh táo. Thì thầm nhỏ nhẹ bên tai người ấy, bảo rằng: ‘Này thiện nam, đừng để tư tưởng xao lãng! Giờ đây đạo hữu đang tiến đến cái mà người ta gọi là cái chết, hãy giữ cho trí óc tỉnh táo theo cách như sau: Ôi, giờ đây cái chết đến với tôi, tôi chỉ muốn nhờ lợi ích của cái chết này mà thức tỉnh trong tôi tình yêu, lòng từ bi và trí óc tỉnh táo. Mong sao vì sự thiện lành của tất cả chúng sinh đang trải rộng đến bờ mé của không gian, tôi có thể đạt được sự tỉnh giác hoàn toàn và sự bừng nở gọi là Giác ngộ...’*”

“*Này thiện nam, hãy biết rằng tất cả những hiện tượng mà đạo hữu trải nghiệm, tất cả những ấn tượng sợ hãi đều là những sự phóng chiếu của chính đạo hữu. Đừng sợ khi điều ấy xảy ra với đạo hữu. Vì đạo hữu là một sản phẩm về thân-tâm của những khuynh hướng vô thức, thực sự đạo hữu không thể chết, dù cho có ai giết hay chặt đạo hữu ra từng mảnh. Thực ra, sắc thân của đạo hữu chỉ là trống không, đạo hữu chẳng có gì để sợ. Và vì các sứ giả của cái chết đều là những phóng ảnh của chính đạo hữu nên chẳng có nơi họ thực tính vật chất nào. Và cái trống không thì không thể gây tổn hại cho cái trống không! Hãy chắc chắn rằng các linh nhân hiền hòa hay giận dữ, những kẻ uống máu có nhiều đầu, những ánh sáng cầu vồng và những hình dáng dữ tợn của Thần chết và nhiều thứ khác nữa cũng không có thật, không có bản chất riêng, và hãy chắc chắn rằng những thứ ấy chỉ xuất phát từ trò chơi của tâm thức đạo hữu mà thôi. Nếu đạo hữu hiểu được như vậy thì mọi sợ hãi tự nhiên sẽ bị loại bỏ. Nếu theo cách như thế, đạo hữu sẽ có được cái nhìn thâm sâu, chẳng chút nghi ngờ gì thì ngay tức khắc, đạo hữu sẽ thành một vị Phật.*”

Điều quan trọng cần ghi chú là thực ra chẳng có gì là siêu nhiên, là tuyệt diệu, và những gì mà người sắp chết cảm nhận, trải nghiệm chỉ phát ra từ chính tâm thức của người ấy, dĩ nhiên đó là sự trống không. Như *Lạt-ma Anagarika* đã viết trong bài tựa cuốn sách, “*Bardo - Thodöl không phải là một cuốn sách chỉ dẫn cho người chết mà là một cuốn sách chỉ dẫn cho tất cả những ai muốn vượt qua cái chết bằng cách biến đổi quá trình của mình thành một hành động tự do.*”

2/ Theo tông phái Tịnh độ

Tông phái này chủ yếu dựa vào *tận tín* và Đức Phật A-di-đà (*Amitabha*)

E-mi-tuo [Hán], *Amida* (Nhật) và các Bồ-tát (*Bodhisattva*), trong đó những vị được tôn thờ nhiều nhất là Quán Thế Âm (*Avalokitesvara* hay *Guanyin* [Hán], *Kannon* [Nhật], vị nghe những lời cầu xin của

mọi chúng sinh và Địa Tạng (*Ksitigarba* [*Di Zang* (Hán), *Jizo* (Nhật Bản)], vị lập nguyện ở trong các cõi địa ngục nếu còn chúng sinh bị hành khổ tại đó. Cái chết cũng là sự di chuyển ở phía bên kia, trong trường hợp tốt đẹp nhất, đến Tây phương Cực lạc (*Sukhavati*).

Do sự sùng kính, những hành động thiện lành và những công hạnh, những nguyện cầu, không ngừng niệm Phật, tụng mật chú (*mantra*), đà-la-ni (*darani*), người ta hy vọng được cải thiện nghiệp (*karma*) của mình và được Đức Phật A-di-đà đón tiếp vào cõi Tịnh độ của Ngài.

Như thế, cái chết có thể được yên tâm chờ đợi, nhờ vào sự hy vọng một con đường đưa đến đời sống vĩnh hằng, hơi giống trong các tôn giáo nhất thần, nhưng trong một tinh thần, phải nhận biết điều ấy là khá xa với giáo lý nguyên thủy của Phật giáo.

Một cách khác để quan niệm cõi Tịnh độ là xem đây là một "cõi Tịnh độ bên trong", trái ngược với "cõi Tịnh độ ở đâu khác", nghĩa là một thế giới của thanh tịnh, an bình trong tinh thần của nó. Quan niệm này là khá hiếm hoi trong các môn đồ Tịnh độ nhưng lại gần gũi với Phật pháp nguyên thủy và Thiền hơn.

3/ Thiền tông (Chan hay Zen)

Tông phái này có một kiến giải khác, cảm hứng từ kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa (*Prajnaparamita Sutra*), từ khái niệm Không tính (*Sunyata*), và được khởi sinh từ việc thực hành thiền định, nhắm thẳng vào tâm, vượt khỏi sự tư duy suy lý.

Các Thiền sư có thói quen để lại những bài kệ (*gatha*) trước khi chết, đó là những bài thơ ngắn, mỗi bài là một di giáo thực sự, và tinh thần của nó có thể tóm tắt trong vài trong vài chữ: giản dị, tự nhiên, thanh thản.

Chúng ta hãy nghe bài hài cú (*haiku*) này của Basho (Ba Tiêu):

*Chính quang cảnh này
Nghe tiếng hát
Và thấy cái chết của con ve.*

Và bài kệ này của Thiền sư Vạn Hạnh (thế kỷ XI) được sáng tác vào lúc Ngài sắp viên tịch,

*Thân như chớp sáng, xuất hiện và biến mất.
Cây cối xanh tươi vào mùa Xuân, khô héo vào mùa hạ.
Tịnh vọng và suy vi, chẳng chút sợ hãi
Tịnh vọng và suy vi như giọt sương đầu ngọn cỏ.*

Vì tất cả đều thay đổi, sống và chết trộn lẫn nhau, không mang ý nghĩa, thuộc tính, đặc tính. Chỉ giây phút hiện tại hiện hữu mà thôi. Chỉ hiện hữu trong tâm thức chúng ta thôi, nhưng đó là cái vũ trụ phút chốc, nó bao trùm toàn thể vũ trụ. Tất cả những gì còn lại chỉ là ảo ảnh, kể cả cái chết.

Tuệ Trung Thượng Sĩ, vị thầy của Đệ nhất Tổ trường phái Thiền Việt Nam Trúc Lâm Yên Tử Trần Nhân Tông (thế kỷ XIII) đã nói:

*Khi tâm hiện thì sinh và tử hiện
Khi tâm biến mất thì sinh và tử biến mất.*

Thế thì tại sao lại còn tự đặt cho mình câu hỏi về sinh và tử chứ? Đấy chẳng phải là sự chấp trước đơn thuần vào cái ngã (*ego*) hay sao? Nếu cái tôi không thực sự hiện hữu thì cuối cùng ai chết?

Như Muso Soseki (Mộng Song Sơ Thạch), Thiền sư phái Lâm Tế và cũng là Thiền sư của phái Vườn Nhật Bản (*Nhật Bản Đình Viên*, Nihon Taien, thế kỷ XIII - XIV) đã nói: "*Bằng cách vứt đi cái thứ nhỏ tí teo này mà người ta gọi là "tôi", tôi trở thành thế giới bao la.*"

Sự xóa bỏ cái tự ngã như vậy không đến một cách tự động, cũng không đến một cách dễ dàng mà xứng đáng với một công việc nội tâm hàng ngày và một nỗ lực không ngừng.

Thiền sư Taisen Deshimaru (Đệ Tử Hoàn Thái Sơn) khuyên: "*Ở đây và bây giờ, phải dừng bánh xe nghiệp (karma) đang vận hành ý nghĩ, lời nói và hành động. Động phải được thay thành tĩnh, ồn ào phải được thay bằng im lặng. Đó chính là bước vào lĩnh vực của tọa thiền (Za-zen). Và khi chúng ta ra khỏi đó, cái chết không còn đe dọa chúng ta, nó trở nên quen thuộc với chúng ta. Vũ trụ không còn được nhìn xuyên qua một cộng rơm.*"

Kết luận

Để kết thúc bài này, ta có thể nói gì?

Tư duy về cái chết, cũng là tư duy về sự sống, chúng ta đã nói như thế ở phần đầu của bài này.

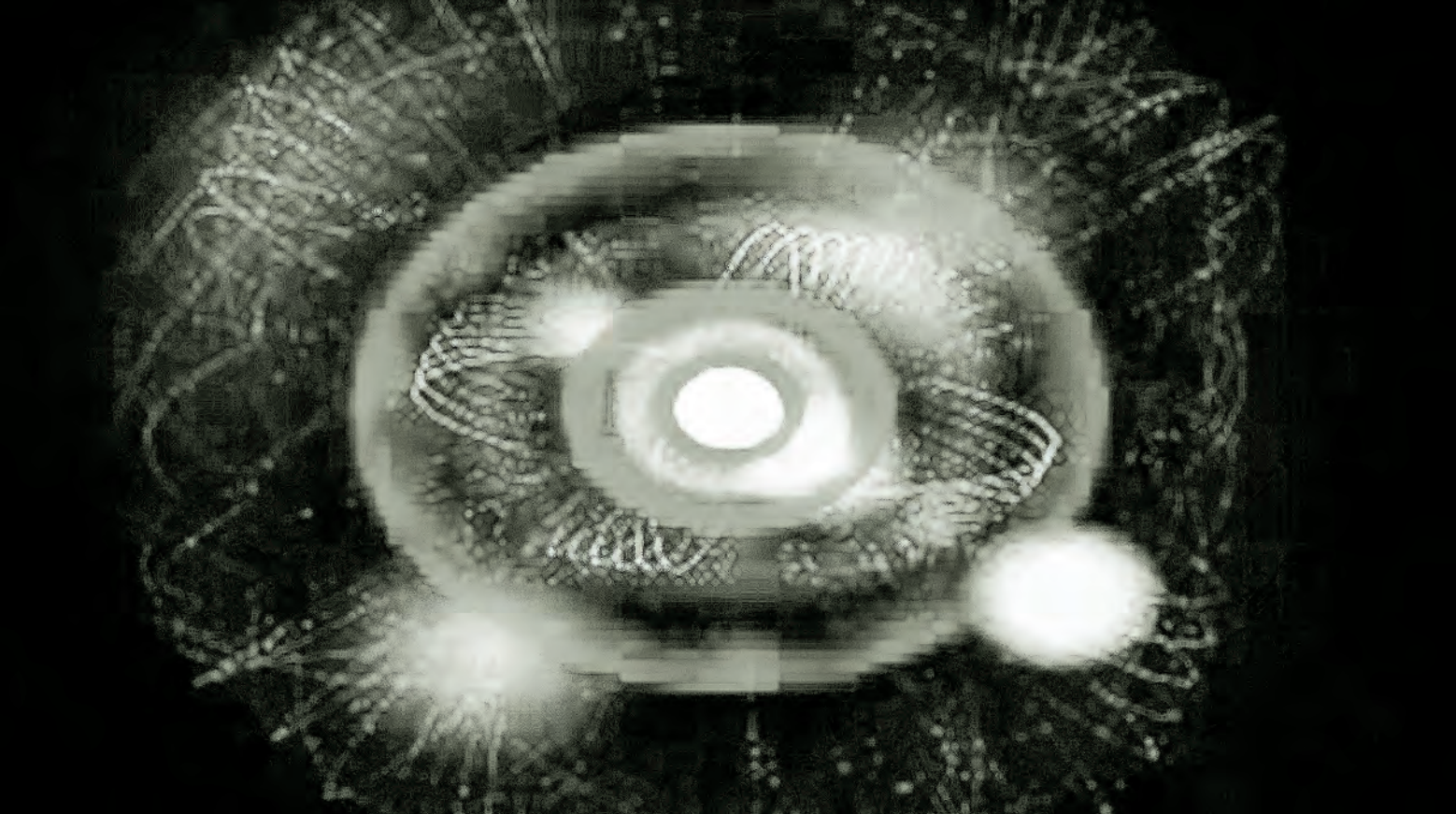
Ít tin vào đời sống vĩnh hằng, tốt nhất là chúng ta luôn tự quy mình vào đời sống hiện tại, vào giây phút hiện tại. Theo Léonard de Vinci, "*Sống trọn vẹn một ngày thì có được giấc ngủ ngon; sống trọn vẹn một đời thì có được một cái chết an tịnh*". Cách tốt nhất để đến với cái chết là dứt khoát sống một cuộc sống với khả năng tốt nhất.

Đối với người Phật tử, cuộc sống tốt nhất là *cuộc sống chân chính* theo Bát chánh đạo mà Đức Phật Cổ-đàm đã dạy. Điều quan trọng là phải nhìn đúng các sự vật (*chánh kiến, sammā-ditthi*), loại bỏ vô minh (*avijja*) mà hai thành phần chủ yếu là: ảo tưởng về thường hằng và chấp thủ bản ngã.

Vấn đề ở đây không phải là một bàn luận đơn thuần mang tính suy lý mà là một sự thực hành tâm linh, một sự tu tâm cần thiết và kiên trì suốt cả cuộc đời.

Tấm gương của các Đại sư Phật giáo chứng tỏ rằng sự phát triển trí tuệ thâm sâu (*panna*) và từ bi (*metta - karuna*) đã tạo cho các vị ấy một năng lực tâm linh và một sự dũng dũng như các vị đã luôn luôn đến với cái chết bằng một niềm vui thanh thoát, bằng cách hoàn toàn vượt khỏi nó. ■

* Nguyên tác Pháp ngữ của Bs Trịnh Đình Hỷ: *L'approche Bouddhiste de la Mort*.



Sự khác biệt giữa Tưởng tri, Thức tri và Trí tuệ

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Tưởng tri, thức tri và tuệ tri được Đức Phật chỉ ra nhằm mục đích phân biệt rõ các cấp độ nhận thức về sự vật hiện tượng. Thông qua sự nhận thức này, hành giả dễ dàng phân biệt, để tâm không bị vướng mắc chấp thủ về cái nhìn chủ quan, loại bỏ những ảo tưởng, cố chấp theo quan kiến thường tình đưa đến những hệ lụy, khổ đau.

Tưởng tri (*sañjānana*) thức tri (*viñānana*) và trí tuệ (*pajānana*), theo ý nghĩa chiết tự là quá rõ ràng rằng việc sử dụng các tiền tố khác biệt với gốc jna mang ý nghĩa là biết, hay nhận thức nói chung, tùy trong mỗi trường hợp tương ứng một cấp độ nhận thức khác biệt. Những cách thức của việc biết được đại diện bởi thức tri (*viñanati*) và tưởng tri (*sañjanati*) không được xem là đủ để đạt được mục tiêu của Phật giáo về Niết-bàn. Trong khi, trí tuệ hay tuệ tri và các cấp độ như thắng tri (*pariññā*) và liễu tri (*abhiññā*) mang một giá trị cao hơn so với thức tri và tưởng tri vì nó nhìn thấy bản chất như thật của vạn pháp và có khả năng đưa đến đoạn diệt, Niết-bàn.

Tưởng tri (*sannājanāti*) là sự nhận biết thông qua hình dạng của sự vật¹. Tưởng tri là cái thấy biết của tri thức thường nghiệm, cái thấy có hạn cuộc, mang đầy ngã tính, nhị nguyên có phân biệt chủ thể và đối tượng. Tưởng tri (hoạt động nhận thức thể hiện bằng tưởng (*sañjanati*), là quá trình nhận thức thông qua kinh nghiệm về các khái niệm, phạm trù tư tưởng bao gồm các yếu tố tình cảm được xây dựng nên. Quá trình thứ hai có thể có sử dụng trong thực tế cuộc sống đời thường của cá nhân cũng như trong giao tiếp xã hội, nhưng có khả năng tạo ra sự trói buộc của một trong những người nắm những cấu trúc như thể chúng là thực tại tối hậu. Các nhận thức của màu xanh, vàng, đỏ... mà chúng ta có trong nhận thức ý nghĩa đã được đưa ra như một ví dụ về các hoạt động nhận thức liên quan trong quá trình tưởng tri như sau: “*Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là tưởng? Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng. Nhận rõ gì? Nhận rõ màu xanh, nhận rõ màu vàng, nhận rõ màu đỏ, nhận rõ màu trắng. Nhận rõ, này các Tỷ-kheo, nên gọi là tưởng*”². Các nhận thức của

niềm vui, đau khổ hoặc cảm giác trung tính đã được đưa ra như một ví dụ về kinh nghiệm của thức

Thức tri (*viññāna*) là cấp độ nhận thức bằng thức tri là sự nhận biết bằng kinh nghiệm được phát sinh từ sự tiếp xúc giữa các căn tương ứng với các đối tượng trần cảnh. Cái thấy bằng thức tri chỉ là sự nhận biết đơn thuần, còn phân biệt, chấp thủ. “Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là thức? Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức. Rõ biết gì? Rõ biết chua, rõ biết đắng, rõ biết cay, rõ biết ngọt, rõ biết chất kiềm... rõ biết không phải chất kiềm, rõ biết mặn, rõ biết không mặn. Rõ biết, này các Tỷ-kheo, nên gọi là thức”³.

Theo *Bách khoa toàn thư*, nhận thức là hành động hay quá trình tiếp thu kiến thức và những am hiểu thông qua suy nghĩ, kinh nghiệm và giác quan, bao gồm các qui trình như tri thức, sự chú ý, trí nhớ, sự đánh giá, sự ước lượng, sự lý luận, sự tính toán, việc giải quyết vấn đề, việc đưa ra quyết định, sự linh hoạt và việc sử dụng ngôn ngữ. Theo “*Từ điển Bách khoa Việt Nam*”, nhận thức là quá trình biện chứng của sự phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người, nhờ đó con người tư duy và không ngừng tiến đến gần khách thể⁴. Có hai loại nhận thức, đó là nhận thức bằng cảm tính và nhận thức bằng lý tính. Nhận thức cảm tính cung cấp những hiểu biết ban đầu về đối tượng nhận thức, nhưng những hiểu biết đó mới chỉ dừng lại ở những nét bề ngoài của đối tượng. Nhận thức lý tính có được nhờ sự hoạt động của tư duy trừu tượng, được tiến hành qua ba hình thức: khái niệm, phán đoán, suy luận. Nhận thức thông thường của thế gian đều ngang qua hai cấp độ ban đầu đó là tưởng tri và thức tri.

Một nỗ lực để giải thích sự khác biệt ý nghĩa của trí tuệ so với hai thuật ngữ khác là thức và tưởng được sử dụng khá phổ biến trong nhận thức của Phật giáo. Tưởng tri và thức tri được mô tả khá chi tiết trong *Thanh tịnh đạo luận* của Phật Âm (Buddhaghosa). Trí tuệ được giải thích rõ ràng bằng cách so sánh sự khác biệt lớn với thức tri và tưởng tri (*sañjānanavijānāka ravisittham*). Nó cũng được giải thích như biết bằng nhiều cách (*nānappakārato Nanam*). Cách giải thích này cho thấy tuệ tri vượt xa những hạn chế áp đặt lên hoạt động nhận thức bình thường bởi sự non nớt của sự hiểu biết và những hạn chế áp đặt bởi những chướng ngại tầm thường cá nhân. Đi xa hơn những giới hạn tầm thường đó, tuệ tri làm cho con người có khả năng phát khởi những thành tựu tiến bộ tâm linh trên con đường giải thoát thông qua tinh tấn nỗ lực.

Tuệ tri (*paññā*): Tuệ tiếng Pāli là *paññā*, Skt. *Prajñā*. Nó có nghĩa là sự nhận thức, phân biệt, nhưng sự nhận thức phân biệt này khác với sự nhận thức phân biệt thông thường, bởi nó được bắt đầu từ động từ căn *Jñā* là nhận biết, thấy rõ, thấu hiểu tường tận. Nó được dịch sang tiếng Anh là ‘Trí tuệ’ (*wisdom*), ‘giác ngộ’ (*gnosis*), minh sát tuệ (*insight*), hiểu biết rõ ràng (*understanding*) hoặc

‘kiến thức trực quan’ (*intuitive knowledge*). Trong tiếng Pāli, chế độ nhận thức cụ thể liên quan được phân biệt bởi việc sử dụng các tiền tố *pa* (Skt. *pra*), thể hiện một ý nghĩa nhận thức khác biệt rõ ràng từ đó chúng ta có thể so sánh đối chiếu với các loại nhận thức khác như thức tri (*viññāna*), tưởng tri (*saññā*), thắng tri (*pariññā*) và liễu tri (*abhiññā*) nơi các tiền tố tương ứng là *vi-sam-pari-* và *abhi*. Tuệ có nghĩa gì? Đó là hành vi hiểu biết (*pajānana*) khác với những kiểu tưởng tri (*sañjānana*) và thức tri (*viñjānana*). Vì mặc dù trạng thái biết cũng có mặt trong tưởng, trong thức, và trong tuệ, song tưởng chỉ là sự nhận biết một đối tượng, như xanh hay vàng, nó không đem lại sự thấu hiểu sâu xa bản chất của đối tượng ấy là vô thường, khổ, vô ngã. Thức biết được đối tượng là xanh, vàng, vv. và cũng phát sinh được sự thấu hiểu bản chất, nhưng không phát sinh do tinh cần, sự xuất hiện đạo lộ siêu thế. Tuệ vừa biết đối tượng theo cách đã nói, vừa phát sinh sự thấu hiểu sâu xa, mà vừa đem lại sự thể hiện đạo lộ siêu thế do tinh cần tinh tấn⁵.

Thanh tịnh đạo luận giải thích, giả sử có ba người, một đứa trẻ không biết gì, một người nhà quê, và một người đối tiền, cùng thấy một đồng tiền kim loại nằm trên quầy của người đối tiền. Đứa trẻ chỉ biết đồng tiền là có hình vẽ, trang trí, hình dài, vuông hay tròn, song nó không biết những đồng tiền ấy được xem là có giá trị cho con người sử dụng, hưởng thụ. Người nhà quê thì biết chúng có hình, có trang trí, có giá trị cho người hưởng sử dụng, nhưng không biết phân biệt đồng tiền thật, đồng tiền giả, đồng tiền bằng nửa giá trị, vv. Còn người đối tiền thì biết tất cả những điều trên bằng cách nhìn đồng tiền, nghe tiếng kêu của nó khi gõ, ngửi, nếm, thử trọng lượng nó trong lòng tay, và biết nó được chế tạo tại làng nào, thành phố, đô thị nào, trên đỉnh núi hay bên bờ sông, do bậc thầy nào làm ra⁶.

Tưởng tri là giống như đứa trẻ không biết gì khi trông thấy đồng tiền, vì nó chỉ thấy cái tướng của đối tượng như màu xanh, vv. Thức tri là như người nhà quê trông thấy đồng tiền biết được nó màu gì, và còn đi xa hơn, thấu hiểu những đặc tính của nó. Còn tuệ tri là như người đối tiền thấy đồng tiền biết được màu sắc, vv. mà còn đi xa hơn, đạt đến sự thể hiện đạo lộ⁷.

Về các pháp ấy có những cách nhận thức khác nhau tùy theo trình độ tu học: lối nhận thức sai lầm của phàm phu gọi là tưởng tri, của người biết qua sách vở là thức tri, của bậc thánh hữu học là thắng tri, của A-la-hán là tuệ tri. Và cuối cùng cái biết của Phật là liễu tri⁸. Như vậy trí tuệ có khả năng thắng tri, sự thấy biết như thật, không chấp thủ. Lại có khả năng liễu tri với sự hiểu biết rất rảo tròn vẹn; và cuối cùng có khả năng đoạn trừ lậu hoặc (*āsavas*), dục lậu (*kāmāsava*), hữu lậu (*bhavāsava*), và vô minh lậu (*avijjāsava*), đoạn diệt được tham sân si, chấm dứt khổ đau.

Như chúng ta thấy, tưởng tri (*sañjānāti*) nhờ tưởng (*sannā*) đưa đến, và ý tri (*jānāti*) do ý (*manas*) đưa



đến. Tưởng tri, thức tri và ý tri là ba sự hiểu biết thông thường của thế gian đưa đến sự hiểu biết về khoa học, kỹ thuật, triết học, bác học... Đạo Phật đóng góp thêm Thắng tri và Tuệ tri, sự hiểu biết ngang qua thiền định, tạo thêm sức mạnh cần thiết để con người làm chủ được bản thân, làm chủ được hoàn cảnh. Tuệ tri đưa đến một hiểu biết toàn diện, hoàn mãn, có khả năng đâm thủng vô minh, đoạn tận tham sân si, đưa đến chấm dứt khổ đau. Như vậy, chỉ có thắng tri, liễu tri, ly tham mới đoạn tận được khổ đau sanh tử luân hồi. *"Này các Tỷ-kheo, thắng tri, liễu tri, ly tham, từ bỏ tất cả, thời có thể đoạn tận khổ đau"*.

Thông thường người đời thường có những tri giác sai lầm về nhau. Người ta không giận mình cũng tưởng họ đang giận mình, người ta không thù oán cũng tưởng là người ta thù oán mình. Do tưởng tri sai lầm nên ngày càng tạo nên hố sâu ngăn cách giữa con người với nhau. Thành ra con người khó có sự đồng cảm chia sẻ nên khổ đau lại càng thêm khổ đau.

Do vậy, trong cách nhìn nhận về sự vật hiện tượng, các sự kiện xảy ra trong đời sống hằng ngày, chúng ta cần loại bỏ bớt cái quan kiến theo tưởng tri và thức tri, mà phải nhìn nhận bằng trí tuệ. Con mắt trí tuệ mới có thể nhìn nhận đúng sự thật, không suy đoán mù mờ dẫn đến hậu quả sai lầm. Con mắt tuệ, mới có sự thấu hiểu và thương yêu, cảm thông và chia sẻ, không tri giác sai lầm về nhau

dẫn đến nghi ngờ xung đột mâu thuẫn. Cái thấy bằng tưởng tri dẫn đến phán đoán sai lầm, cái thấy bởi thức tri dẫn đến chấp thủ, cố hữu, thì cái thấy bởi tuệ là cái thấy biết viên dung tròn đầy. Nói như vậy không phải đạt đến địa vị Phật, Bồ-tát mới có cái nhìn bằng tuệ tri. Trong mỗi chúng ta ai cũng có tố chất Phật, Bồ-tát. Cái nhìn loại bỏ chấp thủ, cái nhìn có sự thấu hiểu và cảm thông đó là cái nhìn của Phật, Bồ-tát. Cái nhìn như thật bao giờ cũng đưa đến sự tin tưởng và bình an; cái thấy như thật luôn đưa đến sự hài hòa và cởi mở. Do vậy, chúng ta hãy tập nhìn bằng con mắt tuệ giác, đó gọi là "từ nhãn thị chúng sinh" (mắt thương nhìn cuộc đời). Đó là cái nhìn của Phật, Bồ-tát. Luôn nhìn đời theo chiều hướng tích cực. Luôn nhìn thấu rõ tâm can, thấu rõ những nỗi khổ niềm đau để cảm thông chia sẻ. Con mắt tuệ mới nhìn thấy các khía cạnh tiềm năng trong con người để kích thích các hạt giống tiềm năng ấy phát triển. Đồng thời làm cho các hạt giống xấu, tiêu cực không có cơ hội trỗi dậy. ■

Ghi chú:

1. *Kinh Trường bộ*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

2&9. *Kinh Tương ưng bộ*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

3&8. *Kinh Trung bộ*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch.

4. Nhận thức, *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia*, nguồn: <https://vi.wikipedia.org>.

5&6&7. *Thanh tịnh đạo luận*, Ni sư Thích nữ Trí Hải dịch.



Tuệ giải thoát

TÂM TỊNH

Vì thương xót hết thảy hữu tình phải chịu phiền não, đau thương do tham ái mà bị trôi dài trong bể khổ sinh tử luân hồi, Đức Phật hiện ra ở đời để lại cho thế gian vô số pháp môn tu tập, tùy theo căn cơ, sở trường và hoàn cảnh của mỗi chúng sanh mà chọn lựa pháp hành thích ứng để tu tập nhằm chuyển hóa nỗi khổ và niềm đau thành an lạc, giải thoát, niết-bàn. Chư pháp của Thế Tôn được ví như những thang thuốc tùy bệnh mà bốc thuốc. Trong số đó, Tuệ quán vô thường, khổ và vô ngã của tất cả pháp, qua đó hành giả quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt, quán tánh xả ly của tất cả pháp, là pháp “tối thượng” và vi diệu ‘nhất’ vì nếu hành giả thường xuyên hành trì sẽ ‘chứng đạt’ Tuệ Giải Thoát, vị ấy sẽ đoạn tận mọi kiết sử, không còn khổ đau, phạm hạnh đã thành, chánh trí giải thoát, là bậc A-la-hán.

Bài kết tập này tập trung tìm hiểu những vấn đề liên quan về Tuệ giải thoát trên nền tảng giáo điển của *Nikaya* (Pali tạng) ngõ hầu giúp quý đạo hữu phần nào có cái nhìn sâu sắc và chi tiết về thuần quán: Tuệ quán vô thường, khổ và vô ngã của hết thảy pháp. Những vấn đề chính cần được triển khai như sau: Thế nào là Tuệ giải thoát? Làm sao có được Trí tuệ giải thoát? Những hành giả với Tuệ giải thoát có thần thông lực hay không?

1. Thế nào là Tuệ giải thoát?

Có thể hiểu hành giả chứng được Tuệ giải thoát là người đã thành thực pháp hành thuần quán về tất cả pháp đều vô thường, khổ và vô ngã, và từ đó nhàm chán

và ly tham tất cả pháp, đạt được cứu cánh giải thoát, an ổn mọi khổ ách, như đã được Thế Tôn chỉ dạy cho tân Tỷ-kheo Susīma trong bài kinh số 70 Tương ưng Nhân duyên thuộc *Tương ưng bộ*:

Tân Tỷ-kheo Susīma hỏi Phật về Tuệ giải thoát vì Susīma phân vân khi được nghe nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: “Chúng tôi biết rõ rằng: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”. Và họ nói với Susīma: “Chúng tôi đã chứng được Tuệ giải thoát”.

Sau đây là lời dạy của Đức Thích Tôn:

Rồi Tôn giả Susīma từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susīma trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy.

- Nay Susīma, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

- Bạch Thế Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vẫn tất này của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi, lời nói vẫn tất này của Thế Tôn!

- Nay Susīma, dù cho ông có biết hay ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn. Nay Susīma, ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý

chẳng khi chúng ta quán vật ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.
- Thọ là thường hay vô thường?
- Vô thường, bạch Thế Tôn.
- Tưởng là thường hay vô thường?
- Vô thường, bạch Thế Tôn.
- Các hành là thường hay vô thường?
- Vô thường, bạch Thế Tôn.
- Thức là thường hay vô thường?
- Vô thường, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn.
- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu chúng ta quán vật ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.
- Do vậy, này Susīma, cái gì thuộc sắc pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...
Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...
Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...
Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi”.

Này Susīma, thấy như vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết rõ: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”. Này Susīma, ông có thấy chẳng: “Do duyên sanh, già chết sanh khởi”?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.
Rõ ràng đoạn kinh văn trên trước hết Đức Phật chỉ cho Hiền giả Susīma: Trí về pháp an trú - Trí hiểu biết về thật tánh của tất cả pháp hữu vi, ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) là vô thường, khổ và vô ngã: không có tự tánh, sau đó là trí niết-bàn: quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt, và giải thoát.

2. Pháp hành trì để chứng được Tuệ giải thoát

2.1 Thường xuyên hành trì thuần quán

Tất cả các pháp đều bình đẳng, không hơn, không kém vì tất cả pháp hữu vi đều vô thường, khổ và vô ngã, thường quán niệm như vậy cho nên hành giả không chấp thủ một pháp nào. Do không chấp trước, nên không phiền não, do không phiền não, hành giả tự

chứng niết-bàn như lời dạy của Thế Tôn trong bài kinh số 37 Đoạn tận ái giải thoát thuộc kinh Trung bộ như sau:
Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Đồng Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mẫu (Migaramatu).

Rồi Thiên chủ Sakka đến tại chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Thiên chủ Sakka đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nói một cách tóm tắt, đến mức độ nào, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người?

- Ở đây, này Thiên chủ, Tỷ-kheo được nghe như sau: “Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp”. Này Thiên chủ, nếu Tỷ-kheo được nghe như sau: “Thật không xứng đáng, nếu có thiên vị đối với tất cả pháp”, vị ấy biết rõ tất cả pháp. Sau khi biết rõ tất cả pháp, vị ấy biết một cách rõ ràng tất cả pháp. Do biết một cách rõ ràng tất cả pháp, nếu có một cảm thọ nào, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy. Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ ấy, nên không chấp trước một vật gì ở đời; do không chấp trước nên không phiền não, do không phiền não, vị ấy chứng đạt Niết-bàn. Vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa”. Này Thiên chủ, một cách tóm tắt, đến mức độ như vậy, một Tỷ-kheo ái tận giải thoát, cứu cánh thành tựu, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh viên mãn, bậc tối thắng giữa chư Thiên và loài Người.

Vị ấy nhờ sống quán tánh vô thường, sống quán tánh ly tham, sống quán tánh đoạn diệt, sống quán tánh xả ly trong các cảm thọ: lạc, khổ, không lạc không khổ, thì vị ấy không còn chấp thủ một vật gì ở đời, và vị ấy tự chứng niết-bàn: Rõ ràng Thế Tôn có ý nhắc nhở rằng trong đời sống những ai thường quán niệm như vậy sẽ được an ổn mọi khổ ách.

2.2. Chọn pháp môn tu hành

phù hợp với căn cơ và sở trường

Và từ đó quán tánh vô thường, quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt, quán tánh xả ly thọ lạc do hành trì kiên định pháp môn mình tu tập mang lại, như bài kinh Bát thành số 52, Trung bộ, trong đó ngài A-nan đã chỉ ra mười một pháp bất tử: Tứ vô lượng tâm, tứ thiền hiện tại lạc trú và tam thiền tịch tịnh trú: khi hành giả thực hành thành tựu chỉ một pháp chẳng hạn trong Tứ vô lượng tâm, hành giả thành tựu chỉ một tâm như Tứ tâm giải thoát tức là sân tâm không còn ngự trị trong tâm, hoặc Bi tâm giải thoát, tức là hại tâm không còn ngự trị trong tâm, Hỷ tâm giải thoát, thì bất lạc không còn ngự trị trong tâm, Xả tâm giải thoát, tức là tham tâm không còn ngự trị trong tâm; hoặc thành tựu sơ thiền...

từ đây nhận biết Từ tâm giải thoát, Bi tâm giải thoát... là pháp hữu vi nên vô thường, chịu sự hoại diệt, từ đó hành giả quán tánh ly tham, quán tánh đoạn diệt và quán tánh xả ly của những pháp này. Nhờ vậy, hành giả không còn chấp trước nên tự chứng niết-bàn.

3. Bậc Tuệ giải thoát có năng lực thần thông không?

3.1. Đức Phật không phủ nhận lời chỉ trích của du sĩ Vekhanassa về không có năng lực thần thông của một số Tỷ-kheo đã đoạn tận ái dục, Phạm hạnh đã thành

Một du sĩ ngoại đạo Vekhanassa thuộc bộ tộc Kaccana phẫn nộ và bất mãn cho rằng có một số Samôn, Bà-la-môn không biết về quá khứ, không thấy về tương lai, nhưng các vị ấy tự cho: “Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, từ nay không trở lại đời sống này nữa”. Lời nói như vậy của họ tự chứng tỏ là đáng cười, tự chứng tỏ là nói suông, tự chứng tỏ là trống không, tự chứng tỏ là hư vọng”.

Đức Phật không phủ nhận lời chỉ trích của du sĩ Vekhanassa. Nhưng Thế Tôn nói: “... hãy bỏ qua quá khứ, hãy bỏ qua tương lai. Hãy đến, người có trí không gian trá, không xảo quyệt, chơn trực và nói như sau: ‘Ta giảng dạy, ta thuyết pháp’. Nếu thực hành theo điều đã dạy, thời không bao lâu người ấy tự biết mình, tự thấy mình: ‘Như vậy thật sự là đã giải thoát khỏi sự ràng buộc chánh, tức là sự ràng buộc của vô minh’” (Kinh 80 Vekhanassa, Trung bộ).

3.2. Năng lực thần thông không có đối với bậc Tuệ giải thoát như kinh số 70 Susima Tương ưng bộ

Thế Tôn không phủ nhận lời chỉ trích của du sĩ Vekhanassa vì đối với Tỷ-kheo chứng được Tuệ giải thoát thì không có năng lực thần thông như được giải thích rõ ở chương 12: Tương ưng Nhân duyên, Đại Phẩm, kinh số 70 Susima thuộc Tương ưng bộ:

Tần Tỷ-kheo Susima hỏi trực tiếp với các Tỷ-kheo chứng đạt Tuệ giải thoát về khả năng thần thông lực và được chư Tỷ-kheo trả lời là không trong những đoạn kinh tiêu biểu dưới đây:

- Có đúng sự thật chẳng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: “Chúng con biết rõ rằng: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”?

- Thưa có vậy, này Hiền giả.

Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ. Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh

ra ở đây”. Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?

- Thưa, không phải vậy, này Hiền giả.

- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ?

- Thưa, không phải vậy, này Hiền giả.

- Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, sau khi vượt khỏi Sắc giới, thân cảm xúc Vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát?

- Thưa, không phải vậy, này Hiền giả.

- Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?

- Này Hiền giả, không có chúng được gì.

- Như thế nào?

- Thưa Hiền giả Susima, chúng tôi chứng được tuệ giải thoát.

- Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vẫn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vẫn tắt này của chư Tôn giả!

- Này Hiền giả Susima, dù cho ông có biết hay ông không biết, chúng tôi chứng được tuệ giải thoát.

Tần Tỷ-kheo Susima đem vấn đề này đến trình bày với Đức Thế Tôn, và sau khi được Đấng Thiện Thệ giải thích rõ Trí biết về pháp trú, trí về niết-bàn (như đã trình bày ở trên), và hỏi Hiền giả Susima qua pháp thuận quán này các Tỷ-kheo chứng được Tuệ giải thoát có năng lực thần thông không, thì được chính Sa-môn Susima trả lời là không như đoạn trích sau:

- Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, ông có chứng được các thần thông nhiều loại sai khác: Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.
 - Nay Susīma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ông có thể nghe hai loại tiếng, tiếng chư Thiên và tiếng loài Người, tiếng xa và tiếng gần?
 - Thưa không, bạch Thế Tôn.
 - Nay Susīma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của chúng sanh sai khác, của loài Người sai khác. Với tâm có tham, ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, ông biết được là tâm giải thoát?
 - Thưa không, bạch Thế Tôn.
 - Nay Susīma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác. Như một đời... (như trên)... ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?
 - Thưa không, bạch Thế Tôn.
 - Nay Susīma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?

3.3 Không thể có thần thông qua hai bài kinh của Trung bộ (số 70 Kitāgiri và 52 Bát Thành)

Kinh số 70-Kitāgiri, Đức Phật đề cập và giải thích cô đọng về hai bậc A-la-hán: bậc Câu phần Giải thoát và bậc Tuệ giải thoát, trong đó bậc Tuệ giải thoát tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt qua sắc pháp và vô sắc như sau:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc câu phần giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân đã chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người câu phần giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói rằng không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật, vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc tuệ giải thoát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người, sau khi thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp, và sau khi đã thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ hoàn toàn. Vị này như vậy được gọi là bậc tuệ giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo này, Ta nói không có sự việc cần phải làm, nhờ không phóng dật. Vì sao vậy? Vì sự việc ấy đã được vị này làm, nhờ không phóng dật; vị ấy không có thể trở thành phóng dật.

Ở kinh số 52 Bát Thành, trong mười một pháp môn bất tử có tứ thiền hiện tại lạc trú, tứ vô lượng tâm và tam thiền tịch tịnh trú (trừ phi phi tướng xứ): chỉ cần hành giả thành tựu một pháp môn chẳng hạn như sơ thiền, hoặc nhị thiền, hoặc tam thiền, hoặc Từ tâm giải thoát... và từ đây nhận biết sơ thiền này, nhị thiền này, tam thiền này, Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi do suy tư tác thành



nên vô thường, chịu sự đoạn diệt, và nếu vững trú ở đây, hành giả sẽ đoạn tận các lậu hoặc.

Những hành giả từ sơ thiền đến tam thiền không có năng lực thần thông duy chỉ có những hành giả chứng đắc từ tứ thiền trở lên với tâm nhu nhuyễn, thuần tịnh, thì mới có thể có năng lực thần thông như trong kinh *Sa-môn quả*, *Trường bộ*, hoặc theo luận *Thanh tịnh đạo* (Visuddhimagga) thì thần thông (Thiên nhĩ) này chỉ đạt được khi hành giả đã thành công vững chắc từ Tứ thiền trở lên (Catuttha Jhana) và đang phát triển mạnh các “Thiền tâm vô sắc”, như “Không vô biên” hay “Thức vô biên” chẳng hạn!

Kết luận

Qua những gì mà Đức Phật đã chỉ dạy trong một số bài kinh như đã trình bày, hành giả thời này có thể thành tựu Tuệ giải thoát khi thường xuyên thực hành thuần quán: Tất cả các pháp đều bình đẳng, không hơn, không kém. Thực tướng của tất cả pháp hữu vi đều vô thường, chịu sự biến hoại, nên khổ và vô ngã. Vì thế, hành giả sanh tâm nhàm chán, không chấp thủ một pháp nào, do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn”. ■

Tài Liệu Tham Khảo: 1. *Trung bộ kinh*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch. 2. *Tương ưng bộ kinh*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch. 3. *Trường bộ kinh*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch. 4. *Thanh tịnh đạo luận*, Ni sư Thích nữ Trí Hải dịch.

“*Đọc* Về thu xếp lại...” của Đỗ Hồng Ngọc

NGUYỄN GIÁC

Cảm giác đầu tiên khi đọc tác phẩm mới này của Đỗ Hồng Ngọc, có thể thấy rằng đây là những dòng chữ từ một người sắp ra đi... Chẳng phải sao, ngay trên tựa sách đã ghi là “Về thu xếp lại...” (VTXL).

Đúng là trong các tản văn có nói về tuổi già, về bệnh, về những người bạn đã ra đi - trong đó, ngay ở Lời ngỏ là ghi lại hình ảnh tới thăm người bạn thân, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, tại phòng Săn sóc đặc biệt Bệnh viện Chợ Rẫy.

Tác giả Đỗ Hồng Ngọc, một bác sĩ về hưu và đang giữ thói quen Thiền tập hàng ngày, tự ghi lại hình ảnh của mình:

“... Thấy những bạn trẻ... trên dưới bảy mươi mà “gato”! Mới vài năm thôi mà mọi thứ đảo ngược cả rồi. Bây giờ có vẻ như tôi đang lùi dần về lại tuổi ấu thơ, tuổi chập chững, tuổi nằm nôi...”

(Lời ngỏ, VTXL)

Cần ghi nhận rằng chữ “gato” trong đoạn trên là tiếng lóng trong nước, có nghĩa “ghen ăn tức ở” dùng trong giới trẻ. Như thế, hình ảnh tuổi già dưới mắt Đỗ Hồng Ngọc rất mực độc đáo: phải cao niên tới một tuổi nào đó, mới thấy mình như tuổi ấu thơ (vì trí nhớ lãng đãng rồi), thấy mình ở tuổi chập chững (vì đi lùm khựng rồi), thấy mình như tuổi nằm nôi (vì phần nhiều là nằm bệnh)...

Tuy nhiên, giọng văn không hề bi quan tí nào. Từng trang sách là những dòng chữ rất mực yêu thương trần gian này. Ông nói về già và bệnh, đồng thời đưa ra kinh nghiệm lạc quan của bản thân về Thiền tập, về quán niệm hơi thở, về trải nghiệm những dòng chảy thời gian trên cơ thể, trên trí nhớ...

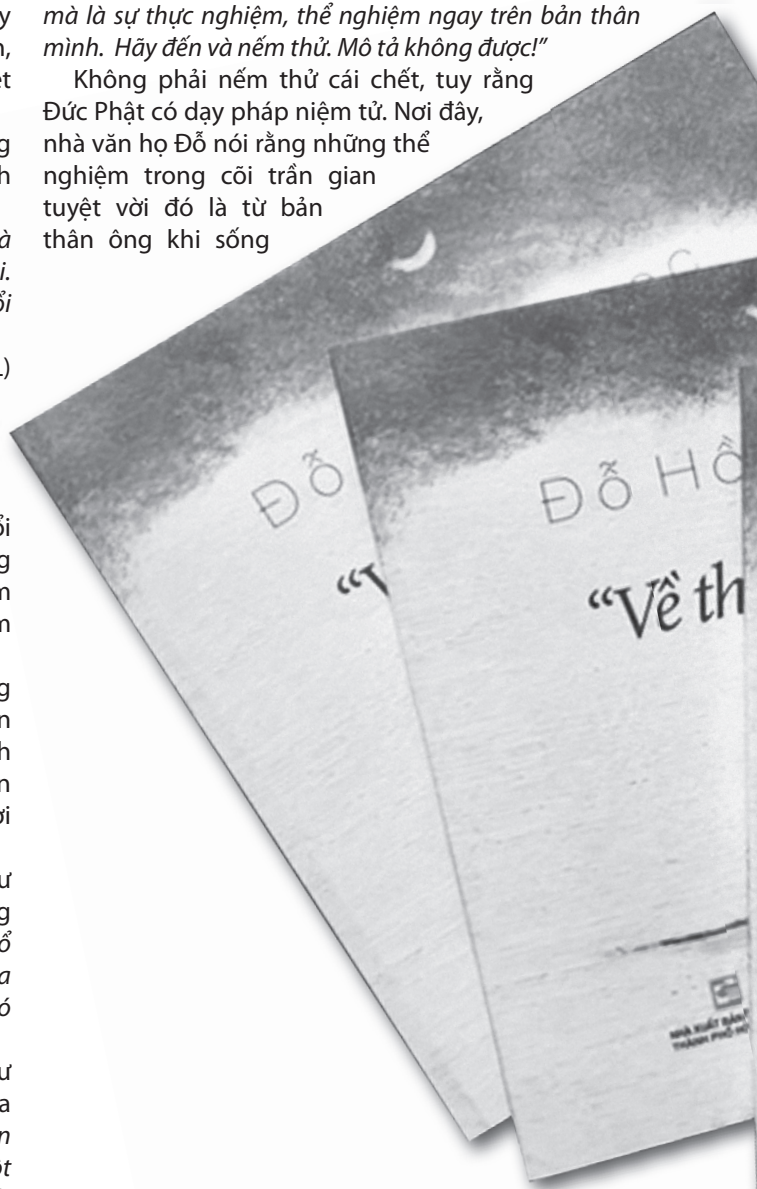
Đỗ Hồng Ngọc nói về khổ đau, nhưng chỉ xem như là chuyện hoa nở hoa tàn, như ở chương cuối trong VTXL: “...tại vì có cái ta mà phát sanh phiền não, khổ đau. Pháp vận hành theo pháp, chẳng vì ta. Chẳng vì ta mà hoa nở hoa tàn. Nếu không can thiệp thì nó vậy là nó vậy. Sự phân biệt chính là can thiệp, dính mắc”.

Đỗ Hồng Ngọc nói về cái chết, nhưng chỉ xem như một quà tặng từ cõi trần gian, trong cùng chương vừa dẫn: “Thuốc đã sẵn có. Phật giáo nhìn cái chết là sự vận hành của pháp. Chết là sự chấm dứt tạm thời của một hiện tượng tạm thời, cái sống. Cho nên chết không phải

là hết. Cái sống, một hiện tượng tạm thời và vận động không ngừng, vô thường thú vị, một bonus, nên cái chết cũng là vô thường, một bonus khác”.

Không phải là mượn lời của ai, hay dẫn lại từ sách, mà tất cả là từ kinh nghiệm của nhà văn Đỗ Hồng Ngọc, cùng chương vừa dẫn: “Không phải là lý thuyết suông, mà là sự thực nghiệm, thể nghiệm ngay trên bản thân mình. Hãy đến và nếm thử. Mô tả không được!”

Không phải nếm thử cái chết, tuy rằng Đức Phật có dạy pháp niệm tử. Nơi đây, nhà văn họ Đỗ nói rằng những thể nghiệm trong cõi trần gian tuyệt vời đó là từ bản thân ông khi sống



với kinh Phật, trích cùng chương vừa dẫn:

"Mà thấy Pháp tức là thấy Phật. Pháp nó tự vận hành. Không có người vận hành. Không có ta. Cho nên Phật dạy cách khác đơn giản hơn: Cái thấy chỉ là cái thấy. Cái nghe chỉ là cái nghe. Chỉ vậy. Khi có cái "ta" xen vào: Ta thấy, ta nghe... thì đã sinh sự. Có ta hay không có ta thì pháp nó cũng cứ vận hành như vậy. Nhưng bằng cách nào để sống được "cái thấy chỉ là cái thấy"? Vì ta không phải là gỗ đá, vô tri. Vấn đề chỉ ở chỗ không dính mắc. Cô hoa hậu xinh đẹp thì thấy là xinh đẹp, nhưng dính vào thì tiêu!"

Chỉ trong vòng mấy câu trên, chưa hết một đoạn văn, Đỗ Hồng Ngọc đã ghi lại *"sự thực nghiệm, thể nghiệm ngay trên bản thân mình. Hãy đến và nếm thử"* một số bản kinh nhà Phật.

"Thấy Pháp tức là thấy Phật" là từ kinh Tương ưng SN 22.87, khi Đức Phật thăm ngài Vakkali đang bệnh, và nói: *"Vakkali, hễ ai thấy Pháp là thấy Ta; ai thấy Ta là thấy Pháp"*.

"Pháp nó tự vận hành. Không có người vận hành. Không có ta" là từ Luật Duyên khởi, không hề có cái gì gọi là ta hay người. Trong kinh Trung bộ MN 115, Đức

Phật nói: *"Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt..."* Không hề có bất kỳ ai vận hành, và cũng chẳng có cái ta nào.

Đỗ Hồng Ngọc lại tiếp rằng lời Phật dạy hãy giữ cái thấy nghe chỉ là cái thấy nghe... chính là từ kinh Bahiya.

Họ Đỗ lại thêm rằng chỉ là ở chỗ không dính mắc... câu này là từ kinh Kim cương và rất nhiều kinh khác.

Đỗ Hồng Ngọc dẫn ra cội nguồn khổ là từ tham ái bằng hình ảnh cô hoa hậu xinh đẹp... cũng từ rất nhiều kinh.

Tuyệt vời cho nhà văn Đỗ Hồng Ngọc và cho bất kỳ ai đã có thể sống được như ông, khi đã *"thể nghiệm ngay trên bản thân mình"* những bản kinh Phật như thế.

Nhưng không khô khan hay trịnh trọng chút nào. Văn của Đỗ Hồng Ngọc không hề khô khan như các lớp toán hay vật lý chúng ta đã trải qua.

Trước tiên là cách đặt nhan đề, sách và chương sách - tất cả đều từ ngôn ngữ thơ mộng của Trịnh Công Sơn, người bạn thân của tác giả. Nhưng chính cách kể chuyện của Đỗ Hồng Ngọc mới là độc đáo, tuyệt vời, luôn luôn gây giựt mình cho độc giả.

Thí dụ, tuổi đẹp nhất của đời người? Như dường là hầu hết mọi người đều đoán sai... vì câu trả lời của Đỗ Hồng Ngọc là tuổi 65-75:

"Tôi nay ở tuổi 80. Thực lòng... đang tiếc mãi tuổi 75... Cái tuổi đẹp nhất của đời người theo tôi có lẽ ở vào lứa 65-75. Đó là lứa tuổi tuyệt vời nhất, sôi nổi nhất, hào hứng nhất... Tuổi vừa đủ chín tới, có thể rửa tay gác kiếm, tuyệt tích giang hồ..."

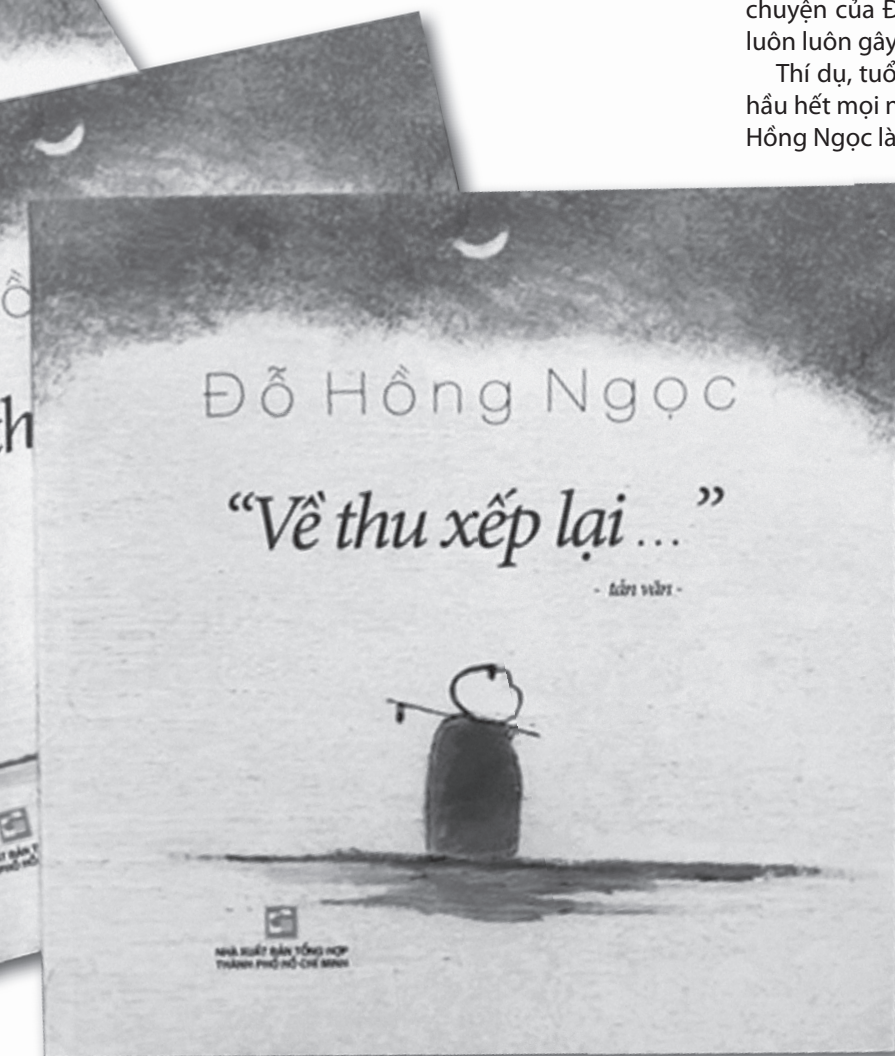
(Lời ngỏ)

Tuổi 75 đẹp nhất? Bạn nhiều phần là sẽ đồng ý với tác giả Đỗ Hồng Ngọc, nếu bạn đọc xong tuyển tập tản văn này.

Đọc văn Đỗ Hồng Ngọc cũng cần có thái độ rất bình tĩnh... bởi vì khi kể về già và chết, ông đã gọi đó là diễn biến tuyệt vời. Như ông viết ở chương Cát bụi tuyệt vời:

"Có sinh ắt có tử, có tử ắt có sinh. Hơi vào có hơi ra và ngược lại. Cho nên người đạt đạo họ tỉnh queo, nôm na là họ... giác ngộ. Họ chẳng cần phải bối rối. Họ biết nó phải vậy. Như Thị."

Chu trình "khép kín" đó bắt đầu tăng tốc ở lứa 65-75 tuổi. Tăng tốc khô héo, tăng tốc nhăn nheo. Sự tăng tốc của lứa tuổi này cũng làm ta há hốc, muốn kêu lên kinh ngạc... như ở tuổi dậy thì,



tuổi mới lớn. Cái vòng đời nó diễn biến tuyệt vời đến vậy, liên tục đổi thay đến vậy thì có gì đáng phàn nàn đâu! Nhiều bạn cùng lứa than với tôi sao thể này sao thể khác, tôi thường chỉ nói “Ai biểu già chi?” rồi cười xòa với nhau mà không khỏi có chút ... ngậm ngùi”.

Dĩ nhiên, Đỗ Hồng Ngọc khác rất nhiều với người đời thường (như tôi, chẳng hạn, một người không biết gì về y khoa). Đỗ Hồng Ngọc kể về thời sinh viên, chuyện xương người với đầu lâu là những thứ phải học kỹ, phải nhớ tên gọi và chức năng của từng hốc xương, khớp xương... Nhưng chuyện tu học thì, hiển nhiên là ai cũng có thể cảm nhận được những ghi nhận của họ Đỗ về kinh Phật. Khi ông kể về trải nghiệm ngay trên cơ thể của ông.

Trong chương Tôi chợt nhìn ra tôi của sách VTXL, tác giả kể về “tôi thấy tôi” - tức là thấy cái vô ngã, cái vô thường, và do vậy là cái thật tướng vô tướng:

“... không phải bất ngờ vì tôi thấy tôi. Mà bất ngờ vì tôi chợt “nhìn ra” tôi. “Nhìn ra” khác với thấy. Nhìn ra là “quán”. Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã... chiếu kiến ngũ uẩn giai không... Quán là thấy rõ (chiếu kiến). Tôi bấy giờ không còn là tôi bây giờ. Tôi bấy giờ là tứ đại, là ngũ uẩn. Và nếu quán một cách sâu sắc hơn, có thể thẳng thốt kêu lên: “Bỏn lai vô nhất vật”! (Lục tổ Huệ Năng)...

Có lần Phật hỏi Duy-ma-cật: Ông quán Như Lai thế nào? Duy-ma-cật đáp: Thì như quán pháp thân của Phật và của chính tôi thôi. Có gì khác nhau đâu!

Nhìn thì có thể thấy khác. Bởi nhìn thì qua mắt, nhãn căn. Quán thì không nhìn bằng mắt. Mà nhìn bằng cả năm thứ

con mắt (ngũ nhãn) gồm nhục nhãn (mắt thịt), thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Thử ví, khi quán thì cả Như Lai, Phật và Tôi... đều là một, không khác. Đó là đã thấy pháp thân, thật tướng vô tướng”.

Đỗ Hồng Ngọc còn dùng những hình ảnh để đọc giả dễ hình dung xem thật tướng vô tướng đã héo đi thế nào:

“... Trước hết tôi bây giờ già hơn tôi xưa, già thấy rõ, già tốc hành chứ không phải già lại rai như trước.

Nhiều hôm nhìn vào gương soi, tôi thấy mình như một quả táo để lâu ngày, héo dần, teo tóp, nhăn nheo. Nhưng có cái gì đó như cứng cõi hơn, tuy quắt queo mà chỉ bay hơi nước, bay cái lảng muợt, nuột nà của quả táo căng phồng, ngậy thơ, tràn đầy thuở nào. Bây giờ thì co cụm lại, co rúm lại, gom tụ lại vào trong cái hột, cái lõi”.

Hình ảnh đi từ trừu tượng “cái tôi trong thật tướng vô tướng” trở về cái trước mắt, cái trên bàn của “cái tôi như quả táo héo mòn, nhăn nheo”... hình như chưa từng có nhà văn nào viết như thế. Nhưng đó cũng chính là sự thật của cõi này, khi Đức Phật tuyên thuyết về Tứ diệu đế.

Trong khi phần lớn đều lo sợ già, lo sợ nhăn nheo, Đỗ Hồng Ngọc gọi đó là diễn biến tuyệt vời, và ông quan sát hàng ngày với thái độ xem chuyện lão hóa là “cũng dễ thương quá”... Họ Đỗ viết trong chương vừa dẫn:

“... Rồi đến cái tuổi gió heo may, dịu dịu, nhạt nhòa nhưng vẫn là tuổi năng nổ, hoạt động mạnh mẽ và hiệu quả nhất để rồi chuyển sang tuổi già, tạm coi là sau tuổi 65, một chu trình “khép kín” đã lại bắt đầu: tăng tốc khô héo, tăng tốc nhăn nheo, tăng tốc ngược chiều đủ làm hết hồn, làm há hốc, muốn kêu lên kinh ngạc...

Nó diễn biến tuyệt vời đến vậy, liên tục đổi thay đến vậy thì có gì đáng phàn nàn đâu, có gì mà không thể tùm tùm cười một mình đâu. Cho nên nếu tôi có gì khác tôi xưa thì chính ở chỗ tôi có phần... khoái cái sự già nua tăng tốc đó của mình, tôi hồi hộp dõi theo nó, tôi cảm thấy nó... hợp lý, nói chung là... cũng dễ thương quá đó chứ!

Ở tuổi 70 chưa thấy già đâu. Thậm chí đến 72, 73 vẫn còn thấy trẻ chán”.

Đỗ Hồng Ngọc kể chuyện đời thường của ông, qua đó cho thấy ông quán sát thân tâm liên tục, xem các diễn biến như xem hoa bay gió thổi, không hề khởi tâm kinh hãi với vô thường, trích cùng chương dẫn trên:

“... Nhiều khi, sáng dậy, nhìn vào gương soi tôi lại thấy tức cười. Tôi đó sao? Nhăn dần từng nét ngộ nghĩnh trên mặt trên da. Đôi khi muốn lấy viết vẽ nguệch ngoạc gương mặt thay đổi từng ngày của mình, từng ngày nhưng rất nhanh, thấy rõ chứ không như ngày xưa, nhiều năm mới nhận ra nét đổi thay. Tôi tức cười nhìn mình. Nó nhìn tôi cũng cười. Ngộ nghĩnh. Cười mà ráng. Không ráng thì nó trĩu nặng. Mấy tế bào của cơ mặt hình như sinh tật làm biếng, xệ xuống cho khỏe...



... Ghi tiếp "Nhật ký rời": Chỉ còn mấy ngày nữa, đã đầy tám chục (tuổi ta). Phải nhanh chóng ghi lại vài điều kéo quên. Thứ nhất, ở tuổi này tôi thấy tay mình ngày càng run. Làm cái gì mà cẩn thận thì đổ vỡ. Làm cái gì không tính trước thì được. Tùy cơ ứng biến thì tốt. Tay run đến nỗi viết cũng khó mà vẽ chơi cũng khó. Tôi phải vẽ kiểu "tốc họa", vẽ như chớp, theo một cảm xúc bất chợt, không toan tính thì tốt. Ai bắt chước được cái run?"

Trong khi tác giả Đỗ Hồng Ngọc viết để kể về những trải nghiệm riêng, độc giả hiển nhiên là không mong đợi những chuyện ly kỳ như phim 007 hay truyện Z 28. Tất cả lời kể trong VTXL chỉ là những chi tiết đời thường, dưới mắt quan sát của người có thói quen thiền tập như Đỗ Hồng Ngọc đều đột nhiên trở thành đáng chú ý.

Thí dụ, tác giả Đỗ Hồng Ngọc kể về chuyện ngủ, chuyện thức dậy, chuyện ghi trên giấy từ đêm trước về những gì cần làm, chuyện xem trận banh, chuyện đọc tin trên báo chỉ cần liếc qua cái tựa... nghĩa là chuyện đời thường soi rọi dưới mắt ông. Phải chăng đó là từ thói quen quán sát thân tâm?

Hay là khi tác giả tự soi gương, nhận ra tóc bạc, da nhăn... rồi chuyện ngồi thiền, quán niệm hơi thở, rồi niệm từ bi, niệm hỷ xả... rồi tự pha ly cà-phê, rồi ngồi vào máy tính.

Cứ tà tà kể chuyện như thế, cuốn sách cũng hoàn tất. Tuy là chuyện đời thường, là chuyện của người già, nhưng thực sự không đời thường tí nào, cũng không già cỗi tí nào. Vì nơi đây, từng khoảnh khắc được quan sát và kể lại, đã hiển lộ lên một thế giới rất mực lạ quan. Nói về già nhưng vẫn là thơ mộng rất mực, như đùa như giỡn... Nói về cái chết nhưng vẫn dịu dàng như nói với người bạn thân sắp gặp lại.

Như cách Đỗ Hồng Ngọc viết về bệnh:

"... Nhưng bệnh cũng có cái hay của nó chứ. Nó làm cho ta nhớ lại mình. Đã đành biết bệnh tật gắn vào mình từ trong trứng nước, thậm chí trước đó nữa, ở nơi ông bà cha mẹ mình từ ngàn xưa qua các gene di truyền nhiều thế hệ, nhưng cứ mỗi lần bệnh tật, với tôi, trở thành một cái giật mình. Mà cũng lạ, đường đường là một người thầy thuốc, học hành đàng hoàng, ra trường hơn nửa thế kỷ, nghề nghiệp chín chắn, nổi tiếng là người thầy thuốc "mát tay", luôn quan tâm chăm lo giúp đỡ cho người khác khi có ai nhờ đến, cả bệnh thân lẫn bệnh tâm, vậy mà, với mình, tôi quên tôi tuốt. May thay, nhờ có bệnh nhắc. Mà không phải là bệnh nhẹ. Bệnh nhẹ không đủ nhắc tôi đâu..."

Hay như khi Đỗ Hồng Ngọc viết về cái chết, về cách luôn nhớ về cái chết:

"... Có cách nào để người ta luôn nhớ đến cái chết để được sống hạnh phúc hơn không?

Có đó. Cứ ngồi yên đó. Lặng nghe hơi thở của mình. Thở vào... thở ra. Một hơi thở là một cuộc sống. Thở ra rồi thở vào. Lại một cuộc sống mới. Thì ra.... sống và chết

là một chu kỳ hình sin. Cái gọi là sống, cái gọi là chết. Gọi vậy thôi chứ không phải vậy. Có thể đảo ngược lại. Nhìn kỹ thì thấy cái chết mới là cái sống. Thở vào như sống. Thở ra như nước. Sống là nước. Nước là sống. Tùy duyên. Bày đặt vui thôi mà!"

Trong tuyển tập VTXL, nhà văn Đỗ Hồng Ngọc còn viết nhiều về ăn, ăn mặn hay ăn chay, về thỉnh thoảng nấu ăn, về bốn loại thức ăn theo quan điểm nhà Phật, về thuốc đông tây nam bắc, về thời đi học mỗi sáng ăn xôi, về dạo cảnh chùa, về những buổi đi uống cà phê cùng bạn, về những người bạn vắng dần, về Internet mang theo nước mắt nụ cười...

Nói về đời thường, và rồi nói về mặt nghĩa côi này. Tới những đoạn văn như thế, chúng ta tự nhiên đọc chậm lại, và có thể phải đọc đi đọc lại rất nhiều lần, vì văn nơi đây nghe như thơ, như kệ, như nhạc, như thần chú, như mật nghĩa của pháp.

Thí dụ, như đoạn văn sau, khi Đỗ Hồng Ngọc viết:

"Phật có đến có đi. Có từ bi có hỷ xả. Có nói năng có im lặng. Có thể dùng âm thanh dùng ánh sáng dùng chuông mõ, tiếng tụng niệm mà thấy Phật. Nhưng Như Lai thì không. Không thể dùng âm thanh, ánh sáng mà thấy Như Lai. Kinh nói Như Lai thọ lượng mà không nói Phật thọ lượng vì Phật thọ lượng chỉ có hơn 80 năm! Kinh nói Như Lai thần lực mà không nói Phật thần lực vì Phật chẳng ưa chuyện thần thông. Kinh nói vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai mà không nói vào nhà Phật, mặc áo Phật, ngồi tòa Phật... Cho nên, Phật là Như Lai, mà Như Lai không phải Phật. Như Lai là Như Lai. Nó vậy đó..."

Đọc thấy Đỗ Hồng Ngọc viết chữ "vậy đó" rất mực dịu dàng, nhưng từng chữ một vẫn nặng rất mực, kiên cố rất mực.

Trong sách, chúng ta đọc thấy Đỗ Hồng Ngọc còn viết nhiều nữa, như về Trần Nhân Tông, về Tuệ Trung Thượng Sĩ... Tác phẩm "Về thu xếp lại..." của Đỗ Hồng Ngọc không chỉ để đọc một lần. Sách này có thể nên đưa vào túi xách, nên mang theo bên người để thỉnh thoảng đọc lại. Để không sợ già, không sợ chết, để biết cách đùa giỡn với bệnh, và cũng để biết cách Thiền tập trong những cách tự quan sát thân tâm mình không rời.

Tuy rằng Đỗ Hồng Ngọc có căn trọng ghi rằng sách này là "góp nhặt từ những trang nhật ký rời, từ những ghi chép lang thang không ngày tháng, rải rác nơi nọ nơi kia... Rất riêng tư, và rất chủ quan..." nhưng các chuyện kể trong sách cũng là chung cho mọi phận người, nơi những dòng chữ của ông có thể giúp độc giả sống bình an giữa những bất an cõi này, sống yêu thương giữa những hoang mang cõi này.

Có thể tin rằng tác phẩm "Về thu xếp lại..." sẽ có một vị trí độc đáo trong văn học Việt Nam, và cũng rất đặc biệt sẽ là một cẩm nang sống cho nhiều người học Phật tương lai. ■



Sự im lặng đáng sợ

NGUYỄN CẦN

Bạo lực học đường: chuyện dài không hồi kết

Trong báo *VHPG* số 312, chúng tôi đã đề cập một khía cạnh của vấn nạn bạo lực học đường trong bài *"Tìm vùng trời bình yên cho tuổi nhỏ"*, trong đó nêu lên tình trạng giáo dục bằng roi vọt, hình phạt thể xác trong học đường hiện nay. Nhưng còn một vấn đề không kém phần nhức nhối là bạo lực giữa học sinh với nhau. Vào tháng 5-2014, người ta đã nghiên cứu đánh giá thực trạng bạo lực trường học với 3.000 học sinh tại 30 trường học ở Hà Nội và công bố con số 19% học sinh cho rằng đã từng bị quấy rối hoặc bắt nạt. Hàng năm, mỗi Sở báo cáo lên Bộ có vài chục vụ, tính ra cả nước chỉ vài trăm vụ nhưng khi ngành Công an vào cuộc thì số liệu rất lớn.

Tổng số vụ ghi nhận được là trên 2.000 vụ/năm, trong đó có đến 53% vụ xảy ra trong trường học. Ông Dương Văn Bá, Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chính trị và Học sinh Sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, nói rằng, thời điểm này qua khảo sát cùng ngành Công an và nắm tình hình cho thấy bạo lực học đường (BLHD) đang diễn biến phức tạp, vì thế cần thiết phải trao đổi, bàn bạc với các địa phương, phối hợp với các ngành, các cấp cùng tìm các giải pháp phòng chống... Khảo sát từ năm 2011 đến 2018 thấy có chiều hướng gia

tăng các vụ BLHD, rất nhiều giải pháp được đưa ra nhưng vẫn chưa hạn chế được".

Sự cố đang gây xôn xao dư luận suốt cả tuần qua từ 29/3 là clip ghi hình ảnh cháu Nguyễn Thị H.Y của trường THCS Phù Ủng (huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên) bị các bạn (5 đứa) lột hết quần áo, đánh vào thân thể, vào đầu, rồi quay phim video phát tán trên mạng. Trận đòn khiến cháu bị sang chấn tâm lý phải nhập bệnh viện tâm thần. Xem video, người lớn cũng phải bàng hoàng!

Vì sao im lặng?

Nhưng nếu như không có clip tung lên mạng, người ta cũng không hình dung hết độ tàn nhẫn của những kẻ tham gia. Vì theo lời cô giáo chủ nhiệm và thầy hiệu trưởng là đã xử lý "ổn thỏa" nghĩa là phạt mỗi cháu bốn, năm ngày không được vào học và gọi gia đình đến xin lỗi em học sinh bị đánh.

Trong năm đứa tham gia đánh cháu Y., có hai đứa vừa cùng xóm, vừa là họ hàng. Theo báo *Phụ Nữ*, ông Đặng Đình Thuộc vừa là ông trẻ của cháu Y., cũng là chú của hai trong số những đứa đánh Y. bảo ở làng La Mát bao năm nay vẫn thế, con cái nhà này bắt nạt con cái nhà kia là bố mẹ đến xin lỗi, "con đại cái mang". Chính lối hành xử theo kiểu nếp quê "đóng cửa dạy nhau", sự im lặng của chính bà con, người thân, hàng

xóm mà nếu không nghiêm túc nhìn nhận, thì không biết sẽ còn bao nhiêu cháu Y. sẽ gánh chịu cực hình như thế nữa!

Ông bảo, đáng lên án nhất là sự im lặng, che đậy, giấu giếm của chính những người hằng ngày đứng trên bục giảng dạy dỗ các cháu. Khi sự việc vỡ lở, ông Hiệu trưởng còn nói nguyên do mọi chuyện là tại cháu Y. hiền lành quá(?). Ông Thuộc nói việc cánh cửa tương lai của cả sáu đứa trẻ có vết nứt như ngày hôm nay đều đến từ sự im lặng đáng giận, đáng lên án của người lớn. Lúc biết có clip trên mạng, nhà trường đã yêu cầu nhóm học sinh đó phải gỡ xuống và... im đi.

Điều này sau đó được giải thích một cách đau xót: vì em nữ sinh này đã bị đánh nhiều lần, và chắc những vụ đánh nhau đã không còn lạ trong lớp. Clip được phát tán trên mạng, nhưng cả tuần sau đó các cơ quan chức năng mới biết được. Giáo viên chủ nhiệm bắt các em giữ kín thông tin đến nỗi người nhà nạn nhân khi được mời đến trường làm việc cũng không hay biết về clip, chỉ được nghe nói lại và giải quyết như một vụ xích mích bình thường của trẻ con.

Nhưng còn những học sinh khác, tại sao chỉ thụ động nhìn và quay phim một cách lạnh lùng? Điều ấy mới đáng sợ khi các em tỏ ra vô cảm trước nỗi đau đồng loại, đồng bạn... Có người đề nghị kỷ luật luôn cả những em này, thiết nghĩ cũng là việc cần làm. Tìm đâu ra tình yêu thương, nói gì đến tinh thần hiệp sĩ, thương võ?

Xã hội bàng hoàng đặt câu hỏi về vai trò của nhà trường, của thầy cô, còn nạn nhân đang hoảng loạn, tinh thần bất ổn.

Đành rằng kỷ luật là chuyện phải làm, nhưng sự "lạnh lùng" trong cách xử lý của giáo viên chủ nhiệm cũng như hiệu trưởng nhà trường, của học sinh trong lớp khi nhìn cảnh "tra tấn" một học sinh "yếu thế", vốn cần nhiều yêu thương đùm bọc hơn những đứa trẻ khác là một vết sẹo trên gương mặt của ngành giáo dục. Có người nói nếu coi kỷ luật là một biện pháp tích cực để làm gương nhân rộng, thì ngành giáo dục đang tự đưa mình vào ngõ cụt. Trường học không còn là môi trường thân thiện nữa, khi ở đó nỗi sợ hãi trở nên phổ biến, sợ bị đánh, sợ bị kỷ luật. May sao chưa có một vụ Marion xảy ra tại VN!

Marion, mãi mãi tuổi 13

Dựa trên một câu chuyện có thật tại Pháp, hơn 200 trang sách "*Marion, mãi mãi tuổi 13*" đã tái hiện lại một câu chuyện đầy hoang mang và phẫn uất về cái chết của một học sinh 13 tuổi trong một vụ án quấy rối học đường. Nó khiến tất cả chúng ta không thể thờ ơ trước vấn nạn này được nữa. Marion Fraisse là cô bé 13 tuổi thông minh, xinh đẹp và chăm chỉ. Mọi chuyện trở nên tồi tệ khi mỗi ngày cô bé đến trường bị chính những người bạn học lừa dối, lăng mạ và xâm phạm đến cơ

thể. Nhà trường biết sự việc ấy, nhưng họ đã lựa chọn thái độ thờ ơ, giấu giếm, điều đó đã đẩy Marion vào sự trầm uất, tuyệt vọng và bất lực, cuối cùng cô bé đã tự sát. Cái chết của cô bé khiến bố mẹ và mọi người sửng sốt. Chưa bao giờ mọi người nghe em phàn nàn hay than vãn vì buồn chán bất hạnh, bị tổn thương hay kiệt sức. Cha mẹ cô đã đi tìm kiếm câu trả lời. Sau đó đã khám phá ra các tin nhắn trong điện thoại, một tài khoản facebook bí mật, những thông báo xúc phạm trên mạng xã hội cô bé dùng... Cô bé Marion Fraisse đã bị quấy rối cả ở học đường lẫn trên mạng xã hội, bị nhà trường và bạn bè bỏ mặc. Và mẹ cô đã kể lại câu chuyện ấy trong cuốn sách này. Bà viết:

"Mẹ viết cuốn sách này để tưởng nhớ con, để giải bày nỗi buồn xa vắng bằng khoảng của mẹ về một khoảng đời trong tương lai mà mẹ con chúng mình sẽ không còn chung sống và chia sẻ cùng nhau nữa..."

Mẹ viết cuốn sách này để mỗi người đều rút ra những bài học từ cái chết của con. Để giúp các bậc cha mẹ tránh cho con cái họ khỏi trở thành hoặc nạn nhân giống như con, hoặc những tên đao phủ giống như những đứa đã khiến con mong lung lạc hướng. Để cho các cấp có thẩm quyền trong bộ máy giáo dục nỗ lực cần trọng hơn nữa, nỗ lực lắng nghe và có thiện chí hơn nữa đối với trẻ em khi chúng phải chịu đau đớn. Mẹ viết cuốn sách này để người ta coi nạn quấy rối học đường là một việc quan trọng, cần phải lưu tâm.

Mẹ viết cuốn sách này để không còn đứa trẻ nào muốn treo cổ cái điện thoại, lẫn kết thúc cuộc đời của nó nữa."

Giải pháp nào khả dĩ giúp chúng ta - Xem lại các biện pháp trực tiếp

Có thể nói sau sự cố Phù Ủng (Hưng Yên) và những vụ bạo lực học đường vừa xảy ra tại Nghệ An hay Bà Rịa, không chỉ những trường nơi xảy ra mà các trường học khác đều cần phải xem lại tất cả phương pháp giáo dục đã hiệu quả hay chưa.

Sự việc ở Hưng Yên xảy ra ngay trong lớp học, trước sự chứng kiến của nhiều học sinh nhưng phản ứng của giáo viên chủ nhiệm, ban giám hiệu chậm, lại cố ý xuê xoa vì thành tích hay vì chưa đánh giá đúng mức độ nghiêm trọng nên xử lý không thấu đáo, không sáng suốt, vô tình dung túng những hành vi sai phạm sau này.

Cần xử phạt nghiêm với hành vi đánh đập bạn để cảnh báo chung cho toàn trường, buộc các em học sinh khác phải dẫn đo khi hành động và chịu trách nhiệm cho hành động của mình.

Ngoài ra gia đình phải chịu phạt bằng cách bồi thường cho người bị hại, hay học sinh phạm lỗi phải bị "cấm túc" (đến trường ngày chủ nhật) học tập hoặc lao động công ích chứ không thể xin lỗi suông.

Ở Hoa Kỳ, theo Tiến sĩ Lê Nguyên Phương², tại bang California, phụ huynh hay người giám hộ sẽ phải chịu

trách nhiệm dân sự và thậm chí cả hình sự nếu con mình bắt nạt trẻ khác. Mỗi hành vi gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ khác hay thậm chí chỉ tổn hại tài sản trẻ khác có thể bị phạt tiền đến 25.000 USD. Tháng 7 năm ngoái, tại bang Connecticut, phụ huynh Tim Wilcox đã kiện Học khu (có thể xem tương đương với Sở Giáo dục Đào tạo) Norwich ra tòa vì đã để cho con mình là Bryan Mossor, 14 tuổi, bị bắt nạt. Khi học khu đề nghị hòa giải và bồi thường trước khi cuộc điều tra kết thúc, Wilcox đã yêu cầu ghi vào các điều khoản bồi thường việc yêu cầu giám đốc học khu từ chức, cả học khu phải tuyên bố công khai là đã phạm pháp vì không bảo vệ được học sinh của mình, và học khu phải thay đổi chính sách về phòng chống bắt nạt trong học khu của mình.

Về sự kiện ở trường THCS Phù Ủng, theo ông, việc đầu tiên là phải cho nữ sinh bị bạo hành được tham vấn tâm lý bởi người thực sự có khả năng chuyên môn về chấn thương tâm lý. Nhóm trẻ bắt nạt cần phải được trừng phạt không phải qua việc đình chỉ học tập tạm thời, mà phải dự các khóa hòa giải “phục hồi công lý” (restorative justice) và phải lao động phục vụ cộng đồng một thời gian.

Ngoài ra, sau khi kết thúc điều tra về trách nhiệm, vai trò của thầy cô và hiệu trưởng nhà trường, nếu có bằng chứng là nhà trường và địa phương đã bao che và dung dưỡng vấn đề này một thời gian dài, hiệu trưởng và những người liên quan phải bị ngưng chức và nếu cần thì bị truy tố dân sự về tội vô tình hay cố ý khiến cho một cá nhân trong trách nhiệm bảo vệ của mình bị tổn thương.

Người ta cũng nêu một khó khăn khách quan là lực lượng đảm bảo an ninh trật tự trong các trường học như giám thị, bảo vệ, tổ quản lý học sinh còn quá “mỏng”, khó đảm đương công việc an toàn trong các nhà trường. Phó Giám đốc Sở GD&ĐT Tiền Giang Nguyễn Phương Toàn cho hay, “... toàn tỉnh Tiền Giang cần khoảng 1.600 người với kinh phí chi trả khoảng 63 tỉ đồng/năm nhưng không được giao biên chế nên phải sử dụng ngân sách chi thường xuyên, do đó lực lượng rất ít vì các trường không có tiền thuê. Đáng lưu ý là có trường có đến 90 lớp, số lượng học sinh đông nên nguy cơ thiếu an toàn luôn chực chờ. Thật sự mà nói các trường đang bế tắc trong các vấn đề liên quan đến trật tự an toàn trong nhà trường”.

Xem lại môn giáo dục công dân và kỹ năng sống

Bản khoản tình trạng BLHĐ trong học sinh, ông Võ Bình Thư, Phó Giám đốc Sở GD&ĐT An Giang nói rằng: *“Tôi biết Bộ GD&ĐT đang xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường, dự kiến triển khai vào năm 2020 nhưng trước tình trạng BLHĐ như hiện nay, tôi nghĩ nên triển khai sớm hơn”. “Có trường hợp là khi có bạo lực xảy ra, hiệu trưởng điện thoại công an xã nhưng công an đến rất chậm, và*

đến là để lập biên bản khi sự việc đã rồi, vấn đề này gây bức xúc rất lớn ở các cơ sở giáo dục tại An Giang”.

Nhưng tại sao lại phải chờ đến 2020? Trong khi chúng ta có môn giáo dục công dân và kỹ năng sống, nhưng hình như chưa nói đến giá trị đạo đức trong đời sống. Học sinh lớp 9 như ở Phù Ủng mà chưa nhận ra được thế nào là tình yêu thương, sự tôn trọng bề bạn, như thế là đáng báo động.

Xin đừng quy kết cho những lý do khác vội. Có người cho rằng vì “xã hội xuống cấp, mặt trái kinh tế thị trường làm trượt dốc và suy thoái đạo đức”. Nhưng liệu chỉ như thế là cảm thấy yên tâm và phủ tay trách nhiệm của mình là cha mẹ (Mà thật ra kinh tế thị trường chẳng có lỗi gì! Vì TS Phương cho biết BLHĐ ở Virginia - Mỹ, một nước có nền kinh tế thị trường phát triển bậc nhất, càng ngày càng ít).

Chủ thể chính vẫn là gia đình. Giáo dục gia đình là nền tảng của mọi nền giáo dục. Một thực tế cho thấy: phần lớn các gia đình gia giáo, lễ nghĩa thì con cái ngoan ngoãn, hiền lành và ngược lại. Các em trong nhóm 5 em vừa rồi phần lớn từ những gia đình ly tán, hoặc cha mẹ ly dị hoặc đi làm xa. Giải pháp chính bắt đầu từ đây. Tuy vậy ngành giáo dục vẫn cần có sự đổi mới chương trình thiết thực với cuộc sống cho các môn học Giáo dục Công dân, Giáo dục Kỹ năng sống, tránh lý thuyết suông như lý tưởng, đạo đức xa vời mà gắn với những hành động hàng ngày như thưa gửi, lễ phép, yêu thương, tôn trọng bạn bè thầy cô...

Ngoài ra phải xây dựng môi trường giáo dục trong sạch, có kỷ cương, thầy ra thầy, trò ra trò, phụ huynh ra phụ huynh thì chắc chắn, nạn bạo lực học đường sẽ giảm bớt hoặc chúng ta sẽ phản ứng nhanh hơn và kịp thời với mọi sự cố!

Những biện pháp dài lâu

1. Kiểm soát truyền thông

Chúng tôi nhận thấy các nhà tâm lý đã chỉ ra một phần nguyên nhân của tội lỗi là do trò chơi trực tuyến và internet, hay phim ảnh bạo lực hoặc tâm lý “anh hùng bàn phím” trong giới trẻ: thích những clip bạo lực hay bêu riếu người khác để sỉ nhục.

“Bầu không khí xã hội bị những câu chuyện dã man phủ kín. Quá nhiều đòn roi quát mắng trong gia đình, quá nhiều thời lượng truyền thông dành cho tin tức tiêu cực...”.

(TS Nguyễn Lê Hằng- báo Văn Hóa Thể Thao)

2. Chú trọng nguyên lý Nhân - Quả

Trong một bài viết, chúng tôi đã nhận định: “Chúng ta đang gặt hái những gì mình gieo trồng trong những năm qua. Một xã hội và một nền giáo dục thiếu vắng lòng từ bi. Học sinh đến trường chỉ biết làm “gà nhối chữ” đóng tiền, trả công cho thầy cô và xem mọi quan hệ ở mức độ cho-nhận lạnh lùng. Thầy cô và kể cả cha



Nguồn: 24.com.vn

mẹ cũng xem nhẹ giáo dục đạo đức, chỉ mong con mình đạt điểm cao, vào trường chuyên lớp chọn mà không hề hướng đến một con người có đức hạnh. Bản thân người lớn không đủ mẫu mực làm gương cho giới trẻ.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã viết:

Ru em là cánh nhạn

Miệng ngậm hạt từ tâm.

Ông muốn tuổi trẻ vào đời với lời nói thiện ý xuất phát từ thiện tâm. Vì giáo dục đạo đức là dạy người ta biết suy nghĩ dựa trên đạo đức về hành vi mà mình muốn làm, trước khi làm việc gì đó...

Phật dạy: *"Một hành động khi làm với lòng thù hận, sinh ra từ lòng thù hận, gây ra bởi lòng thù hận, phát sinh ra từ lòng thù hận, sẽ chín muồi bất cứ nơi nào người này tái sinh; và bất cứ khi nào hành động chín muồi, người này nhận lấy kết quả của hành động, ở trong đời này, hoặc là trong đời sau, hoặc là trong những đời kế tiếp sau đó."*

... *Này các Tỳ-kheo, giống như những hạt giống không bị hư hại, không bị hư thối, không bị hư hỏng bởi gió và mặt trời, hạt có khả năng nảy mầm, khi chúng được gieo trồng đúng đắn vào trong một thửa ruộng tốt, cắm hạt sâu vào một mảnh đất màu mỡ; và nếu chúng được tưới tẩm đầy đủ bởi mưa gió, những hạt giống này sẽ tăng*

trưởng, cao vút lên, và phát triển dồi dào.

Này các Tỳ-kheo, đây là ba nguyên nhân bắt nguồn của hành động".

Thế hệ trẻ đang khát nguồn nước đạo đức chân chính từ cha anh, thầy cô và những người lãnh đạo quần chúng...

Chỉ khi nào cả xã hội hiểu được tại sao cần phải thực hành thiện nghiệp và biết sợ hậu quả tai hại của việc làm ác, chừng đó từng người sẽ làm điều lành một cách tự nguyện tự giác. Cộng đồng nơi ta sống lúc đó sẽ ngập tràn an lạc...."³.

Trong tinh thần xây dựng cộng đồng phúc lạc ấy, chúng ta hãy chung tay "gieo hạt từ tâm" vào lòng thế hệ trẻ hôm nay! ■

Chú thích:

1. *Marion Mãi Mãi Tuổi 13* - Nora Fraisse và Jacqueline Remy - Hiệu Constant dịch - Nxb Thế Giới.

2. TS Lê Nguyên Phương là chuyên gia tâm lý học đường của Học khu Long Beach và giảng viên của chương trình cao học bộ môn tâm lý học đường tại ĐH Chapman.

3. *Gieo lại hạt từ tâm* - Nguyễn Cần - [http. www. thuvien hoasen.org](http://www.thuvienhoasen.org); nguồn Giác Ngộ nguyệt san.



Nguồn: wikipedia.org

Kèn bầu

buồn đến bao giờ

LÊ HẢI ĐĂNG

Kèn bầu là một nhạc khí chủ lực đảm nhận vai trò diễn tấu giai điệu trong dàn nhạc lễ, đại nhạc (nhã nhạc), nhạc tuồng, nhạc bát âm miền Bắc, ngũ âm miền Nam... Kèn bầu có nhiều tên gọi khác nhau, như kèn bóp, kèn già lam, kèn loa, kèn bát, kèn đám ma, kèn tò te... Người xưa định danh theo tư duy trực quan sinh động, nên nghe tên có thể đoán biết được đặc trưng, công năng của nó.

Kèn bầu xuất hiện trong nhiều môi trường khác nhau, từ cung đình đến dân gian, từ quân đội đến đình, miếu, từ đám cưới đến đám ma... Hiện tại, kèn bầu chủ yếu xuất hiện trong tang lễ. Âm sắc đặc trưng của nó có thể ám vào người nghe khiến cho nhiều người có xu hướng “sợ” tiếng kèn bầu.

Trong quá khứ, kèn bầu từng tung hoành khắp các châu lục, xâm nhập nhiều nền văn hóa, từ Trung Á đến châu Phi, châu Âu, rồi lội ngược về châu Á. Vào thời kỳ trung cổ, dàn nhạc kèn Thổ Nhĩ Kỳ làm mưa làm gió

trên sân khấu châu Âu. Tới thế kỷ XVIII, thời đại hoàng kim của trường phái âm nhạc cổ điển Vienna xuất hiện hàng loạt nhà soạn nhạc đi vào lịch sử âm nhạc thế giới, như Joseph Haydn, Wolfgang Amadeus Mozart, Ludwig van Beethoven... âm sắc kèn đồng vẫn gây ảnh hưởng dai dẳng.

Cả hai nhà soạn nhạc thiên tài người Áo là Mozart (1756-1791) và người Đức là Beethoven (1770-1827) đều bị ám ảnh bởi âm sắc đặc trưng của dàn nhạc kèn Thổ Nhĩ Kỳ. Bằng chứng cho thấy, Mozart có chương III, bản sonate K.331 mang tên: “Hành khúc Thổ Nhĩ Kỳ”, còn Beethoven cũng có một tác phẩm “Marcia alla Turca”.

Tầm ảnh hưởng của dàn nhạc Thổ Nhĩ Kỳ kéo dài suốt mấy thế kỷ giữa thời trung cổ, trong đó có sự hiện diện của cây kèn Zurna, một bà con thân thiết của kèn bầu. Các thành viên trong đại gia đình kèn bầu di trú nhiều nơi trên thế giới, như kèn Shanai Ấn Độ, Sharanai Chhampa, Sona Trung Quốc, Ai tử Đài Loan, Surnay Ba Tư cổ, ngày



Nguồn: violet.vn

nay gọi là Sron, Shawn châu Âu – thủy tổ của kèn Oboe, một thành viên chính thức trong dàn nhạc giao hưởng.

Năm 1997 giáo sư âm nhạc Đài Loan Lý Tịnh Huệ thành lập khoa Âm nhạc học Truyền thống trường Quốc lập Nghệ thuật Đài Bắc đã dành công sức sưu tầm một bộ kèn bầu, gồm 17 chủng loại khác nhau nhằm động viên học sinh, sinh viên học tập kèn bầu. Việc làm nhiều ý nghĩa đó đã góp phần hồi sinh kèn bầu (tiếng Phước Kiến, Đài Loan gọi là Ái tử) trên đảo Đài Loan. Năm 2012, khi đoàn học sinh, sinh viên ngôi trường này tới giao lưu tại Học viện Âm nhạc Huế, họ tỏ vẻ hứng thú trước cây kèn bầu trong dàn Đại nhạc (Nhã nhạc). Nhìn cảnh tượng sinh viên Đài Loan say sưa diễn tấu tác phẩm “*Đặng đàn cung*” bằng kèn bầu không khỏi thấy sức hấp dẫn của nhạc cụ này. Trong khi đó, nhiều sinh viên ở ta tỏ ý lảng tránh trước âm sắc ám ảnh của nó. Trong khoảnh khắc ấy có thể cảm nhận được sức phá hủy của thói quen văn hóa đối với di sản âm nhạc.

Sau khi nhà nghiên cứu Lý Tịnh Huệ nỗ lực phục hồi kèn bầu, nhà trường tiếp tục đưa nó vào nội dung thi bắt buộc đối với học sinh âm nhạc truyền thống khoa Bắc quản. Đây là một giải pháp mang tầm “chiến lược, có khả năng làm lung lay quan niệm cũ và tạo ra sự thay đổi thực sự đối với kèn bầu ở Đài Loan. Giống như nhà trường áp dụng biện pháp “cưỡng chế” đối với sinh viên nhằm lay chuyển thói quen văn hóa. Từ đó, kèn bầu có cơ hội tung hoành trên các sân khấu lớn nhỏ, xuất hiện chính thức trong biên chế dàn Quốc nhạc.

Nhiều tác phẩm gây ấn tượng mạnh mẽ cho người nghe được sáng tác cho nhạc cụ này. Tôi có người học trò Đài Loan từng sang Việt Nam học Đờn ca Tài tử. Năm ngoài học trò tổ chức đám cưới bằng dàn nhạc Bắc quản với âm thanh ấn tượng của tiếng kèn bầu trong lễ rước dâu.

Hiện tại, kèn bầu chỉ được đào tạo trong Khoa Nhã nhạc ở Học viện Âm nhạc Huế. Cả hai miền Nam - Bắc đều không đào tạo chuyên ngành kèn bầu. Nghệ sĩ kèn bầu đa số xuất thân từ nghệ sĩ dân gian. Thỉnh thoảng trong một số tác phẩm âm nhạc đương đại thấy xuất hiện kèn bầu với tần suất hết sức khiêm tốn. Thói quen văn hóa ẩn mình, nung nấu bên trong tâm sự của câu kèn bầu. Sự bám chấp vào âm thanh của nó cùng nỗi ám ảnh, ẩn ức về cái chết nơi thế gian. Tất cả góp phần tạo tụ cho số phận cây kèn bầu, vô hình trung đẩy nó ra bên lề cuộc sống, giống như đứa con hoang trong di sản văn hóa âm nhạc dân tộc.

Từ lâu, kèn bầu đã lưu lạc ngoài chốn dân gian, xuất hiện chủ yếu trong tang lễ. Dưới con mắt bình dân, kèn bầu tượng trưng cho sự chết chóc, điềm gở. Nghe tiếng kèn bầu cất lên có thể đoán biết rằng ai đó mới rời sang thế giới bên kia, giống như tiếng chuông nguyện hồn đối với người ở lại. Và để thay đổi thói quen văn hóa này phải bắt đầu từ quan niệm, một quá trình “phá chấp” cùng sự tiến bộ của văn hóa thông qua hoạt động thực tiễn. Đây là con đường độc đạo giúp kèn bầu có thể tìm lại mình trong quá khứ vàng son. ■



Nguồn: pinterest.com

Các triều đại phong kiến Việt Nam bảo vệ biên giới Việt-Trung

CAO VĂN THỨC

Sau khi Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, nước ta hoàn toàn độc lập tự chủ, thoát khỏi một ngàn năm Bắc thuộc. Tuy vậy, ta phải luôn luôn đấu tranh chống lại âm mưu bành trướng của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Ngoài những cuộc kháng chiến chống các cuộc xâm lược, thì các triều đại phong kiến Việt Nam ở các thế kỷ đều phải đấu tranh ngoại giao kết hợp với quân sự để chống lại sự lấn chiếm đất đai của Trung Quốc ở các vùng biên giới, bảo vệ mảnh đất biên cương của Tổ quốc.

Thời nhà Lý (1009-1225)

Năm Nhâm Dần (1062) dưới triều vua Lý Thánh Tông, quan lại nhà Tống ở vùng biên giới đã dụ dỗ Nùng Tôn Đán (Nùng Trí Cao?), một tù trưởng người dân tộc Tày, đem nhường vùng đất... ở phía Tây tỉnh Cao Bằng ngày nay cho Trung Quốc. Nhà Tống đã sáp nhập vùng đất đó vào lãnh thổ Trung Quốc và đặt tên là châu Thuận An, bổ nhiệm quan chức cho Nùng Tôn Đán để mua chuộc. Trước sự việc như vậy, vua Lý đã phái Lê Thuận Tông, một tù trưởng dân tộc thiểu số là phò mã của nhà vua dẫn phái đoàn sang Trung Quốc, dùng đấu tranh ngoại giao để đòi lại vùng đất này. Nhà Tống hứa hẹn nhưng rồi lẩn tránh không chịu giao trả. Trước thực trạng như vậy, vua Lý đã cương quyết dùng sức mạnh quân sự, kéo quân lên giành lại vùng đất mà Nùng Tôn Đán đã dâng nộp cho Trung Quốc. Nhà Tống đành phải chấp nhận tuyên bố trả lại vùng đất này cho Đại Việt.

Sau khi thất bại trong cuộc xâm lược Đại Việt vào năm 1076-1077, quân Tống phải rút về nước, nhưng chúng đã chiếm đóng châu Quảng Nguyên (thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay) của nước ta. Cuối năm 1077, vua Lý đã cử đoàn sứ giả sang Trung Quốc đòi nhà Tống phải trao trả vùng đất Quảng Nguyên. Cuộc đấu tranh giằng dai kéo dài ngót bốn năm, đến năm 1081, nhà Tống mới trao trả một phần đất của châu Quảng Nguyên. Đến năm 1084, vua Lý lại tiếp tục giao cho quan Thị lang Bộ Binh là Lê Văn Thịnh dẫn đầu phái đoàn ngoại giao của triều đình đến trại Vĩnh Bình (thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay) gặp gỡ, bàn bạc với phái đoàn quan chức của triều đình nhà Tống trong việc phân chia cương giới giữa hai nước và đòi Trung Quốc phải trả nốt phần đất còn lại ở châu Quảng Nguyên. Việc phân chia cột mốc biên giới hoàn thành, nhà Tống phải trả nốt phần đất còn lại gồm sáu huyện và ba động đều thuộc phần đất tỉnh Cao Bằng hiện nay.

Thời Lê (1427-1786)

Nhà Trần kế thừa nhà Lý từ năm 1225 và tồn tại cho đến năm 1400. Nhà Trần đã ba lần đánh bại cuộc xâm lược của đế quốc Mông - Nguyên hùng mạnh nhất châu Á lúc bấy giờ, khu vực biên giới phía Bắc được bảo vệ vững vàng, tránh được nạn lấn chiếm của Trung Quốc. Năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua Trần, lập ra nhà Hồ. Lúc bấy giờ ở Trung Quốc là triều đại nhà Minh, đang trong giai đoạn cường thịnh, lấy có "phù Trần,

diệt Hồ" đem quân xâm lược nước ta. Nhà Hồ tổ chức kháng chiến thất bại (1407) và nước ta bị Trung Quốc thống trị 20 năm. Năm 1427, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo thắng lợi, quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi. Trong giai đoạn nhà Lê sơ ở thế kỷ XV, dưới sự lãnh đạo tài giỏi của các vị vua như Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông, nước Đại Việt phát triển, hùng cường cho nên biên cương phía Bắc được giữ vững, Trung Quốc không dám nhòm ngó, lấn chiếm đất đai của ta.

Lê Thánh Tông đã từng có câu nói rất nổi tiếng về ý thức bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất nước khi nhà vua căn dặn các quan: *"Một thước núi, một tấc sông của ta không nên vất bỏ... Nếu người nào dám lấy một thước một tấc đất của Thái tổ mà đứt mối cho giặc thì tội phải tru di"*.

Từ thế kỷ XVI, nhà Lê bắt đầu đi vào con đường suy thoái với các vị vua truy lạc, sa đọa, bỏ bê việc nước như Lê Uy Mục, Lê Tương Dực, lịch sử gọi giai đoạn này là thời Lê mạt. Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, lập ra nhà Mạc. Nguyễn Kim là một viên võ quan cao cấp triều Lê, không thần phục triều Mạc nên vào Thanh Hoá lập cháu họ vua Lê là Lê Ninh làm vua, lấy hiệu Lê Trang Tông, chống nhau với nhà Mạc, dẫn đến cuộc nội chiến Nam - Bắc triều giữa hai thế lực phong kiến nhà Mạc ở Thăng Long và nhà Lê ở Thanh Hoá. Tình trạng phân hóa này kéo dài đến tận thế kỷ thứ XVIII với cuộc nội chiến Trịnh Nguyễn.

Trong khi cuộc nội chiến xảy ra khốc liệt ở Đại Việt đang tiếp tục thì ở Trung Quốc nhà Minh suy yếu và bị một bộ tộc phía Đông bắc là Mãn Thanh tiêu diệt (1644). Nhà Thanh thống trị Trung Quốc, tiếp nối "truyền thống" bành trướng của các triều đại trước đây, tiếp tục gây nhiễu, lấn chiếm đất đai vùng biên giới; vì vậy nhà nước phong kiến Đại Việt phải liên tục đấu tranh chống xâm lấn, bảo vệ biên cương của đất nước. Năm 1699, vua Lê sai viên quan Hà Tông Mục dẫn đầu đoàn quan chức của triều đình lên vùng biên giới để đàm phán, đấu tranh với quan đại diện của triều đình nhà Thanh, kiên quyết không cho quân Thanh xâm lấn, chiếm đóng châu Bảo Lạc thuộc tỉnh Cao Bằng.

Ở thế kỷ XVIII, nhà Thanh ở Trung Quốc đang bước vào giai đoạn cường thịnh dưới sự trị vì của những ông vua có tài như Khang Hy, Càn Long, nên dã tâm xâm chiếm đất đai của các nước xung quanh càng ráo riết. Nhận thấy mảnh đất Tụ Long của Đại Việt có mỏ đồng với trữ lượng đồng khá lớn nên nhà Thanh tìm cách chiếm đoạt vùng đất này. Viên quan tri phủ Khai Hoá (tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) đã cho binh lính tiến xuống chiếm giữ mỏ đồng và gửi thư báo cho triều đình nhà Lê là biên giới của Trung Quốc tính từ phủ Khai Hoá ở sát biên giới xuống phía Nam với chiều dài là 240 dặm. Chúng cho rằng ranh giới giữa Đại Việt và Trung Quốc trước đây là sông Đổ Chú là không chính xác, ranh giới phải là sông Ninh Biên ở sâu trong phần

đất của Đại Việt. Bọn quan lại Trung Quốc vu khống nhà Lê đã lấn chiếm đất đai biên giới của Trung Quốc đến 40 dặm, chúng cho quân lính đóng đồn trại và tự lập bia mốc mới biên giới.

Trước hành động ngang ngược, trắng trợn của Trung Quốc, triều đình nhà Lê đã gửi công văn phản đối đến viên quan Tuần phủ Vân Nam và triều đình nhà Thanh. Viên quan Tuần phủ Vân Nam lúc đó là Ngạc Nhĩ Thái theo chỉ đạo của Thanh triều, đã gửi công văn trả lời triều đình nhà Lê với lời lẽ rất là kẻ cả, xúc phạm. Viên tuần phủ quở trách triều đình ta ngông cuồng, không biết lễ độ với thiên triều và bắt vua ta phải làm biểu tạ tội, chấp nhận tuân theo cột mốc biên giới mới mà chúng vừa dựng lên. Trước tình hình như vậy, nhà Lê cử viên quan trấn thủ Tuyên Quang là Trịnh Kinh đem quân địa phương kéo lên phòng giữ, sẵn sàng chiến đấu; đồng thời triều đình ta liên tục gửi công văn phản đối lên quan tuần phủ Vân Nam và Thanh triều với lời lẽ ôn tồn, mềm mỏng nhưng cương quyết.

Thấy rằng hù dọa không xong mà ngược lại quân lính Đại Việt ở trong tình thế sẵn sàng chiến đấu, nên nhà Thanh thấy nuốt không xong đành phải nhả ra. Tuy vậy, chúng vẫn làm bộ giả nhân giả nghĩa trong công văn gửi nhà Lê khi chấp nhận xuống nước, đàm phán hoà bình với ta: *"Địa giới từ sông Ninh Biên trở vào, từ con ngòi nhỏ núi Xường Chí trở ra, nói là địa phận của quý quốc (Việt Nam) cố nhiên có bằng chứng nhưng nói là địa phận của nội địa (nhà Thanh) cũng không phải là lời nói vu vơ, không phải nói chứng cứ của quý quốc lời nào cũng chính xác mà việc ghi chép của nội địa việc gì cũng khó tin, nhưng nay thiên tử đã ban ơn mà quốc vương (vua Lê) đã chịu ơn trời ban cho, không cần tranh cãi về địa giới làm gì. Vậy nay nhất định phân chia địa giới chỗ đất 40 dặm kể từ con ngòi nhỏ núi Xường Chí trở vào và vùng Mã Bạc trở ra, mong quốc vương uỷ cho viên chức thông thạo, định kỳ khám xét"*.

Năm 1726, chúa Trịnh Cương đã cử một phái đoàn ngoại giao do Tiến sĩ Hồ Phi Tích và Thám hoa Vũ Công Tế lên vùng Tụ Long để đàm phán cùng phái đoàn nhà Thanh. Trong quá trình đàm phán đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận gay gắt vì quan chức nhà Thanh muốn lấy sông Ninh Biên làm ranh giới, còn ta thì cương quyết dùng sông Đổ Chú làm ranh giới như trước đây. Đấu tranh giằng co suốt hai năm trời, trước thái độ cương quyết nhưng kiên trì, mềm dẻo của phái đoàn Đại Việt, nhà Thanh đành phải xuống nước chấp nhận trạng thái biên giới cũ, nhưng vẫn giữ cái giọng giả nhân giả nghĩa, ban ơn trong chỉ dụ gửi triều đình ta vào năm 1728: *"Nay quốc vương đã cảm ơn hối lỗi, nhay múa kính theo, nghĩ thưởng cho đất 40 dặm, đã cử đặc phái viên đại thần phụng sắc thư đi đường Quảng Đông. Vậy quốc vương (vua Lê) cần cử quan đại thần đến đón tiếp, đến phủ Khai Hoá nhận đất và lập địa giới"*.

Sau khi nhận được chiếu chỉ của triều đình nhà

Thanh, chúa Trịnh Cương đã cử một phái bộ do Tả thị lang Bộ Binh là Nguyễn Huy Nhuận và Tế tửu Nguyễn Công Thái dẫn đầu lên vùng Hà Giang, phối hợp cùng quan chức Trung Quốc xác lập cột mốc biên giới. Tuy ngoài mặt tỏ vẻ thành thực trong việc phân định ranh giới, nhưng bên trong bọn quan chức Trung Quốc thực hiện những mưu kế bẩn thỉu để đánh lừa phái đoàn của ta. Hai bên thống nhất trên giấy tờ là dùng sông Đổ Chú làm biên giới tự nhiên giữa hai nước, nhưng trên thực tế bọn quan lại nhà Thanh lại chỉ sông Đổ Chú giả làm ranh giới vì theo con sông giả này thì mỏ đồng Tụ Long nằm trên bờ Bắc sẽ thuộc lãnh thổ Trung Quốc.

Hành động giả dối của bọn quan chức Trung Quốc không qua được sự tinh nhạy của các quan ta. Nguyễn Huy Nhuận và Nguyễn Công Thái đã chịu vất vả, lặn lội đi tìm hiểu, khảo sát cận kề và phát hiện ra con sông Đổ Chú thật. Hai ông đã đấu lý quyết liệt, bắt buộc bọn quan chức nhà Thanh phải xác định đường biên giới theo đúng con sông Đổ Chú thật.

Sách *Lịch triều tạp ký* của Ngô Cao Lãng viết: “Bấy giờ quan nhà Thanh cho chia ranh giới hai nước bằng sông Đổ Chú, nhưng thổ quan phủ Khai Hoá chỉ lảo sông Đổ Chú để chực chặn lấy các thôn xã ở Bảo Sơn. Bọn Công Thái xông pha lam chướng, vượt nơi hiểm trở, đi qua các mỏ đồng, mỏ bạc, nhận ra được sông Đổ Chú thật, bèn gọi quan nhà Thanh hai bên tự đi báo lại, tranh biện và bẻ lý mãi, rồi lập động trụ làm giới mốc. Thế là việc cương giới mới ổn định. Mỏ đồng Tụ Long lại thuộc về ta”².

Như vậy trải qua quá trình đấu tranh lâu dài đến năm năm, triều đình Lê - Trịnh đã đòi lại được 17 thôn ở biên giới, trong đó có mỏ đồng Tụ Long. Để đề phòng hành động xâm lấn, cướp phá từ phía Trung Quốc, chúa Trịnh đã cử võ quan đem hơn hai nghìn binh lính đến đóng giữ, bảo vệ cho việc khai thác mỏ đồng Tụ Long³.

Nhà Nguyễn (1802-1883)

Cuối năm 1788, theo lời cầu viện của ông vua mất ngai Lê Chiêu Thống, vua Càn Long sai viên quan Tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị đem 20 vạn quân sang miền Bắc nước ta, trên danh nghĩa là tiêu diệt Tây Sơn, phục hồi ngai vàng cho vua Lê nhưng thực chất là âm mưu xâm lược nước ta. Đầu năm 1789, vua Quang Trung đã mở chiến dịch thần tốc quét sạch quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, bảo vệ được lãnh thổ quốc gia. Suốt thời kỳ nhà Tây Sơn tồn tại, nhà Thanh không dám lấn đất đai biên giới phía Bắc của ta.

Năm 1802, Nguyễn Ánh tiêu diệt vương triều Tây Sơn, lập ra nhà Nguyễn. Thời kỳ nhà Nguyễn ở thế kỷ XIX, nhà Thanh lại tiếp tục giở trò lấn chiếm đất đai ở vùng biên giới hoặc thực hiện những âm mưu phá hoại nền kinh tế nước ta. Nhà Nguyễn đã cương quyết đấu tranh chống lại những âm mưu, thủ đoạn của triều đình phong kiến Trung Quốc.

Năm 1830, để lũng đoạn thị trường tiền tệ Việt Nam, nhà Thanh đã cho đúc tiền kẽm như tiền Việt Nam và bí mật cho người mang sang nước ta tiêu dùng, mua bán. Tiền giả của Trung Quốc đã gây tác hại làm cho tiền Việt mất giá, dẫn đến giá cả hàng hoá tăng vọt. Trước thực trạng như vậy, vua Minh Mạng đã lệnh cho các quan chức trấn giữ ở các cửa khẩu biên giới phải tăng cường kiểm soát chặt chẽ, bắt giữ những kẻ chở trộm tiền giả từ Trung Quốc sang nước ta.

Năm 1831, quan chức nhà Thanh ở địa phương gần biên giới đã cho 600 binh lính đến chiếm động Phong Thổ ở miền Hưng Hóa. Nhà vua đã sai tướng Đặng Văn Thiêm đem 1.000 binh lính và 10 thớt voi kéo lên biên giới, sẵn sàng nghênh chiến. Trước lực lượng đông đảo của quân Việt Nam, quân Thanh đành phải rút lui. Minh Mệnh giao cho thổ quan cai quản động Phong Thổ và cho binh lính đóng đồn ở khu vực này để phòng giữ. Năm 1832, không hiểu vì lý do gì bia mốc biên giới ở sông Đổ Chú trước kia bị gãy, nhà vua đã cho dựng lại bia mới chắc chắn hơn.

Năm 1832, vua Minh Mạng ban lệnh cấm người Trung Quốc mua gạo ở Việt Nam và thương lái nước ta chở gạo sang bán cho Trung Quốc. Nguyên do là Trung Quốc còn tổ chức những thương thuyền sang Việt Nam mua gạo ồ ạt với số lượng lớn chở về nước buôn bán, dẫn đến tình trạng thiếu lương thực ở nước ta.

Năm 1837, quan chức nhà Thanh ở địa phương vùng biên giới lại xua 300 quân kéo sang chiếm đóng động Sơn Yên (châu Thủy Vĩ, Hưng Hoá). Triều đình nhà Nguyễn ra lệnh cho quan chức trấn thủ Hưng Hoá đem quân địa phương đánh đuổi, buộc chúng phải rút lui, trả lại động Sơn Yên cho ta⁵.

Trong suốt một quá trình lịch sử hàng nghìn năm, các triều đại phong kiến Việt Nam đã bền bỉ đấu tranh, mềm mỏng nhưng kiên quyết, kết hợp hài hoà giữa quân sự và ngoại giao để chống lại sự xâm lấn, chiếm đóng của Trung Quốc, bảo vệ, gìn giữ từng tấc đất vùng biên cương của Tổ quốc. Tinh thần đấu tranh đó là một bài học lịch sử quý giá cho hậu thế noi theo. ■

Chú thích:

1. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Thời Đại, Hà Nội, tr.672.

2. Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1975, tr.64.

3. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp hoàn thành công cuộc xâm chiếm và đặt ách thống trị toàn bộ lên đất nước Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, do muốn xây dựng hệ thống đường sắt Lào Cai - Vân Nam nên chính quyền thực dân Pháp đã mua chuộc triều đình nhà Thanh, vì vậy trong quá trình phân chia biên giới Việt - Trung, đã cắt vùng đất Tụ Long sáp nhập vào lãnh thổ Trung Quốc.

4. Theo Đặng Việt Thủy, *Biên cương vững chắc xã tắc dài lâu*, Nxb Văn Hoá - Văn Nghệ TP.HCM, 2016, tr.192-193.

Giới thiệu sách

Đại cương kinh Tạp A-hàm

THÍCH THIỆN NHƠN

Đại cương kinh Tạp A-hàm là tác phẩm mới của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam dịch và lược giảng. Văn Hóa Phật Giáo xin trân trọng giới thiệu cùng chư đọc giả qua Lời nói đầu của Hòa thượng

Lời nói đầu

Nước biển mênh mông vô tận, nhưng đều bắt từ nguồn. Dù là nước trăm sông, nhưng đều đổ về biển cả và thuần một vị, đó là vị mặn. Giáo pháp Đức Phật thuyết giảng trong 49 năm, dù nhiều vô lượng, nhưng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát, và cùng một lý nhất quán, căn bản là Bồ-đề và Niết-bàn. Phủ nhận điều căn bản này tức là phủ nhận sự thuyết pháp độ sanh và mục đích thuyết pháp của Đức Phật, ngang qua tinh thần bình đẳng giác ngộ của chúng sanh trong xã hội.

Trên mục đích cứu cánh, giải thoát an lạc, chúng quả Bồ-đề, Niết-bàn là mục đích tối hậu của người đệ tử Phật, cũng như tất cả mọi người có hạt giống Phật pháp. Dù trên bình diện nào, góc độ nào, thì bản chất của nó vẫn là một. Tuy nhiên, tùy theo căn cơ và đối tượng mà hậu quả của sự phát triển không đồng. Dù không đồng, nhưng đều đạt đến mục đích giải thoát, an lạc trong đời này hoặc đời sau, cho đến khi giải thoát cứu cánh, chúng quả Niết-bàn, như nước trăm sông cuối cùng đều đổ về biển cả.

Kinh A-hàm là một trong hệ thống giáo lý căn bản. Từ hệ thống giáo lý căn bản này mà triển khai và phát triển đến mức độ cứu cánh viên mãn. Do đó, nền tảng được xây dựng vững chắc, đó là Bồ-đề và Niết-bàn, an lạc, giải thoát. Như vậy, giáo lý của kinh A-hàm nói chung, kinh Tạp A-hàm nói riêng, dĩ nhiên sẽ giải đáp và đáp ứng yêu cầu về mục đích tối hậu đó.

Như Đức Phật dạy: *“Pháp Như Lai tu tập sẽ có kết quả ngay hiện tại”*.

Qua những nét chính, mang tính đại cương, hy vọng nó sẽ giúp cho người học, người nghiên cứu, và hành giả đạt được một phần nào trong tiến trình đi đến mục đích tối hậu là giải thoát, an lạc, chúng quả Bồ-đề, Niết-bàn, bắt đầu từ phạm vi Hữu học đến phạm vi Vô học,



bằng ba môn Vô lậu học: Giới-Định-Huệ mà Bát Chánh đạo là bản thể của lý Trung đạo.

Như cổ đức dạy:

“Nhứt cú kinh văn tuy thiểu, ngộ chi tức chứng Bồ-đề”.

(Một câu kinh tuy ít, nếu nghe tỏ ngộ thì chứng quả Bồ-đề).

Vì là đại cương, do đó không sao tránh khỏi những thiếu sót; hy vọng sẽ được các bậc cao minh bổ chính, để giúp cho quyển *Đại cương kinh A-hàm* được hoàn chỉnh hơn trong những lần tái bản sau.

TP. HCM, ngày 16 tháng 5 năm 2018

Tỳ-kheo THÍCH THIỆN NHƠN

Kính ghi

Góc bếp nhỏ lạnh tanh?

KHÁNH UYÊN

Đã lâu mới gặp chị bạn học cũ. Hỏi làm gì, chị trả lời tình queo: Làm hăng Ba Son! Tôi ngạc nhiên hỏi: Hăng Ba Son của quân đội ấy à? Chị cười sặc sụa nói luôn: Sáng một xoong, trưa một xoong, chiều một xoong, thành hăng Ba Son. Bán cơm thúng cho ba cha con nhà nó mà chẳng có lương, chán thật!

Chị bạn khác ngồi chung thờ dài sườn sượt: Bà làm hăng Ba Son, còn tôi làm hăng Ba Tô. Sáng một tô, trưa một tô, chiều một tô! Nhà bà còn ăn cơm chung với nhau. Nhà tôi cứ đến bữa cơm, chẳng có ai ngồi mâm, ngồi bàn. Con đi học về liền xúc một tô cơm và thức ăn, chui vào phòng vừa ăn, vừa coi phim. Chồng thì đi làm thường về trễ, nên tôi cũng xúc một tô ngồi ăn trước. Thằng chả về, hôm nào không say xỉn thì cũng tự bới một tô ăn. Cả nhà ba tô, sượng không? Cả ngày nhiều khi vợ chồng chẳng nói với nhau tiếng nào.

"Bữa ăn một tô" hay là bữa ăn riêng một góc bàn, hiện không là chuyện của một gia đình mà đang có chiều hướng lan rộng. Ban đầu có khi là chuyện tiện lợi cho các thành viên trong gia đình có giờ giấc làm việc khác nhau. Hoặc vì xích mích vợ chồng không nhìn mặt nhau, nhưng buộc vẫn phải sống chung nhà. Lâu ngày, đã trở thành thông lệ, có khi cả gia đình ở nhà, nhưng cũng cứ mạnh ai nấy xúc một tô ngồi mỗi góc bàn ăn. Không khí gia đình cứ lạnh tanh, mà cứ lạnh tanh thì con đường dẫn đến tòa ly hôn ngày càng gần.

Chẳng ai thống kê số ly dị, ly thân và số sống chung nhà mà chẳng nói với nhau câu nào. Chắc chắn trong số gia đình ấy là chẳng có bữa cơm gia đình thân mật, vui vẻ bên nhau. Cũng vì mối liên hệ mật thiết giữa bữa cơm gia đình và tình nghĩa vợ chồng nên chuyện vợ chồng không hòa thuận ông bà xưa nói ví von rất hay

"Vợ chồng cơm không lành, canh không ngọt" nghĩa là chẳng còn thương yêu nhau gì nữa.

Lẽ nào, cảnh chiều về vợ tắt tả nấu bữa cơm tối hoặc cả hai vợ chồng cùng vào bếp, để cùng có một buổi cơm lành, canh ngọt cả gia đình thân mật đang là chuyện cổ tích, xa xưa lắm rồi?



Trưa cả phòng đi ăn trưa chung, mừng sinh nhật một nhân viên trong phòng. Anh cuống quýt từ chối, bảo phải về nhà nấu cơm cho con gái, vì vợ đi vắng. Ai đó bảo: Đáng lẽ, cháu phải nấu cho anh ăn chứ sao có chuyện ngược lại như vậy? Anh bảo: Trời ạ! Cháu chỉ biết nấu mì gói, mình không về là không xong. Cháu bao nhiêu tuổi rồi? Mười bảy tuổi. Anh trả lời xong là lên xe gắn máy chạy ngay, bỏ lại sự ngạc nhiên của nhiều người.

Chuyện con gái không biết nấu ăn, chỉ biết nấu mì gói, luộc trứng là đề tài sôi nổi trong bữa tiệc trưa hôm ấy. Đa phần mọi người đều nhận định, chuyện con gái không biết nấu ăn đang là... chuyện thường ngày ở thành phố! Người này kể chuyện cháu, kẻ kia kể chuyện con, đa phần các cháu chỉ biết học, mua sắm và lướt mạng, nên cha mẹ nuông chiều, gánh vác cả việc nấu ăn. Các bậc cha mẹ ấy bảo: Mai mốt lập gia đình các cháu khắc biết; hoặc là chuyện nấu ăn đã có người giúp việc!

Cứ nghĩ thương cho những cháu gái xem nhẹ chuyện bếp núc, xem ra chuyện vợ chồng ly dị vì cái bếp lạnh tanh vẫn không được nhiều bậc cha mẹ và các cô gái chú ý.

Thế giới yêu thích của tôi là góc bếp, dù tôi có bận trăm công ngàn việc ở cơ quan. Đọc sách, lên mạng có món gì ngon lạ, là tôi nấu thử... Trong thế giới nhỏ bé ấy, tôi là "phù thủy" với các dụng cụ nhà bếp, nguyên liệu thực phẩm. Ở đó tôi thật tự tin và đầy quyền lực, vì nơi đó chỉ với những nguyên liệu thật đơn giản tôi có thể chế biến những bữa cơm ngon và bổ dưỡng cho gia đình, những buổi họp mặt bạn bè ấm cúng, vui vẻ...

Chính ở bàn ăn, tôi cảm thấy hạnh phúc vì đã mang đến niềm vui cho chồng tôi, con tôi và những người bạn tôi yêu thương. Tôi yêu thương góc bếp nhỏ bé của tôi. Sẽ đến ngày, tôi lớn tuổi, chân yếu, mắt mờ, cái góc bếp nhỏ nhắn ấy sẽ nhường cho con gái tôi hay cô con dâu đảm đang, chắc tôi sẽ buồn lắm. Con gái tôi từ mười tuổi, tôi đã tập cháu làm những việc nhỏ phù hợp với góc bếp, lật rau, cắt rau củ, rửa chén, bày biện bàn ăn... Lớn một tí, cháu đã nấu được những món ăn đơn giản. Về đám giỗ ở quê, tôi buộc cháu phải xắn tay áo vào phụ các cô, dì cho biết cách nấu và tỏ lòng thân thiện.

Ôn trời, cháu cũng thích nấu ăn như tôi. Tôi thường xuyên bảo cháu: Công, dung, ngôn, hạnh của người phụ nữ, chữ công đứng đầu. Con có hiện đại cách mấy, thì vẫn phải nhớ: Người đàn ông xây nhà, phụ nữ xây tổ ấm. Tổ ấm sẽ là gì nếu cái bếp nhỏ cứ lạnh tanh! ■

Chiếc áo dị kỳ

DINO BUZZATI
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

Mặc dù thích ăn mặc trang nhã nhưng ít khi tôi quan tâm đến cách phục sức và áo quần kẻ khác.

Thế nhưng trong dạ hội tại nhà một người bạn ở Milano tôi đã gặp một người đàn ông, khoảng 40 tuổi, đẹp lộng lẫy trong bộ quần áo rất thời trang. Tôi chưa biết ông ta là ai vì gặp mặt lần đầu; và điều thường xảy ra là rất khó nhớ tên người lạ mặt trong khi giới thiệu. Tuy thế cũng có lúc chúng tôi tình cờ ngồi gần nhau rồi bắt đầu câu chuyện. Ông ta là một người hiểu biết, ăn nói bất thiệp nhưng trên mặt sao có vẻ buồn buồn. Rồi có lẽ trong một lúc thân mật quá đáng - phải chi Chúa đã cản ngăn - tôi đã khen lối cắt may tuyệt hảo về bộ đồ ông ta đang mặc và còn dám hỏi thêm ai là thợ may của ông ta.

Gã đàn ông nở một nụ cười rất lạ; dường như gã đang chờ tôi hỏi câu hỏi đó: "Không ai biết lão đâu, nhưng lão ta đáng là một bậc thầy. Lão rất kén khách và làm việc rất tùy tiện". "Nghĩa là tôi...?". "Ồi dào, ông cứ hỏi thử xem. Tên lão ta là Corticella, Alfonso Corticella, nhà ở phố Ferrara số 17". "Chắc đắt tiền lắm phải không?". "Có lẽ vậy, nhưng thật tình thì tôi không biết: Bộ đồ này lão ấy may cho tôi đã ba năm nhưng đến nay vẫn chưa gửi phiếu tính tiền". "Tên ông ta là Corticella? Phố Ferrara số 17 phải không?". "Đúng đấy". Gã đàn ông lạ mặt trả lời rồi bỏ đi nhập bọn với một nhóm khác.

Ở phố Ferrara số 17 tôi thấy một căn nhà bình thường như những căn nhà khác và chỗ ở của Alfonso Corticella không khác gì chỗ ở của những người thợ may bình thường. Chính ông ta bước ra mở cửa cho tôi. Đó là một lão già, tóc hầy còn đen nhưng chắc là được nhuộm.

Tôi hơi bất ngờ vì lão ta không hề làm khó dễ. Ngược lại, hình như lão ta đang phấp phỏng muốn tôi trở thành một khách hàng. Tôi giải thích đã biết được địa chỉ của lão ta như thế nào, ngợi khen tài may cắt rồi yêu cầu may cho tôi một bộ đồ. Chúng tôi chọn một xấp vải màu xám tro, lão ta lấy số đo và bảo rằng sẽ cho người mang đến nhà để thử. Tôi có hỏi giá, nhưng lão bảo là không vội gì, trước sau gì mình cũng sẽ thỏa thuận. Thật là một người dễ thương, ban đầu tôi nghĩ thế, nhưng lúc sau, trên đường trở về nhà, tôi mới nhận ra rằng lão già ấy đã để lại trong tôi một nỗi bất rút lậ lũng (có lẽ vì nụ cười nhơm nhớp và quái dị của lão). Đột nhiên tôi không còn ý định gặp lại lão ta. Nhưng

đã quá trễ, tôi đã đặt may quần áo. Và chừng hai mươi ngày nữa thì xong.

Khi người ta mang đồ đến thử, tôi đứng ngắm mình vài phút trước gương. Đúng là một kiệt tác. Nhưng không hiểu vì sao tôi không muốn mặc nó nữa; có lẽ vì chợt nhớ đến lão thợ may quái đản. Thế rồi nhiều tuần lễ trôi qua trước khi tôi chọn mặc.

Tôi còn nhớ cái ngày hôm ấy. Đó là một sáng thứ ba, vào tháng Tư và trời đang đổ cơn mưa. Khi mặc xong bộ đồ - áo vest, quần và gilet - tôi vui mừng nhận ra là không có chỗ nào chật hay căng cứng như vẫn thường xảy ra với những quần áo mới. Bộ đồ ôm chần lấy người tôi một cách tuyệt vời.

Thường thường thì tôi không bỏ gì cả vào túi phải, tất cả các giấy tờ tôi đều cho vào túi bên trái. Tôi nói thế để giải thích vì sao sau vài giờ ở sở, tình cờ thọc tay vào túi phải, tôi chợt nhận ra bên trong có một tấm giấy. Có lẽ đó là phiếu tính tiền của lão thợ may?

Nhưng không. Đó là tấm giấy bạc 10 nghìn lía¹

Tôi giật nảy người. Chắc chắn không phải tôi bỏ vào nhưng cũng thật vô lý nếu nghĩ đó là trò đùa của lão thợ may. Chẳng lẽ lại là món quà của bà làm phòng, người duy nhất sau lão Corticella có cơ hội đến gần chiếc áo? Hay là bạc giả? Tôi đưa ra ánh sáng để nhìn cho kỹ và đối chiếu với những tờ bạc khác. Đúng là bạc thật và không còn gì để nghi ngờ.

Chỉ còn một cách giải thích có thể tin được: sự sơ ý của lão Corticella. Một người khách nào đó đến trả tiền lúc lão ta không có sẵn bóp, để tránh cất bữa lão đã tạm cho vào túi áo của tôi đang móc vào một hình nhân gỗ nằm gần đó. Trường hợp tương tự như vậy vẫn thường xảy ra luôn. Tôi nhấn chuông gọi cô thư ký với ý định nhờ viết một bức thư cho lão Corticella để trả lại số tiền không phải của tôi. Nhưng không hiểu sao, tôi lại cho tay vào túi áo một lần nữa.

-Thưa ông cần chuyện gì? ... Ông không được khỏe à?

Cô thư ký vừa bước vào vừa hỏi, chắc cũng vừa nhìn thấy khuôn mặt tôi tái lên như của một xác chết. Trong túi áo, những ngón tay của tôi vừa đụng phải cạnh của một tấm giấy khác, trước đó mấy phút chưa hề có.

- Không, cũng chẳng có gì nghiêm trọng. Tôi nói. Tôi hơi chóng mặt một tí nhưng dạo này vẫn hay xảy ra luôn. Có lẽ do quá mệt mỏi. Cô có thể ra ngoài, tôi định đọc cho cô đánh máy một bức thư nhưng không gấp lắm, để khi khác làm cũng được.

Cho đến khi cô gái bước hẳn ra khỏi phòng tôi mới dám rút tấm giấy từ túi áo ra. Đó cũng là một tấm giấy bạc 10 nghìn lía. Tôi làm thử một lần thứ ba nữa, và lần này tờ bạc thứ ba lại xuất hiện.

Trống ngực tôi đánh liên hồi. Tôi có cảm tưởng là mình đang bị lời cuốn, vì những lý do bí ẩn, vào một chuyện cổ tích mà người ta vẫn kể cho con nít nhưng chẳng ai tin là có thật. Việc cơ là không được khoẻ, tôi bỏ sở trở về nhà. Tôi cần suy nghĩ một mình. May thay bà lão làm phòng cũng đã đi rồi. Tôi đóng cửa, hạ màn sáo xuống. Rồi bắt đầu nhanh nhẹn rút những tấm giấy bạc, tấm này đến tấm khác, từ chiếc túi thần kỳ tưởng chừng như bất tận.

Tôi làm công việc đó với một sự căng thẳng thần kinh ghê gớm, phập phồng lo là đến một lúc nào đó phép lạ sẽ ngừng hiệu nghiệm. Tôi muốn làm đến chiều, suốt buổi tối cho đến khi tích trữ thành bạc tỉ. Nhưng sức của tôi có hạn và đến một lúc cũng yếu dần.

Trước mặt tôi là một đồng bạc cao ngất. Điều quan trọng là làm sao cất giấu để không ai có thể nghi ngờ. Tôi đổ cái rương đựng thảm và sắp xếp những tờ giấy bạc thành từng đồng nhỏ, vừa đặt vào đáy rương vừa đếm nhẩm. Tất cả vừa đúng 58 triệu lía.

Sáng hôm sau bà lão làm phòng đánh thức tôi dậy, ngạc nhiên thấy tôi ngủ mà vẫn còn mặc nguyên quần áo. Tôi gượng cười giải thích là tối qua đã hơi quá chén rồi cơn buồn ngủ kéo đến bất ngờ.

Một nỗi lo: bà lão yêu cầu tôi cởi áo để đem chải cho thẳng nếp.

Tôi vội đáp là đã đến giờ phải đi và không còn có thể thay đồ kịp nữa.

Sau đó tôi hối hả đến một tiệm bán y phục để mua một bộ đồ mới, cũng loại vải tương tự; tôi sẽ đưa nó cho bà dọn phòng; còn chiếc áo kia, chiếc áo mà chỉ trong vài ngày sẽ làm tôi trở thành một trong những người đầy quyền lực trên thế giới, tôi sẽ cất giấu vào một nơi an toàn nhất.

Tôi không hiểu là tôi đang sống trong một giấc mơ, có hạnh phúc không hay đang bị ngạt thở dưới sức nặng quá lớn của định mệnh. Ngoài đường phố, qua lớp áo choàng, tôi luôn luôn sờ soạng nơi có cái túi thần kỳ. Mỗi lần như thế tôi lại thở phào nhẹ nhõm. Dưới làn vải tiếng rào rạo của những tờ giấy bạc chạm nhau đã mang lại cho tôi câu trả lời đầy khích lệ.

Nhưng một sự trùng hợp ngẫu nhiên đã làm nguội lạnh niềm vui mê hoàng của tôi. Sáng hôm sau các nhật báo đều tường thuật đầy đủ chi tiết về vụ cướp xảy ra ngày hôm trước. Một chiếc xe tải bọc thép của ngân hàng, sau khi thu tiền ở các chi nhánh để mang về trụ sở đã bị bốn tên cướp tấn công và hốt trọn trên phố Palmanova. Khi mọi người đổ xô chạy đến, bọn chúng đã phải bắn để thoát thân; và có một khách bộ hành bị chết. Nhưng điều làm tôi vô cùng kích động là số tiền bị cướp: 58 triệu lía (như số tiền của tôi mới có).

Lẽ nào có một mối liên quan về sự giàu có bất ngờ của tôi và số tiền do bọn cướp chiếm đoạt, vì hai việc đã xảy ra đồng thời? Thật vô lý nếu có ai nghĩ thế. Còn tôi, tôi không phải là một kẻ mê tín. Nhưng sự việc cũng làm cho lòng tôi dao động. Và hoang mang.

Chuyện đời thì các bạn cũng thừa biết: càng có nhiều bao nhiêu, người ta càng ham muốn bấy nhiêu. Tôi đã giàu rồi, nếu xét đến thói quen khiếm tốn và giản dị của tôi. Nhưng cái bóng mờ của cuộc sống giàu sang không giới hạn cứ thôi thúc mãi. Ngay tối hôm ấy tôi lại bắt tay vào việc. Giờ thì tôi tiến hành một cách bình tĩnh và ít căng thẳng hơn. 135 triệu khác lại được cất chôn bên đồng tiền hôm trước.

Đêm hôm đó tôi không chợp mắt được. Linh tính đang báo hiệu một điều gì nguy hiểm? Hay là nỗi dằn vặt lương tâm của kẻ nhận được may mắn mà không hề có một công lao xứng đáng nào? Hoặc một nỗi ân hận mơ hồ? Ngày hôm sau khi trời chưa kịp sáng tôi đã nhảy xuống giường, mặc quần áo và vội vã chạy ra ngoài để tìm mua tờ báo.

Vừa đọc xong tôi như bị ngộp. Một trận hoả hoạn ở kho xăng đã thiêu huỷ toàn bộ khu nhà trên phố San Cloro. Ngọn lửa đã lan ra và đốt cháy kết sắt của một cơ quan bất động sản, biến ra tro số tiền 135 triệu. Trong lúc cứu chữa, hai nhân viên cứu hoả đã bị thiệt mạng.

Giờ tôi phải kê khai ra đây từng tội ác của tôi chăng? Phải, bởi vì lúc này tôi thừa biết là số tiền mà chiếc áo lạ kỳ đã cho tôi tìm thấy đã đến từ tội ác, từ máu, từ những tuyệt vọng, từ chết chóc; nó đến từ địa ngục. Nhưng trong tôi vẫn còn ngự lại sự dối lừa của lý trí, đang chối từ mọi thú nhận về bất kỳ một trách nhiệm nào. Và cứ thế những cảm dỗ cứ tiếp tục tái diễn - để quá mà - và cái bàn tay cứ thọc vào túi rồi những ngón tay tham lam cứ nắm chặt những tờ bạc mới. Tiền. Những đồng bạc tuyệt vời.

Không cần bỏ căn nhà cũ (để tránh bị dòm ngó) nhưng trong một thời gian ngắn tôi đã mua được một căn biệt thự, sắm nhiều bức tranh đắt giá, di chuyển bằng xe hơi sang trọng và bỏ việc làm ở sở vì lý do sức khoẻ; tôi đi du lịch khắp nơi trên thế giới bên cạnh những người đàn bà trẻ đẹp.

Tôi vẫn biết cứ mỗi lần tôi rút tiền từ chiếc áo thì ở một nơi nào đó lại xảy ra một biến cố đau thương và bi thảm. Nhưng đó chỉ là một ý thức rất mơ hồ vì không có bằng chứng gì rõ rệt. Rồi dần dần sau những lần lấy thêm tiền, lương tâm tôi bắt đầu thoái hoá, trở nên đốn mạt. Còn lão thợ may? Tôi đã gọi điện thoại cho lão ta để hỏi phiếu tính tiền nhưng chẳng có ai trả lời. Tôi có đi tìm lão ở phố Ferrara, nhưng người ta bảo lão đã di cư ra nước ngoài mà không ai biết chính xác là đâu. Tất cả những điều này dường như đều có ngụ ý chứng tỏ, dù tôi vẫn chưa hề hay biết, rằng tôi đã thoả hiệp với quỷ.

Cho đến một hôm, trong ngôi nhà mà tôi đã sống từ nhiều năm, một buổi sáng người ta tìm thấy một bà

lão 60 tuổi chết ngạt vì gas; bà ta đã tự tử vì đánh mất 30 nghìn lira tiền hưu bổng lãnh ra từ bữa trước (và đã lọt vào tay tôi).

Đủ rồi. Đủ rồi. Tôi phải huỷ bỏ chiếc áo quý quái này để khỏi phải rơi vào đáy vực. Tôi không thể nhượng lại cho ai vì trò chơi đốn mạt này sẽ tiếp diễn (Ai mà có thể cưỡng lại được sức cám dỗ của nó?). Cần phải huỷ nó thôi.

Tôi lái xe đến một thung lũng vắng vẻ trên dãy núi Alpe. Dừng xe trên một bãi cỏ, tôi đi về hướng khu rừng. Không có ai đi theo. Vượt qua khu rừng, tôi đến một vách núi lởm chởm đá. Nơi đây, giữa hai tảng đá khổng lồ nằm bên lòng núi, tôi đặt lên chiếc áo khố nạn, chế xăng và châm lửa. Sau ít phút nó chỉ còn là một đồng tro.

Nhưng khi tia lửa cuối cùng vừa đảo lên và sắp tắt, từ phía sau lưng tôi vang lên một giọng người như chỉ cách chừng vài ba thước:

Trẻ quá rồi, trẻ quá rồi!

Hoảng hồn, tôi quay đầu như con

rắn. Nhưng không có ai cả. Tôi chăm chú nhìn xung quanh, nhảy từ mỏm đá này sang mỏm đá khác để tìm kẻ khốn nạn nào vừa lên tiếng. Nhưng chẳng thấy gì. Chỉ có đá và đá.

Dù vừa trải qua một trận đứng tim nhưng khi xuống thung lũng lòng tôi cũng nhẹ nhõm phần nào. Rốt cuộc tôi đã được tự do. Và giàu nữa, thật may.

Nhưng khi đến bãi cỏ thì chiếc xe hơi của tôi không còn nữa. Và khi trở về thành phố thì cái biệt thự lộng lẫy của tôi cũng biến đi đâu mất; thay vào đó là một mảnh đất hoang có mấy cọc gỗ dựng tấm bảng: Đất để bán của thị xã. Rồi những trương mục ở ngân hàng, tôi cũng chả biết giải thích ra sao, đã hoàn toàn trống rỗng. Những bó cổ phần cất trong các học an toàn cũng biến đi đâu mất. Và bụi, chỉ toàn là bụi nằm trong đáy của chiếc rương đựng thảm.

Giờ thì tôi lại bắt đầu làm việc một cách khó khăn, tôi phấn đấu với nhiều cay đắng và điều lạ nhất là hình như chả mấy ai ngạc nhiên về sự phá sản đột ngột của tôi.

■ Nhưng tôi thừa hiểu rằng câu chuyện chiếc áo vẫn chưa chấm dứt. Tôi biết là một ngày nào đó chuông cửa sẽ reo, tôi sẽ ra mở cửa và trước mắt sẽ xuất hiện nụ cười quái đản của lão thợ may khố nạn, đến để đòi thanh toán món nợ năm xưa. ■

Chú thích: 1. Lira, đơn vị tiền tệ Ý, 10.000 lire khoảng 7 đô-la nhưng thời điểm truyện này được viết ra thì trị giá cao hơn bây giờ nhiều.

Nguyên tác: *La Giacca Stregata*.

Tác giả: Dino Buzzati, sinh năm 1906 tại Belluno, mất năm 1972 ở Milano (Italia) được coi là một nhà văn lớn của Ý, đã có nhiều truyện dài và tiểu thuyết được dịch ra nhiều thứ tiếng. Chủ đề quen thuộc của ông là những ám ảnh và nỗi bất an của kiếp người, sự chạy trốn thời gian, định mệnh, sợ hãi đối với hư vô, thất bại của sự sống, mong manh của tình yêu, bí ẩn của nỗi đau và cái ác. Ông cũng nổi tiếng về truyện ngắn.





Chiều quê mẹ

TỊNH BÌNH

Như chiếc lá lần tìm nguồn cội
Vấp tiếng cười mùa thơ đại tình khôi
Lạc lõng phố thềm mùi quê nặng khét
Vốc nước sông quê thương lắm lỡ bồi

No nê gió sáo diều vi vu hát
Trắng cờ lau trận giả chưa tàn
Cộng cò gà đôi tay nào thấm mệt
Chao cánh cò công nắng bay ngang

Nhật cộng khói làm hành trang ấp ủ
Neo hồn ta cuối bãi đầu ghềnh
Lạc lõng phố để lòng còn ẩm lại
Bếp quê nghèo đáng mẹ - Quê hương...

Đâu như áng mây trôi lạc xứ
Trông vời quê bao nỗi thương xa
Bìm bịp kêu đau chiều quê mẹ
Khói hoàng hôn nhen chút nhớ nhà...

Bài thơ thời áo trắng

NGUYỄN CÔNG KHANH

Bài thơ của tuổi đôi mươi
Thuở còn thơ dại, luôn cười, ít lo
Đẹp sao lứa tuổi học trò!
Thơ ngây, trong trắng - Thờ ơ, hững hờ...
Nhớ hoài kỷ ức tuổi thơ
Giờ sao tìm lại ngày giờ thân yêu?!
Thời gian nắng sớm mưa chiều
Xin gìn giữ lấy thật nhiều người ơi!...

Tháng ba Hà Nội

VÕ THỊ KIM PHƯỢNG

Có riêng gì với tháng ba không
Hà Nội nở bùng sắc hoa ban tím
Những con đường trải dài ngọt lịm
Tháng ba dịu dàng, e ấp bung hương.

Có riêng gì với tháng ba bên lèn hơi sương
Chiều Hồ Tây ngắt ngây mùa hạnh ngộ
Mênh mông gió...
Lăn tăn con sóng vỗ
Thoang thoảng nụ cười thiếu nữ
Mông lung.

Có riêng gì với tháng ba không
Tím hoa xoan ngõ về heo hút biếc
Ai đã cùng ai... đã từng nuôi tiếc
Cho dấu chân buồn giẫm nát một dấu chân.

Có riêng gì với tháng ba đọng lại những bản khoăn
Đi và ở
Chia tay và hạnh ngộ
Hà Nội vừa giấu gì trong lòng phố
Mà tháng ba len lén theo về...

Nét bút chì

ĐOÀN VĂN SÁNG

Cháo rau luộc loãng... lớt lòng
Còn tìm gì nữa long đong cuộc đời
Cầm hoài đóm lửa ma trời
Có thiêu rụi được đất trời mênh mông!
Lim dim "cá chép hoá rồng"
Lánh xa rần rết kỳ không thường lường ...
Nép vào cửa Phật bỏ buông
"Thất tình lục dục" cội nguồn nhiều nhưong
Vắt lòng xin gởi quê hương
Tắm thân phồn thực nghệ thường vô vi
Trăm năm theo nét bút chì
Vẽ "cầu Kiều" mở lối đi ngõ về!
Ngàn ngào mưa úng nắng khô
Run run mây gió tràn trề gió mây
Lung linh gỡ mảnh trăng gầy
Nhấp nhô sóng biển cỏ cây non ngàn
Trói mình giữa chốn nhân gian
Chấp tay dâng lễ... bên đài tạ ơn
Bút mòn cùn cọ ráo son
Ngắm người khuất bóng vẫn còn nét xưa...

Mưa hoàng hôn

THANH TRẮC NGUYỄN VĂN

Nẻo thôn về lại một chiều
Hỏi hoa bướm trắng sao nhiều phấn son?
Bến xưa đâu bóng trắng tròn
Lênh đênh thuyền cũ chỉ còn bờ vờ
Một thời khắc nhớ vào thơ
Khắc thương vào gió, khắc chờ vào mây
Em cười vỡ hết thơ ngây
Tình tôi rụng trắng ướt đầy hoàng hôn.

Cội mai già đón gió ngàn xuân

TRƯỜNG KHÁNH

Ngàn xa khuất vọng âm rừng rú,
Mang hương xưa cổ tích lụy trần,
Mùa ảo ảnh trôi xuôi huyền hoặc,
Ai vô tình đụng đỉnh Mai đông?!
Chừ xa quên mặt cách lòng,
Còn chẳng hoài niệm đáng hồng liêu trai.

Thân già cỗi - vai gầy xơ xác,
Cành khô queo-mờ rạc đáng đời,
Nghe mùi lụa, nàng xuân áo mới,
Thẹn xuân về bướm đợi tìm hương.
Chiều nghiêng chim nép vệ đường,
Triền hoa một đoá vô thường sắc không?!

Gió xuân mịn ẩm lòng lão khách,
Đáy giếng soi nhìn mặt đời ta,
Thoát ẩn hiện vết hằn khô đế,
Trong hanh hao cuối phiên xuân tà,
Mai già lụm cụm - xuân qua,
Hoa tàn nhụy héo dương tà khói bay.

Gió ngàn xuân lất lay thổi khê
Còn chút hơi nhè nhẹ, yếu còm,
Xin góp mặt với đời cuối kiếp,
Cội mai già quây dệp về non.
Gió lay phơ phát đá mòn,
Thời gian bồi xóa, vuông tròn nghiệp thơ!!

Nhỏ ơi!

NGUYỄN THANH VŨ

Ta không về lại trường xưa
Nhỏ ơi có nhớ chiều mưa hôm nào?
Cuối tháng năm, hạ hanh hao
Rực ngàn sắc phượng lao xao trong chiều
Trường xưa mái ngói rong rêu
Có người thầy giáo hát hiu nổi buồn
Tóc thầy điểm bạc màu sương
Đổi theo từng bước trên đường ta đi
Nhỏ ơi nhớ buổi chia ly
Buồn không hồi nhỏ, ta đi không lời?
Chông chênh ta bước bên trời
Ngẩn ngơ nỗi nhớ một thời trong ta
Tiếng ve lặng lẽ ngân nga
Ru ta ký ức chợt xa, chợt gần
Long lanh đôi mắt trong ngần
Câu thơ viết vội chưa lần dám trao
Nhỏ ơi cái thuở khát khao
Cho ta gửi lại chút xao xuyến buồn
Phượng rơi đỏ thắm sân trường
Nhỏ đừng quên tuổi thân thương học trò!





Cải lương

HOÀNG KHÁNH DUY

Hồi này người ta không còn mê cải lương như trước. Mỗi buổi chiều Út Phượng cũng không còn háo hức lôi bộ đồ trang điểm ra mũi ghe ngồi vẽ mặt mày, kêu Hồng Hoa căng cái mền sau lái ghe để Út Phượng thay đồ giả Huyền Trân công chúa để rồi tụi thanh niên trong xóm lên lút lội qua con sông ngó lên nhìn, cười nắc nẻ.

Gánh hát về xóm, đoàn neo ghe ngoài bến Miếu hỏi chính quyền dựng sân khấu hát mấy đêm mười sinh.

Xóm heo hút, bởi vậy lần nào có gánh hát về xóm là đàn ông, đàn bà, con trai, gái lại vui như Tết, nhanh nhanh làm hết chuyện đồng áng ruộng vườn để còn ra bến Miếu coi hát.

Nắng ngả về tây. Phước ngồi trước mũi ghe buông mấy câu hò xàng xê cống... Giọng nó trĩu xuống theo nắng chiều, cung nhớ cung thương rớt lại đầu đó trên mặt sông rồi tan theo từng cánh sóng. Hồng Hoa vuốt ngược mái tóc ra phía sau. Bộ tóc giả Út Phượng mua cho Hồng Hoa hôm Út đi chợ tỉnh, mượt mà và thơm

phức y hết tóc thiệt của con gái, đi đâu Hồng Hoa cũng đội tóc giả, đến chừng ngủ nó mới tháo ra để lộ đầu tóc tẽm sát lềm, xơ rối.

Nghe Phước hát, Hồng Hoa bùi môi, giọng buồn: *"Hơi... Thôi Phước ơi! Thời nay ai mà mê mấy câu hò xự xang xê cống... nữa đâu mà mày hát hoài. Cái lương về vườn nhượng chỗ cho nhạc giựt tung nóc, có mấy con nhỏ mặc đồ hở lưng hở đùi mấy chả mới mê..."*

Hồng Hoa mặc bộ váy ngắn, ngực giả Hồng Hoa độn còn to hơn bộ ngực thật của con gái trinh nguyên. Phước ngó người nghĩ đến cái lúc mình cũng độn ngực, đội tóc giả, bôi kem trát phấn lên mặt giả là Hồ Bảo Xuyên trong vở *"Đêm lạnh chùa hoang"*, vừa nhục vừa thích. Hạnh phúc nhất của Phước là được đứng trên sân khấu hát mấy trích đoạn hồi xưa bà ngoại dạy nó thuộc nằm lòng. Trước lúc ngoại mất Phước còn hát cho ngoại nghe tròn câu vọng cổ mà không biết Phước hựt hơi hay đời bạc bẽo mà chữ cuối rớt đầu mất tiêu, chỉ còn tiếng nắc nghẹn ngào trong cổ đứa cháu bất hạnh sắp sửa xa rời người bà mà nó hết mực yêu thương...

Từ hồi gánh hát chèo biểu diễn nhạc trẻ, ít khi Út Phượng cho thằng Phước lên sân khấu. Trên hành trình xuôi dọc những nhánh sông Mekong, Út Phượng có nhận thêm vài cô cậu trẻ tuổi, mặt khờ câm. Không biết là rộng lòng bao dung hay lại là những cuộc đổi chác đau đớn. Phước nhớ lại lúc Út Phượng bắt Phước hát nhạc trẻ, nó khóc mướt. Đêm lên sân khấu nó hát toàn mấy trích đoạn cải lương cổ xưa mà một mình nó hóa hai, ba vai, khiến tuồng cải lương trở nên hỗn tạp, khán giả ngồi phía dưới vỗ đùi cười ran. Út Phượng giận quá kéo nó vào sau sân khấu, tát mấy bạt tai, cấm nó léo hánh tới sân khấu nữa bước. Lúc nó mới đi theo gánh hát, Út Phượng nói nó phải theo đoàn hát trả nợ cho Út Phượng, ghe đi đâu thì nó theo đó, trả chừng nào hết nợ thì Út mới cho nó được tự do, muốn đi đâu thì đi. Mà, kiểu này thì biết bao giờ Phước trả hết nợ cho cái người sau một tháng trở về từ Thái Lan mà thành đàn bà thực thụ, có ngực hẳn hoi.

Phước nghĩ: *"Chắc suốt đời suốt kiếp mình phải theo ghe, phiêu diêu biệt xứ, chừng nào già nua thì thôi"*.

* * *

Chỗ Phước nằm nhỏ xíu. Vài thanh niên theo đoàn phụ dựng sân khấu trai tráng lực lưỡng nên lên bờ, trả chiếu, giăng mùng, che thêm tấm cao su cho khỏi thấm sương đêm rồi ngủ ngáy khò khò. Trong ghe chỉ còn Út Phượng, Hồng Hoa, Ngọc Lan và thằng Phước. Đám "chị em" cho Phước ngủ chung vì bọn họ cũng coi thằng Phước là "chị em". Hồng Hoa nói mấy lần thằng Phước giả con gái giống y như đúc, không xê một nét, một phần vì vóc dáng nó thon, mặt ưa nhìn, da láng mịn không một hột mụn. Phước nằm sát vách ghe;

cạnh bên, Ngọc Lan ngáy khò khò thỉnh thoảng gãi lấy gãi để vì muỗi đầu sọc dưới ụ lá bay lên cắn chi chút. Đêm Phước thường vầy vùng, đập tứ lung tung, Hồng Hoa nhạy thức nên lay nó:

- Phước, mày sao vậy, Phước?

Lúc này thằng Phước mới giật mình thức dậy, mắt nó còn kèm nhem, nắc nghẹn:

- Tao vừa nằm mơ.

- Mày thấy gì?

- Tao thấy...

Thằng Phước ngừng lại, quệt nước mắt. Hồng Hoa cũng không đợi chờ câu trả lời của nó, đặt lưng xuống ngủ tiếp lấy sức mai còn hát hò, nhảy nhót. Phước vẫn còn nằm đó thút thít như đứa trẻ.

Mấy lần Hồng Hoa trêu:

- Mười bảy, mười tám tuổi rồi chứ còn con nít đâu, hở ra là khóc, như con gái thiệt vậy á!

Nó nổi xung thiên:

- Mày im đi! Tao không phải con gái. Tao là con trai.

- Là con trai? Ha ha... Con trai. Ha ha...

Phước không nhịn nổi trước giọng cười có phần thóa mạ của Hồng Hoa, lập tức nó sấn tới vung tay định tát vào má Hồng Hoa một cái nẩy lửa mặc cho "cô bé" lớn hơn nó những năm, sáu tuổi đời. Nếu Út Phượng không ngăn thì Phước đã tát thiệt, Hồng Hoa giận dữ bỏ vào trong ghe. Nó ngồi một mình trước mũi, buồn buồn. Nó nhớ má, nhớ quê đến rạn lòng. Trong giấc mơ, Phước thấy mình bị bọn lạ mặt bắt đi, Phước gọi *"Má ơi, cậu mợ ơi, cứu con!"*

Mà má không nghe. Còn cậu mợ Phước thì đứng nhìn theo, mặt lạnh như tiền, tuyệt nhiên không chạy đến kéo Phước ra khỏi vòng tay của kẻ lạ mặt. Phước gào thét, Phước xé nát cả giấc mơ gây vụn, nổi chắp thành những mảnh loang lổ sau khi đã bình lặng lòng mình. Giữa lô nhô biển người, Phước đang lưu lạc ở cái nơi khỉ ho cò gáy, nơi mà mở mắt ra chỉ thấy sông nước với heo hút cánh đồng, xóm nhỏ xa xa, những gương mặt khác: vui vẻ, thâm sầu. Họ nhìn Phước bằng cái nhìn cảm thương, tội nghiệp.

Phước cũng từng bị bắt đi như vậy. Buổi trưa Phước ngồi trên cây cầu nhỏ xíu đưa ra sông, dưới cội bần, đang say sưa ngân câu vọng cổ bỗng Phước nghe tiếng chú Hai Hùng gọi nó từ trong nhà vọng ra. Phước lon ton chạy về. Thím Hai Hùng gọi nó vào trong buồng, lấy cây lược gỡ đầu, xếp quần áo của nó vào trong giỏ.

Nó ngây ngô hỏi:

- Bộ thím Hai định cho con đi đâu hả?

- Ừ, mày phải đi thôi Phước.

- Mà đi đâu, hả thím?

- Đi hát.

Phước ngó người, "Đi hát", nghĩa là nó phải theo người đàn bà đang ngồi ngoài kia, đang bàn tính với chú Hai một điều gì đó, dường như là một cuộc đổi chác. Người đàn bà đưa cho chú Hai Hùng xấp tiền rồi

ngoảnh vào trong buồng gọi nó:

- Phước ơi, đi thôi em. Đi với Út!

- Đi... là đi đâu? Chú Hai...

Phước quay sang nhìn chú Hai Hùng. Người đàn ông không nói không rằng, Phước nhìn thím Hai bằng ánh mắt van xin, cầu cứu:

- Thím Hai, nói con nghe đi thím, sao chú thím im lặng hết trơn vậy? Con phải đi đâu?

Người đàn bà bước vào trong buồng, cánh màn khép lại. Út Phượng nắm tay Phước vừa kéo, vừa giục:

- Đi thôi, họ đang đợi em ở dưới ghe đậu ngoài bến nước kia kìa. Đi với Út, Út không bạc đãi em đâu...

Út Phượng kéo nó đi. Cái người đàn bà có giọng nói ồ ề, có sức lực của đàn ông kéo nó đi bằng bằng trên con đường làng, chân nó vướng phải cỏ xước đau buốt. Khoảng khắc rời khỏi căn nhà mà Phước gắn bó từ thời thơ bé trĩu nặng, lòng dạ ngổn ngang. Phước chưa kịp đốt cho ba, cho ông bà nội nén nhang, chưa kịp chạy ra con đường mòn thoảng hương hoa buổi dẫn ra ngôi mộ của ba nằm thoi loi giữa mảnh đất cỏ xanh, để thủ thi rằng: ba ở lại, con đi, chừng nào về được thì con về thăm mộ ba, thăm nhà, đợi má! Chưa kịp... Phước chưa kịp làm gì hết thì họ đã bắt Phước đi. Chiếc ghe rời bến, Phước đứng trước mũi ghe khóc rùng, ngặt nỗi nó không biết bơi, không đủ can đảm phóng xuống dòng sông sâu chảy ngang qua trước nhà, dòng sông mà ngày trước nó từng nghe người làng đồn thổi bao câu chuyện ma quái diễn ra trong những đêm trăng sáng. Phước sợ. Chiếc ghe mỗi lúc một xa làng, lênh đênh trên sông. Nắng trưa nướng chùng chiếc ghe giữa bạt ngàn sóng trắng...

- Phước, lại đây má nói nghe nè con!

Má ngồi ngoài thềm nhà gỡ tóc, tóc rối má vò lại, nhét nhánh cây. Mắt má buồn như cái buồn của buổi chiều rớt trên từng nếp nhà của quê hương xứ sở...

- Má kêu con!

- Già bộ má với Phước không sống cùng với nhau, Phước có buồn không? Có chịu không?

Nghe má hỏi, Phước gãi đầu rồi tự dưng thẳng nhỏ mếu máo, cái m i ệ n g m é o

xệch một bên, mặt đánh lại sắp khóc.

- Trời, má nói gì vậy má? Bộ má tính bỏ con đi luôn sao má? Má ơi...

Đến đây, hai má con Phước ôm nhau, Phước khóc hụ hụ, má cũng ướn nhòe đôi mắt, tay choàng lên vuốt ve, gãi rôm gáy tóc của đứa con thơ.

- Má... Má sẽ đi, Phước à! Ở lại đây má chịu không nổi... Người ta ghét bỏ má!... Người ta không thương má như là ba của Phước... Mà, ba mất rồi, má ở lại làm gì nữa hả con?...

Phước ôm má thật chặt, nước mắt nó rơi ướt đầm ngực áo của má. Con sông chảy ngang qua làng rạt rào tiếng buồn thương của nước, tiếng nỉ non của ếch nhái oàm oạp kêu ven bờ trong chiều chập choạng. Má biết, Phước còn quá non nớt nên không hiểu hết nỗi đau mà má gánh chịu. Người nhà họ nội trách má xung khắc với ba Phước, khiến người đàn ông lực lưỡng kia một buổi chiều cuốc đất ngoài vườn bỗng ngã dúi xuống, mắt trợn trừng. Không kịp đưa ba Phước đi bệnh viện, lúc má thấy ba nằm giãy dụa ngoài liếp đất cuốc dở, má chạy ra, kêu gào. Ba nhìn mặt má nhưng không nói được điều gì, ba ngáp ngáp mấy cái rồi đi luôn. Ngay cả Phước - con trai ba - mà ba cũng không kịp nhìn thấy mặt.

Chôn cất ba xong, người nhà nội trở mặt với má ngay tức khắc.

Giá mà ông bà nội còn sống chắc ông bà nội đã hiểu được lòng má. Bà nội móm mém, phúc hậu và bao dung. Nhưng ông bà nội đã mất từ hồi

Phước còn nằm nôi, má đeo khăn tang hát à ơi, ăm

Phước ra mộ phần của nội. Chú thím Hai không ưa má, không

ăn cơm cùng mâm, hễ gặp má là lườm nguýt,

lòng sắt dạ gang cũng chịu không

nổi hướng chi lòng người. Nhiều lần

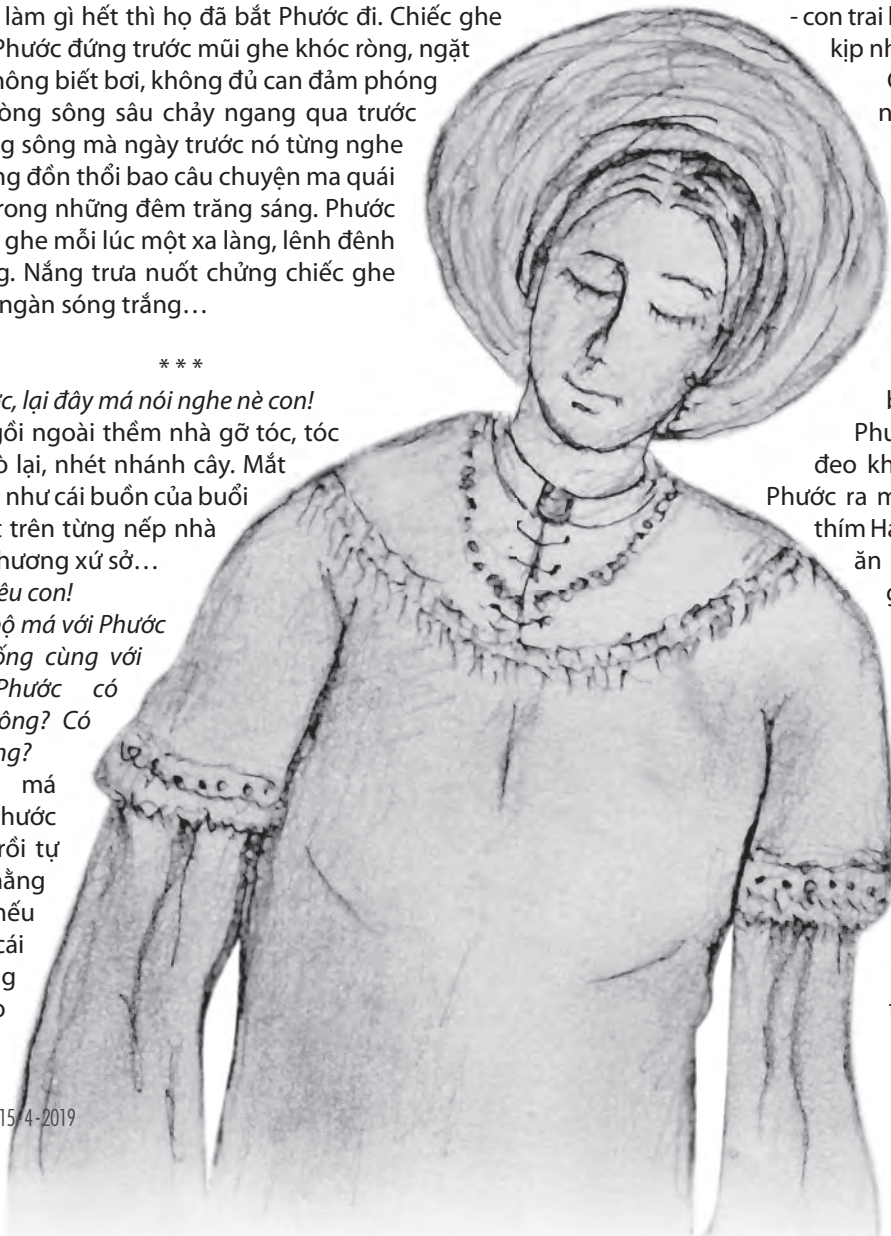
Phước thấy má ngồi ngoài mộ ba

khóc mướt, Phước cũng khóc theo.

Khóc cạn nước mắt thì hai má con ôm

nhau đứng nhìn hoàng hôn buông

trên đồng. Hoàng hôn



buồn như cuộc đời của má.

- Má phải đi. Phải đi, Phước à!

- Còn con - Phước quệt nước mắt, hỏi - Má định bỏ con lại đây sao?

Má triu mền bảo, dẫu lòng má đau:

- Con là đứa cháu trai duy nhất của ông bà nội. Chú thím Hai Hùng không có con, con phải ở lại coi chuyện nhang khói cho ông bà, coi sóc mộ ba. Con là cháu ruột, người nhà nội không chối bỏ giọt máu duy nhất của ba còn sót lại trên đời đâu con...

Vậy là má đi. Đi thật! Hôm má ôm gó ra đi, qua con sông ra đầu làng, Phước chạy còng còng theo chân má, tiễn má. Má hứa: "Chùng nào ổn chuyện má về đây thăm Phước. Phước lớn rồi, Phước tự lo cho mình được. Con trai má luôn dũng cảm phải không?". Má nói, mà má cũng tự trấn an lòng mình. Có người đàn bà nào yên lòng khi bỏ lại con thơ. Ngặt vì đời trở trêu, tình người bạc bẽo, lạt lòng, má đành để Phước lại nhà. Lần cuối cùng Phước nằm gối đầu lên đùi má trên đồng cỏ ngoài đầu làng, dưới gốc cây mát rượi, má hát Phước nghe mấy câu vọng cổ ngọt ngào. Phước chìm theo câu hát, ngủ mơ màng, đến khi tỉnh dậy thì má đã đi xa. Phước thấy mình chơi vơi giữa những người xa lạ...

Ở đây, buồn Phước hát, vui Phước cũng hát. Trời phú cho Phước cái giọng hát ngọt bùi như nước sông quê, như mùa lúa chín. Người làng nói Phước giống má, hát hay, hò ngọt, chùng nữa lớn lên đi làm ca sĩ chắc nổi tiếng dữ lắm. Phước cười cười, nhỏ xíu biết gì mà ca với sĩ.

Phước hay ra mộ ba vào những đêm khuya. Trên trời li ti mấy vì sao sáng nhập nhòa sau đám mây mờ. Phước nói nhớ ba, nhớ má, Phước kể cho ba nghe hôm nay Phước đã làm gì, chú thím Hai có cho Phước ăn no hay không, có đánh đập Phước hay không... đủ thứ chuyện trên đời. Phải chi ba hiện về, ba ủ ấm Phước, ba chuyện trò hay chỉ nhìn Phước thôi cũng đỡ cô đơn. Phước thường mơ thấy má, má Phước hiền lắm, ba cũng hiền, chỉ có thím Hai Hùng là dữ dằn, thường xuyên đánh Phước bằng những roi đòn đau điếng. Bao giờ cũng vậy, hễ Phước làm sai gì, dù chuyện lớn hay chuyện con con thím cũng kêu Phước lên vạt nằm sắp, kéo quần xuống khỏi mông để thím lấy cây roi vắt trên vách nhà quất tới tấp.

Thím Hai Hùng cấm Phước khóc, thím nói: "Mày khóc hàng xóm bêu riếu tao, nói tao ăn hiếp mày. Mà tao đâu có ăn hiếp, tao dạy mày, chùng nào mày nên người thì thôi". Thím nói vậy, Phước tuy nhỏ nhưng vẫn hiểu được lòng dạ thím.

- Thôi mày q, chú thím Hai tàn nhẫn với mày vậy thì mày theo tụi tao xuống ca, chùng nữa lớn mày đi tìm má!
- Hồng Hoa vỗ vai nó, nói khẽ.

Trên ghe, cũng có khi Phước thấy lòng thanh tịnh. Nó hát cải lương hay đả cổ. Hồi ấy Út Phượng quý nó lắm, biểu nó hóa thân từ vai Sơn Ca trong vở "Đêm lạnh chùa hoang", A Khắc Tru Sa trong vở "Người tình trên chiến trận" đến những vai nữ buộc nó phải độ ngực, trét phấn vẽ môi hồng như Huyền Trân công chúa, nàng Thoại Khanh... nó cũng làm. Miễn là được hát cải lương.

Má Phước từng nói: "Có gì hay bằng cải lương Nam Bộ xứ mình. Thời đại nào thì cải lương cũng sống, người nghệ sĩ cũng nhả tơ cho đời".

Bởi vậy má mới hát. Ngày trước má đi theo đoàn hát, lấy ba, má an phận làm vợ, làm mẹ, lâu lâu đình làng có ca cổ "cây nhà lá vườn" má mới biểu diễn, làng không ngớt lời khen.

Đời gánh hát là vậy, có nhiều ăn nhiều, có ít ăn ít. Vài ba tháng lại có chàng thanh niên xin Út Phượng rời đoàn hơn tháng trời quay lại thì cơ thể lộ nhô ngực mông, tóc dài y hệt "con gái thiệt". Mà trong sâu thẳm tâm hồn họ là những niềm nỗi không tên...

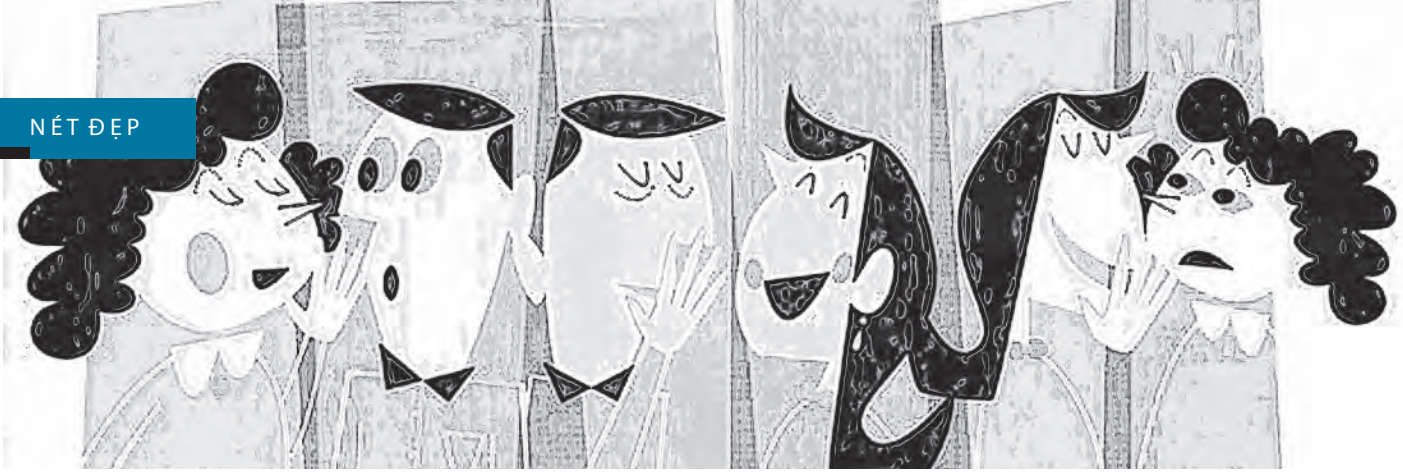
- Hồng Hoa, tao muốn hát cải lương, tao muốn hò, muốn hát cung oán cung thương... như hồi đó má tao dạy. Tao không hát nhạc trẻ được đâu.

- Tao cũng vậy. Tao nhớ cải lương xứ mình...

Út Phượng nghe hết. Út nấp sau ghe nghe Phước với Hồng Hoa nói với nhau mà rưng rưng nước mắt. Út Phượng hiểu rồi, đám nghệ sĩ "nghệ dư" sống chết với cải lương, với điệu hò xự xang xê cống... Không biết tự lúc nào mà cải lương trở thành mạch nguồn tình cảm chảy xuyên suốt trong tâm hồn những con người khổ khổ ấy.

Chiều nay, đám thanh niên lúi húi dọn sân khấu, quét tước, chuẩn bị bán vé. Người trong đoàn thấy Út Phượng vận lại bộ đồ bấy lâu cất trong hòm, hóa Huyền Trân công chúa, hát khúc "Chiêu Quân". Mắt Hồng Hoa sáng rỡ, còn Phước cứ đình ninh, trông Út Phượng đẹp giống má Phước ngày còn ở nhà, còn cái thói quen chiều nào cũng ra thềm ba ngồi chải tóc rồi vo tóc rối nhét lên nhánh cây. Nhớ đến khắc khoải. Nhớ đến bồi hồi.

Phước hát. Hát say mê như chưa bao giờ được hát. Vẫn cái câu vọng cổ má dạy hồi xưa. Nó hát để chứng minh rằng giai điệu quê hương chưa bao giờ là lỗi thời, chưa bao giờ tụt hậu so với bước tiến của thời đại. Nó hát để nó được thấy cái bóng dáng hiền từ, tần tảo và đầy bao dung của má hiện ra lơ mờ phía dưới sân khấu, mắt nó rưng rưng. Biết đâu trên bước đường sanh nhai Phước sẽ tìm gặp má, dù là bao lâu đi chăng nữa, má sẽ nhận ra tiếng ca của nó, sẽ trở về sưởi ấm những yêu thương. Tình mẫu tử có sức mạnh lớn lao hơn bất cứ thứ tình cảm nào trên cuộc đời này... ■



Lời nói gió bay... nhưng còn đó!

CAO HUY HÓA

Trong một thành phố nhỏ đầu đó ở Đông Âu, có một người đàn ông có tật nói quá nhiều về người khác. Mỗi khi ông nghe một câu chuyện về ai đó mà ông biết, hoặc thỉnh thoảng về ai đó mà ông không biết, ông liền kể hết cho bạn bè. Khi ông đang buôn bán, ông nghe rất nhiều tin đồn và chuyện lung tung. Ông thích được mọi người chú ý, và hả hê khi mọi người cười, vì câu chuyện được thêm mắm thêm muối làm cho thú vị, đậm đà. Ngoài tật đó ra, ông vẫn là người vui vẻ, tốt bụng.

Ông cũng tự biết đôi chút, nói như thế là không hay, nhưng sa đà vì khiếu kể chuyện hấp dẫn, và nhận thấy mình chỉ kể chuyện có thực thôi mà! Lại thêm nhiều chuyện có vẻ "hiền lành" và vui thôi, có sao đâu?

Một ngày nọ, ông khám phá có cái gì đó khác thường (nhưng là sự thực) nơi một vị thương gia khác ở thành phố. Thế là ông chia sẻ chuyện khác thường đó với những bạn đồng sự, rồi những vị này kể cho bạn của họ, kể cho mọi người mà họ quen biết, kể cho vợ của họ, và những bà vợ này lại kể cho bạn của họ, láng giềng của họ. Câu chuyện cứ thế lan quanh cả thành phố, cho đến khi người thương gia khổ sở nghe được. Người thương gia này đến gặp vị giáo trưởng thành phố, than van, kêu ca vì suy sụp tinh thần. Vì tiếng đồn này khiến không ai đến với ông. Tên tuổi và sự nghiệp như bị gió thổi bay đi.

Bây giờ vị giáo trưởng đã biết người bồng đảo của mình, và ông quyết định mời người đàn ông thích kể chuyện đến. Nếu ông ta không phải là người khởi đầu những câu chuyện, thì ít nhất ông phải biết ai nói để chuyện lan ra.

Đến khi người đàn ông bép xép nọ nghe vị giáo trưởng phân tích tác hại những câu chuyện đó, ông cảm thấy thực sự hối tiếc. Nhưng ông không xem đó là vấn đề lớn bởi vì chuyện đó là có thực; vị giáo trưởng có thể kiểm chứng nếu muốn. Vị giáo trưởng thở dài.

"Thực hay không thực, không có cái gì khác. Anh không thể kể chuyện lung tung về bất cứ ai. Đó là toàn chuyện vu

không, và nó giống như tội giết người, ở đây anh đã giết tiếng tăm của một người". Vị giáo trưởng nói nhiều nữa, và ông bép xép nọ giờ đã thấy mình tệ hại và hối hận. "Con có cách gì để làm cho sự việc không xảy ra?", ông nức nở. "Con muốn làm bất cứ điều gì mà ngài bảo!"

Vị giáo trưởng nhìn anh ta, "Ở nhà anh có chiếc gối lông nào không?" "Thưa ngài, con không nghèo, con có rất nhiều gối như thế. Nhưng ngài muốn con làm điều gì? Hay là bán đi?"

"Không, cứ đem đến cho ta một cái".

Anh ta cảm thấy có gì bí ẩn, nhưng anh vẫn trở về nhà, lấy cái gối lông đem đến. Vị giáo trưởng mở cửa sổ và đưa cho anh ta một con dao, rồi ra lệnh: "Cắt chiếc gối đi!"

"Nhưng thưa ngài, nơi đây là chỗ để ngài dạy con mà? Lông sẽ bay ra nhếch nhác khắp nơi!"

"Cứ làm như ta nói!".

Anh ta phải cắt gối. Một đám mây lông vũ bay đầy, mù mịt. Lông rơi xuống ghế và trên bực, trên đồng hồ, trên con mèo vừa nhảy qua. Lông lướt trên bàn, đi vào tách trà, trên người vị giáo trưởng và trên người đàn ông với con dao, và rất nhiều lông bay ra khỏi cửa sổ, quay tít từng dải.

Vị giáo trưởng chờ khoảng 10 phút. Rồi ngài ra lệnh: "Bây giờ anh gom lại hết tất cả lông, và nhét lông đó vào gối, Nhớ là hết tất cả lông nhé, không để thiếu một cái!"

Người đàn ông nhìn vị giáo trưởng, vẻ hoài nghi. "Thưa ngài, không thể được. Lông trong phòng thì con có thể nhặt phần lớn, chứ làm sao nhặt hết lông đã bay ra khỏi cửa sổ? Con không thể làm được!"

"Vậy ư", vị giáo trưởng gật đầu trịnh trọng, "**Thế thì đó cũng giống như chuyện: mỗi lần một lời đồn, một chuyện ngổ lê đôi mách, một "bí mật" rời khỏi miệng anh, làm sao anh biết được nó dừng nơi đâu. Nó bay đi theo gió, và anh không thể thu hồi lại được!**"

Vị giáo trưởng ra lệnh người đàn ông phải xin lỗi sâu sắc người mà anh đã lan rải tin đồn; chuyện đó là khó

và phiền, nhưng đó là cái tối thiểu mà anh ta phải làm. Anh cũng phải xin lỗi những ai đã nghe anh kể những chuyện đó, khiến họ thành đồng lõa của anh trong trò chơi tối tệ này. Ngài cũng ra lệnh anh phải siêng năng học luật liên quan đến *lashon hara* hàng ngày trong một năm, hết thời hạn thì trở lại gặp giáo trưởng.

Đó là những gì người đàn ông đó phải làm. Và không chỉ ông đó học về *lashon hara*, vị giáo trưởng còn giảng về sự quan trọng của sự cảnh giác cái lưỡi của anh khi nói với bạn bè và người đồng sự. Và cuối cùng anh ấy đã vượt qua vẩn nạn xấu xa đó.

* * *

Đây là chuyện kể mà tôi đã đọc được trên website chabad.org của tín đồ đạo Do Thái, nhan đề: *A Pillow Full of Feathers* (Chiếc gối đầy lông). Trong chuyện, vị giáo trưởng ra lệnh cho người đàn ông bép xép phải học về *lashon hara* hàng ngày trong một năm để ghi nhớ phải khắc phục chuyện nói năng lung tung về người khác.

Lashon hara là gì? Theo ngôn ngữ Hebrew, *lashon hara* là **“lưỡi của quỷ”** (evil tongue). Đó là lời nói làm hạ thấp giá trị của người khác. *Lashon hara* khác với lời phỉ báng, vì nó nhằm nói thật cho mục đích sai, hơn là nói sai sự thật và gây tổn hại. Một lời nói được xem là *lashon hara*, nếu nói về điều gì tiêu cực về một người hay một nhóm người, một lời nói không có ý định nghiêm chỉnh nhằm sửa chữa hoặc cải thiện một tình thế tiêu cực, dầu lời nói là đúng sự thực. Vào thời đại ngày nay, *lashon hara* là lời nói trực tiếp, cụ thể, hay có thể thay bằng một lá thư, điện thoại, viết trên email hoặc facebook, và ngay cả ngôn ngữ hình thể. *Lashon hara* được xem là tội nghiêm trọng trong truyền thống đạo Do Thái (theo Wikipedia tiếng Anh).

Lời nói đó, tưởng là bay đi, nhưng vẫn còn... Trước hết là còn ở người nói. Hiện tượng hay nói về người khác, như cái đà, một lần xảy ra, đến lần khác cũng kiểu đó, làm nổi dài nghiệp lực xấu, cứ ăn sâu trong đầu. Thứ nữa, bệnh này lại lây lan qua những người nghe, trong số này có người nhiệt tình chuyển tiếp qua địa chỉ mới, thế nào cũng méo mó, và cứ thế... Người đàn ông trong chuyện, may là được vị giáo trưởng chỉnh, và nếu tu để chấm dứt được *lashon hara*, thì nghiệp lực đó mới được cải thiện.

* * *

Đọc chuyện trên đây, tôi giật mình: Chung quanh ta, và có thể cả ta nữa, ai ai cũng ít nhiều mang tật này. Xã hội đầy những người như anh chàng trong câu chuyện trên, đặc biệt có những vị tha hồ múa gậy vườn hoang, những vị tỉ tê, mắt láo liên, thăm thì nửa kín nửa hở, những vị không ngại đao to búa lớn, phê phán những bậc trưởng thượng... Quả thật con người mang ba cái nghiệp thân, khẩu, ý, mà ta phải cảnh giác và giữ gìn; trong đó tuy cái miệng chỉ là đẩy tớ của ý, nhưng vì cái miệng “lao động” quá dễ cho nên mới giây lát là đã gây nghiệp chướng.



Vì cái miệng, cái lưỡi quá dễ làm ăn, nên người xưa từng khuyên: Uốn lưỡi ba lần trước khi nói. Chữa bệnh thuộc về thói quen, nghe thì đơn giản - cứ chấm dứt thói quen đi - thế mà vô cùng khó. Nhưng khó cũng phải làm: Hãy thận trọng nói về người khác khi người đó vắng mặt; hoặc nếu nói về người khác vắng mặt, thì nói như người đó có mặt.

Trải qua hơn 2.500 năm, lời dạy của Đức Phật về Bát chánh đạo vẫn giữ nguyên ý nghĩa, nếu không nói đó là nền tảng căn bản xây dựng đạo đức, văn hóa và lối sống chân chính cho mọi người và xã hội: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; trong đó chánh ngữ là lời dạy liên quan trực tiếp đến lời nói.

Chánh ngữ có nghĩa là:

- Không nói dối.
- Không nói xấu sau lưng, không vu khống, không nói những điều gây nên ganh ghét, thù hận, chia rẽ, bất hòa giữa những cá nhân hay giữa những nhóm người.
- Không gay gắt, khiếm nhã, bất lịch sự, hiểm độc, không lạm dụng ngôn ngữ.
- Không nhàn rỗi, vô tích sự, bép xép đại dột, tầm phào.

Và như vậy, chánh ngữ cũng có nghĩa là: Nói sự thật, nói thân thiện, nhân ái, từ tốn, nhẹ nhàng, có ý nghĩa, có lợi ích, nói đúng nơi đúng lúc. Nếu lời nói không đem lại chút lợi ích, chút niềm vui gì cho mình và cho người, thì tốt hơn là im lặng.

Thế thì bông đùa, hài hước không được à? Quá quý nếu đúng nơi, đúng lúc, không lạm dụng. Bông đùa, hài hước làm cho cuộc đời thêm vui, thêm tình thân, thêm đáng sống, không bao giờ đi kèm với hiểm độc, châm chọc - những thứ mà người con Phật phải tránh. ■

Tài liệu tham khảo: Allan Lokos, *Skillful Speech*, website Tricycle.org.

Lukla

hùng vĩ và thơ mộng

TRẦN ĐỨC TUẤN

Những cảm giác rung mình hôm đó trước khi máy bay hạ cánh xuống Lukla còn dai dẳng rất lâu, suốt cả ngày hôm sau, đặc biệt là nỗi lo cho chuyến trở về Kathmandu. Những suy nghĩ mông lung về nguy cơ dẫn đến tai nạn rất nhiều, nhưng nổi lên là hai giả thuyết. Một là máy bay đã cũ, già cỗi. Hai là phi công chiều lòng du khách muốn được thưởng thức hiệu ứng bay thấp để ngắm cảnh khi lướt lách giữa các khe núi và để nhìn cho rõ mọi thứ ở bên dưới; kết quả là vì hơi mãi mê nên quên đã đến lúc phải lên cao để kịp đáp xuống, rồi lúng túng làm cho động cơ rơ lên quá sức, quá tải.

Bản thân tôi đã trải qua tâm trạng này một vài lần. Đó là chuyến bay bằng máy bay nhỏ ra Côn Đảo: cũng còn cách khoảng năm phút mới hạ cánh thì xảy ra hiện tượng “rơi tự do”, máy bay rung lên, hành khách loạng choạng xây xẩm mặt mày; nhưng rồi cũng thoát nạn. Phi công nói, “Nó chỉ rơi khoảng vài trăm mét rồi ngừng lại”. Thật hù vía. Hôm sau trở về cũng trên chiếc máy bay đó. Khởi động mãi máy không nổ. Sau phải vào kho sân bay lấy ra một rổ bougie mới cũ lẫn lộn, chọn được một cái dùng được để bay về. Một lần khác bay trực thăng để quay phim ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng loại MI-8 của Nga. Một tuần sau có tin một chiếc loại này vừa rơi không sống sót một ai. Những lần “tai qua nạn khỏi” kiểu như thế này hoặc nhiều dạng khác đã in sâu vào kỷ niệm làm phim và các hành trình khác những dấu ấn phiêu lưu, kỳ thú, mạo hiểm, đầy thi vị, lãng tử, giang hồ; trong đó có những lần gặp phi ban đêm giữa Tam giác Vàng, gặp lốc xoáy giữa Ngã ba Sông Lớn, gặp xoáy nước mạnh làm cán ô đập vào chân cầu vắng người xuống nước...

Trở về với Lukla. Sân bay rất nhỏ, chỉ như một sân banh, chênh vênh trên sườn núi. Nhìn thấy nó, có thể bạn sẽ nghĩ ngay tới cái sân đậu trực thăng trên tòa nhà 68 tầng tại quận 1. Chỉ sau ba mươi phút bay thôi, bạn đã nhận biết khá nhiều điều mới mẻ. Đó là hàng trăm cây số trải dài theo Hy-mã-lạp sơn cùng không gian mênh mông hai bên tả hữu lộ trình, và bây giờ là một thị trấn hiu quạnh giữa rừng sâu núi thẳm không thấy tên trên bản đồ.

Lukla nằm ở phía Đông Kathmandu, phía Đông nam Everest, gần vườn quốc gia loại đẹp nhất thế giới. Đây là một điểm quần cư ở sâu trong lòng Hy-mã, với đặc điểm chung là núi cao, thung lũng kín, không khí loãng và ẩm thấp, khí áp thấp, giá rét nhiều về mùa đông, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn, đất đai khô cằn do ít mưa, cấu tạo địa chất nhiều đá cứng nên độ phì và độ ẩm của đất không nhiều, khó trồng trọt và chăn nuôi. Nhiệt độ trong hai ngày chúng tôi ở đây là âm 5°C, nắng rất chói chang vì nhiều tia cực tím nên da mặt cư dân hơi xạm, gần giống với môi trường ở sườn Bắc, nhất là Tây Tạng. Lúc này là trung tuần tháng chạp dương lịch, đang mùa khô. Vì chung quanh toàn núi cao bốn, năm ngàn mét nên gần được gió lạnh từ Everest và từ quần thể tuyết sơn tràn về, nếu không thì nhiệt độ giữa mùa đông không thể là

-5°C với độ cao vĩ tuyến và độ cao địa hình khá lớn như thế này.



Toàn bộ khu dân cư bao gồm trung tâm thị trấn, vùng ngoại vi, các khu ruộng vườn... trải dài từ bề mặt thung lũng, cao dần lên sườn rồi lên đỉnh núi, với các cao trình từ dưới lên trên là 2.800 mét, 3.000 mét, 3.200 mét và 3.500 mét...

Cảm giác mạnh nhất đối với viễn khách là tính đặc trưng sơn cước rất điển hình: Núi non trùng điệp; thung lũng và khe sâu nhiều; ít đất nông nghiệp; cư dân thưa thớt, gồm hầu hết là các bộ tộc miền núi chất phác; đường đi trong phố gỗ ghề, lở lôm, ngoằn ngoèo, không có một đoạn thẳng nào dài... và đặc biệt là không có bất cứ một loại phương tiện nào kể cả ngựa và xe đạp. Họ toàn đi bộ và chở đồ bằng trâu bò. Thị trấn không có điện lưới quốc gia; đời sống kinh tế, văn hóa, giải trí nghèo nàn; người dân hiền lành, cởi mở, thiện chí. Lối sống từ bi, thật thà là giá trị truyền thống khiến khách phương xa cảm thấy thích thú và nghĩ rằng ở đây không có tội phạm và tệ nạn xã hội...

Cũng như bao địa phương Hy-mã-lạp sơn khác ở Ấn Độ mà chúng tôi đã đi qua, Lukla là một vùng miền núi cao hùng vĩ và thơ mộng. Chất thơ thì có thể chia sẻ với đồng bằng, nhưng hùng vĩ là sản phẩm thiên tạo hoàn toàn đặc hữu. Giống như người ta có thể xây dựng Đà Lạt thành một đô thị tráng lệ, lộng lẫy về kiến trúc như Sài Gòn, Hà Nội, nhưng không thể nâng mặt đất hai thành phố lớn kia cao thêm 1.500 mét để có nhiệt độ giảm đi 10°C, cho những rừng thông ba lá có thể xuất hiện.

Cư dân ở đây có người Nepal, người Ấn, người Tạng nhưng chủ yếu là các tộc người sơn cước. Người Nepal và người thiểu số trông giống người Á Đông như Lào, Việt, Hoa, Nhật, Hàn... hơn là giống người Ấn Độ. Phụ nữ rất dịu dàng và xinh đẹp, mắt lớn, mũi thẳng và hơi cao, là niềm tự hào của xứ sở và của núi rừng Hy-mã. Lúc đoàn phim làm việc ở Ấn Độ, nhiều người lầm tưởng chúng tôi là người Nepal. Các cháu học sinh rất dễ thương, hoạt bát, thật thà. Các cháu gái xinh xắn. Chúng tôi tới thăm một trường trung học cơ sở. Tất cả đều mặc đồng phục gọn gàng, dễ gần dễ mến. Học sinh thường học ở ngoài sân cho ấm, và đặc biệt là cho có ánh sáng vì trong lớp không có điện... chỉ vào lớp ngồi học khi trời mưa. Toàn bộ các công trình kiến trúc như nhà ở, trường học, bệnh viện, công sở... đều được xây dựng bằng vật liệu từ xa chở tới theo đường hàng không nên rất tốn kém, thậm chí được coi như những kỳ công. Điều này thật đáng nể nếu hiểu rằng Nepal là quốc gia có tổng sản phẩm quốc nội GDP vào loại thấp nhất thế giới trong khi khoảng cách giàu nghèo lại cực lớn; chỉ có 52% nam giới và 18% nữ giới biết đọc biết viết; sản xuất nông nghiệp chiếm tới 40% của cải làm ra của đất nước nhưng vẫn không đủ ăn. Cam chịu phân biệt đẳng cấp khắt khe cũng là một đức tính truyền thống đặc biệt giống như ở Ấn Độ, đó còn là một trong những sản phẩm tín ngưỡng lâu đời.

Nguồn thu nhập của Lukla chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi gia đình và các dịch vụ phục vụ khách

du lịch. Năng suất lao động nông nghiệp thấp vì đất đai không nhiều, ít màu mỡ, khí hậu khắc nghiệt; càng ở trên cao càng có ít các chủng loại cây trồng có thể sống được vì quá lạnh. Giới hạn cao nhất cho trồng trọt là độ cao địa hình 4.300 mét. Cao hơn nữa chỉ có cỏ.

Riêng thu nhập về du lịch nhờ nhiều vào lượng viễn khách tới khám phá núi Everest và Vườn quốc gia Sagarmatha. Lukla là trạm dừng chân bắt buộc đầu tiên của dân leo núi. Họ tới bằng máy bay, ở đây mấy ngày để chuẩn bị; sau đó thuê người dẫn đường và mang vác hành lý (chủ yếu là tộc người Sherpa rất có tài đi núi, khỏe mạnh, thuộc đường, có truyền thống làm nghề lâu đời, thiện chí). Từ đây họ phải đi bộ thêm tám ngày đường để qua bốn, năm trạm như thế này nữa. Trong đó có hai trạm lớn là núi Nupla (5.000 mét) và Numbur (6.000 mét) đều là tuyết sơn; cả hai đều là những ngọn núi trắng toát có thể nhìn từ Lukla tại một số điểm không khuất. Tám ngày là thời gian đi đường, thời gian dừng chân ở trạm để nghỉ ngơi, chuẩn bị kiểm tra điều kiện và sức khỏe. Còn nhớ khi dừng chân ở trạm cuối cùng trước khi lên thượng nguồn khởi dòng của sông Mê-kông, chúng tôi cũng phải khám sức khỏe rất kỹ tại bệnh viện, kết quả là một thành viên không đủ sức chịu đựng hiệu ứng khí áp thấp ở độ cao địa hình lớn hơn nên phải nghỉ lại chờ đoàn trở về để tái nhập đội ngũ.

Lukla không thể so với Kathmandu về lượng khách nước ngoài nhưng nó đã sống nhờ rất nhiều vào các dịch vụ cung cấp cho dân leo núi và khách du lịch muốn khám phá Hy-mã-lạp sơn. Thị trấn cung cấp người dẫn đường, nơi ăn, chốn ngủ, hướng dẫn viên du lịch, đồ dùng và công cụ leo núi, thức ăn đi đường, thông tin về đường đi, về thời tiết, đồ lưu niệm, các món ăn đặc sản, giới thiệu nghệ thuật ẩm thực địa phương, vân vân.

Chúng tôi đã có cuộc nói chuyện với cô con ông chủ một gia đình người Sherpa tại một làng của dân tộc này. Cô mới 21 tuổi, anh trai 28 tuổi, ông bố 48 tuổi. Dân làng này chuyên làm nghề trồng trọt, leo núi, kinh doanh nhà nghỉ. Cha cô đã leo tới đỉnh Everest hai lần vào năm 2005 và năm 2007, gia đình này có nhà nghỉ 12 phòng, nhà hàng phục vụ khách leo núi. Bản thân cô theo học nghề nhà hàng khách sạn. Khách leo núi đến đây nhiều nhất vào các tháng 10, 11, 12 (tháng 1 vì quá lạnh nhiều tuyết nên ít khách). Mỗi năm nhà cô đón khoảng 200 khách. Gia đình này ở đây rất lâu, không nhớ từ đời nào. Ngoài Everest còn một số ngọn núi khác cũng là đối tượng chinh phục của khách. Riêng ngọn Khumbila 5.800 mét là núi thánh, không ai được phép leo lên.

Thế giới có nhiều nơi theo tín ngưỡng đa thần. Nhưng chính Hy-mã-lạp sơn mới là thánh địa của tôn giáo đa thần Ấn Độ lớn nhất thế giới, và Nepal là quốc gia có tỷ lệ dân số theo Ấn Độ giáo lớn nhất thế giới. Đó là điều ai cũng biết. Tuy nhiên, ngoài tôn giáo, Hy-mã-lạp sơn còn có nhiều tộc người miền núi nên có



Sân bay Lukla

nhiều tín ngưỡng dân gian khác nhau. Ví dụ có một gia đình thờ thần Lửa mà chúng tôi đã đi qua; tại cửa, họ treo một cây đèn lớn, đẹp, được thiết kế cầu kỳ, rất ưa nhìn, hơi giống đèn lồng nhưng bằng vật liệu cứng, nhiều màu. Gia đình này thờ thần Lửa với luật tục không bao giờ được thổi tắt đèn mà phải lấy tay quạt cho tắt. Trước khi thắp hay tắt đèn phải vái lạy. Trước khi nấu nướng phải rải gạo vào bếp lửa để cúng thần.

Ngày xưa Đại sư Liên Hoa Sinh đã thông qua Hy-mã-lạp sơn mà truyền bá Phật giáo vào Tây Tạng. Ngày nay, Phật giáo Tạng truyền đã lan tỏa mạnh mẽ sang Hy-mã-lạp sơn cùng với hàng trăm ngàn Phật tử Tây Tạng và hàng trăm ngôi chùa Tạng, hoạt động Phật sự sùng kính, nhiệt tình và cần mẫn không gì sánh nổi khiến lòng ta ngưỡng mộ và khâm phục. Trên sườn núi, nhìn từ thung lũng, có một tu viện Tạng truyền với kiến trúc và màu sắc rất đặc trưng. Bên đường còn có một gò mani đôi, những dải phướn ghi chân ngôn Phật giáo Tạng truyền và một lò đốt lá thông để cúng, giống hệt như tại chân núi Mai Lý tuyết sơn ở đường ranh giới giữa Tây Tạng và Vân Nam mà chúng tôi đã tới thăm. Đó là những hình ảnh chỉ thoáng qua nhưng sẽ làm ta nhớ mãi về một Lukla khả ái và đáng kính như thế nào. Chính những cư dân thành kính thánh thần và tôn thờ từ bi tâm Phật ấy đã làm cho Lukla nổi tiếng là nơi gìn giữ tốt nhất, bảo vệ nguyên vẹn nhất đồ gởi của du khách phương xa. Tín đồ Phật giáo ở đây không chỉ có người Tạng mà còn có người bản địa. Ví dụ, người Sherpa theo đạo Phật Tạng truyền khá nhiều. Họ nổi tiếng về tài leo núi, mang vác đồ cho khách, kinh doanh nhà trọ và khách sạn. Nhà trọ thường ở ngoại vi, giá thuê phòng rẻ hơn. Trên đường lên Everest còn phải dừng chân nghỉ tại hai trạm, cũng là hai ngọn núi nổi tiếng. Người Sherpa dẫn khách từ đây tới đó, hướng dẫn họ tập leo lên hai đỉnh núi này, thành thạo rồi mới có thể leo lên đỉnh cao nhất thế giới. Trẻ con ở Lukla leo núi cực giỏi. Thị trấn này toàn dốc,

lên xuống liên tục, khá cao. Người lạ từ xa tới, đi lại phải thận trọng, đường dốc có thể làm họ té ngã, trong khi bọn trẻ cứ chạy băng băng, kể cả học sinh tiểu học nhỏ tuổi. Các gò mani đôi ở đây có nhiều tầng đá lớn hơn so với ở Thanh Tạng. Các bờ rào nhà cửa hoặc trường học cũng được làm bằng đá xếp chồng lên nhau ngay ngắn như trên cao nguyên đá Đồng Văn ở ta.

Ở ngoại ô Lukla, trên đỉnh núi Mila, có một hang động rất đẹp. Năm 2004 có 16 người leo núi Ấn Độ tới, đêm vào hang ngủ, bị một trận mưa tuyết vùi kín... chết cả!

Chúng tôi vào thăm một tu viện Tạng truyền ở trên núi, có bốn vị sư đang cầu nguyện cho một gia đình có người chết. Họ cạo đầu cho một cậu trai của gia đình như một biểu hiện báo hiếu cho ông nội vừa qua đời.

Xin được dành phần cuối bài để nói tiếp câu chuyện về các khối đại hồng ngọc đồ hồng rực rỡ trên các đỉnh Hy-mã-lạp sơn. Tuy tiếc nuối không được chiêm ngưỡng cảnh đẹp do máy bay cất cánh muộn, nhưng được an ủi phần nào vì sẽ được ngắm nhìn một đỉnh núi như thế tại Lukla. Sau khi nhận phòng khách sạn, người ta dẫn chúng tôi tới chỗ có thể ngắm nhìn cảnh vật dễ nhất và chỉ rõ khối núi cần quan sát. Đó thật sự là một không gian hoành tráng, diễm lệ. Một đêm hồi hộp, thấp thỏm, mong chờ. Vấn đề là buổi sáng hôm sau trời phải không mưa và mặt trời không bị mây che khuất lúc vừa mọc. Sáng hôm sau tất cả dậy thật sớm, ra hiện trường từ lúc trời còn chập choạng. Chỉ có thể nhìn rõ 5% ngọn kỳ sơn được mong đợi. Đó là phần chóp đỉnh, phần còn lại thấp hơn bị các khối núi khác gần hơn che khuất. Thế rồi khoảnh khắc toại nguyện đã tới. Ánh mặt trời ửng hồng, chạm vào cái đỉnh nhọn hoắt, lan dần xuống dưới. Cảnh tượng thần tiên kỳ lạ diễn ra khoảng năm phút làm tắt cả bàng hoàng, ngạc nhiên, kỳ thú và thỏa mãn. Có thể ví năm phút lạ lùng vừa qua như một vụ "phi lai phong" tức "chồm núi bay tới". Chữ "phong" ở đây có nghĩa là "chồm núi". Đó là sự liên tưởng tới một thắng cảnh núi non tuyệt vời ở Hàng Châu (Trung Quốc) với hàng trăm khối đá hình dáng lạ kỳ, cực lớn, được chạm trổ công phu, hút hồn khách tham quan đến từ bốn phương trời, gắn với một sự tích được hình thành bằng trí tưởng tượng thông minh: Ngày xưa, có một vị Bồ-tát thần thông từ Tây Trúc tới Hàng Châu du ngoạn. Khi thấy phong cảnh quá gợi cảm, trữ tình, ngài đã niệm thần chú để cho toàn bộ công viên núi đá hoa lệ từ quê nhà bay sang đây rồi đáp xuống cạnh Tây hồ như một cuộc di cư thần thánh...

Trong đời, chúng tôi chưa hề được chứng kiến một khoảnh khắc kỳ ảo, thần thông, biến hóa, mỹ lệ và gần gũi tương tự, như ở chốn thâm sơn cùng cốc đầy cảm xúc bùng lai như thế này. Vấn đề là ta có quá ít cơ hội tiếp xúc với loại hiện tượng này chứ chúng không phải quá hiếm; bởi trên thế giới, thiếu gì núi tuyết, còn mặt trời có ngày nào lại không mọc! ■

Miền đất tôi qua

Mô Rai - một thuở



TRẦN VỌNG ĐỨC

Đi xuyên qua vạt rừng thưa của Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tôi đến xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Điều cuốn hút tôi đến Mô Rai không phải bởi vùng đất mênh mông một ngàn cây số vuông, rộng hơn cả tỉnh Bắc Ninh, cũng không phải miền biên viễn giáp gần 80km với Campuchia, mà do đây là địa bàn cư trú của người Rơ Măm, một trong ba dân tộc ít người nhất trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam.

Dân số Rơ Măm có 436 người theo điều tra năm 2009. Riêng xã Mô Rai, ngày tôi đến, có 359 người Rơ Măm, gồm 99 hộ sống trong 57 mái nhà, tập trung tại làng Le bên sông Sa Thầy, một nhánh của dòng Se San, đổ vào sông Mê Kông. Dân số Rơ Măm tăng quá chậm, mỗi năm chỉ khoảng tám người, bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có phần do cuộc sống còn quá khó khăn, rừng thiêng nước độc khiến dịch bệnh dễ phát sinh và nhiều hủ tục lạc lười.

Tôi đến trạm y tế của xã khi y sĩ trưởng trạm Trần Tất Thành tất bật cứu chữa một sản phụ người Rơ Măm đang trong cơn sốt rét ác tính. Bà mẹ trẻ gương mặt thất thần, da thâm tái, tuổi chưa đến 20, vừa sinh con được ba ngày. Cháu bé trai kháu khỉnh, trắng hồng

như thiên thần, là công dân thứ 359 của người Rơ Măm trong xã. Cháu là người vì khát sữa, đôi môi nhỏ xinh mút khăn liên tục. Cô y tá vội bế cháu đưa qua trường cấp một của xã, cách trạm chừng ba trăm mét. Tôi cũng bám theo, dùng chiếc nón lá che nắng và gió cho cháu bé. Cô giáo trẻ đang giảng bài vội giao mấy đề toán cho học trò tự làm, rồi rời lớp ra ngay phía sau hè, không quên cầm theo chiếc ghế dựa. Cô quê ở Quảng Ngãi, đã bốn năm tình nguyện lên vùng sâu này gieo chữ, đang có đứa con trai bốn tháng tuổi. Cô bỗng cháu bé, vén áo ngực để lộ bầu vú căng tròn, không chút e dè, ngượng ngập. Nhìn sinh linh ba ngày tuổi bú ngon lành, không biết vú mẹ hay vú người dưng, không biết sữa người Rơ Măm hay sữa người Kinh, chỉ thấy dậy lên tình mẫu tử, tình người nơi núi rừng heo hút.

Trước khi mẹ con cháu bé được đưa đến trạm xá, ông bố của sản phụ, đang là cán bộ xã, đã bày rượu thịt, mời thầy mo đến cúng bái trừ tà ma. Thần và thầy bó tay, bệnh tình mẹ con sản phụ trở nên nguy kịch... Tôi tìm đến nhà thầy mo A Suông ở giữa làng Le. Căn nhà khung và vách bằng gỗ, mái lợp ngói, nền đất, đầy vẻ âm u. Thầy mo tuổi đã 89, già nhất làng, vóc dáng cao lớn, tóc bạc, gương mặt hiền từ. Ngồi bên bếp lửa, trên mình quần tằm vải thổ



cầm, tay cầm tẩu thuốc, đôi mắt ông mở to nhìn thẳng người đối diện. Cách nói chuyện của ông toát lên vẻ chân thành, không vui cũng không buồn, không vồn vã cũng không nhạt nhẽo. Thầy mo thường là người thông minh, rành luật tục, thông phong thủy, đảm đương việc kết nối giữa thần linh và con người. Nếu chỉ thuần túy lo chuyện tâm linh có thể tôi quý trọng ông hơn, đằng này, ông lại đảm nhận thêm việc chữa bệnh... Cách chữa bệnh của thầy mo A Suông khá lạ. Để người bệnh ngồi bệt dưới nền đất, ông đốt cây đèn dầu, sau đó đưa ngọn lửa rà khắp cơ thể người bệnh để tìm con ma đang ẩn náu. Trong chập chờn ánh lửa, ông vừa chậm rãi rà lửa vừa lẩm nhẩm cầu khẩn thần linh trục con ma ra khỏi cơ thể người bệnh. Gương mặt thầy mo thành tâm và đầy ma mị. Chắc hẳn chỉ thần linh thấu tỏ, còn ông chẳng cần biết người bệnh đang mắc bệnh gì.

Thầy mo A Suông hành nghề cúng bái đã hơn 50 năm qua. Ông có sáu người con nhưng năm đứa đã chết vì bệnh tật. Không ai trong làng tò mò, rằng vì sao thần linh không cứu giúp cho chính con thầy mo. Vợ đã mất, ông sống cùng với vợ chồng người con trai cuối cùng và năm đứa cháu nội.

Với tín ngưỡng vạn vật hữu linh, dù nghèo khó nhưng người Rơ Măm có rất nhiều lễ cúng. Ma chay, cưới hỏi, bệnh tật, cất nhà, làm rẫy, vãn vãn, đều bắt đầu bằng cúng bái. Riêng làm lúa, có sáu lễ cúng, đó là lúc phát rẫy, đốt rẫy, tra hạt, lúa lên, thu hoạch và mở kho. Cúng heo gà, rượu cần là chủ yếu, trâu bò thì thi thoảng vì quá tốn kém hoặc cũng không nuôi được để làm thịt.

Tôi đã có nhiều dịp chứng kiến lễ cúng nhà ma của một số dân tộc bản địa ở Tây Nguyên. Vẫn nhớ mãi hình ảnh cô gái người Ja Rai ở tỉnh Gia Lai thuở nào. Sáng ấy, ở một khúc ngoặt bìa rừng, tôi bất ngờ bắt gặp một cô gái tuổi chừng 20, từ trong làng đi ra, đôi tay bùm một gói lá chuối trước ngực. Tôi hỏi: “*Mình đi đâu đấy?*”. Cô gái trả lời, giọng tỉnh bơ: “*Đi cho nhà ma ăn*”. “*Cho mình xem đồ ăn của nhà ma được không?*”. Cô

gái ngập ngừng giây lát, rồi cũng mở gói lá chuối xòe trên tay. Tôi thấy chừng một vốc cơm trắng và hai con cá tép nhỏ bằng đầu dũa, hình như vừa nấu trong ống tre. Mẹ cô đã mất một tháng qua, sáng nào cô cũng đem đồ ăn ra nhà ma. Chẳng hồn đồ gì, chỉ thấy buồn thương khi nhìn theo dáng hình cô gái tay khum trước ngực, đơn độc dẫn khua giữa núi rừng.

Ở làng Le của người Rơ Măm lần này, tôi có dịp tham dự một lễ cúng nhà ma của gia đình bà Y Điết. Mẹ của bà đã chết ba tháng trước. Đầu đặn mỗi tháng, Y Điết tổ chức cúng nhà ma một lần. Nghĩa địa của làng Le là một khoảnh rừng thưa nằm bên con suối Lân, đổ vào sông Sa Thầy. Nghĩa địa bao giờ cũng ở phía Tây, tuyệt tránh phía Đông để người dân không phải chứng kiến cái chết đi qua làng như hương di chuyển của mặt trời. Ở nhiều nơi, bao quanh nghĩa địa là hàng rào bằng gỗ, bên trên dựng rất nhiều tượng nhà mồ. Các bức tượng dù dẻo gọt bằng dao nhưng rất sống động, mô tả thực tại và ước mơ của người dân. Rất nhiều tượng là: những gương mặt dài u sầu, mắt mở to, hai bàn tay áp trên má; tượng phụ nữ mang gùi, giã gạo; có cả tượng đàn ông đội mũ phi công; dễ gặp nhất là nhóm tượng thể hiện tín ngưỡng phồn thực với các kiểu nam nữ giao hoan, bụng to, bộ phận sinh dục nổi trội, có khi còn được bôi thêm chút sơn màu đỏ.

Nghĩa địa làng Le không có tượng nhà mồ, có thể do dân làng quá nghèo khó, suốt ngày lo cái ăn, cảm hứng nghệ thuật có phần thui chột. Các ngôi mộ nằm rải rác theo những lối mòn quanh co. Đầu mộ hướng về phía Đông để người chết không tiếc nuôi và nhìn về làng. Đồ cúng bà Y Điết chuẩn bị gồm thịt heo, gà, cá và một rổ cơm. Rượu cần thì dân làng cùng chung lo. Mỗi gia đình một ché, to nhỏ tùy theo sức uống của chính mình, bởi rượu nhà nào nhà đó dùng. Ché được cột vào cọc tre, đặt thành hàng ngay ngắn bên bộ cổng gồm sáu chiếc với kích cỡ khác nhau.

Mộ mẹ bà Y Điết nằm trong một lán tre, cao tầm thước rưỡi, cửa gỗ, mái lợp fibrocement, phía đầu huyết có chôn nửa chìm nửa nổi một ché sành. Thầy mo A Suông cũng tham dự lễ nhưng như người dân bình thường, không giữ việc cúng bái. Bà Y Điết chui vào nhà mồ, ngồi xồm, mở tấm ny-lông bịt miệng ché, thông thả bỏ vào một nhúm thịt, cơm và vừa khấn như trò chuyện vừa rót rượu vào ché qua mấy đầu ngón tay. Đại ý rằng con cháu và dân làng vẫn nhớ tới mẹ và mong bà an vui, phù trợ cho gia đình cùng bản làng. Gương mặt bà không lộ xúc cảm đau buồn. Toàn bộ nghi thức cúng bái diễn ra chỉ trong vòng khoảng hai phút. Sau đó, mọi người tụ tập quanh ché rượu, ăn uống, hút thuốc và nói chuyện. Khi đã lưng chừng ngất ngây, cổng được đem ra, vòng người nhảy múa, đánh cổng được thiết lập. Cổng đại được đánh bằng nắm tay trần, tiếng trầm hùng, âm vang. Những cổng nhỏ khác được đánh bằng dùi gỗ, nghe thanh mảnh hơn.



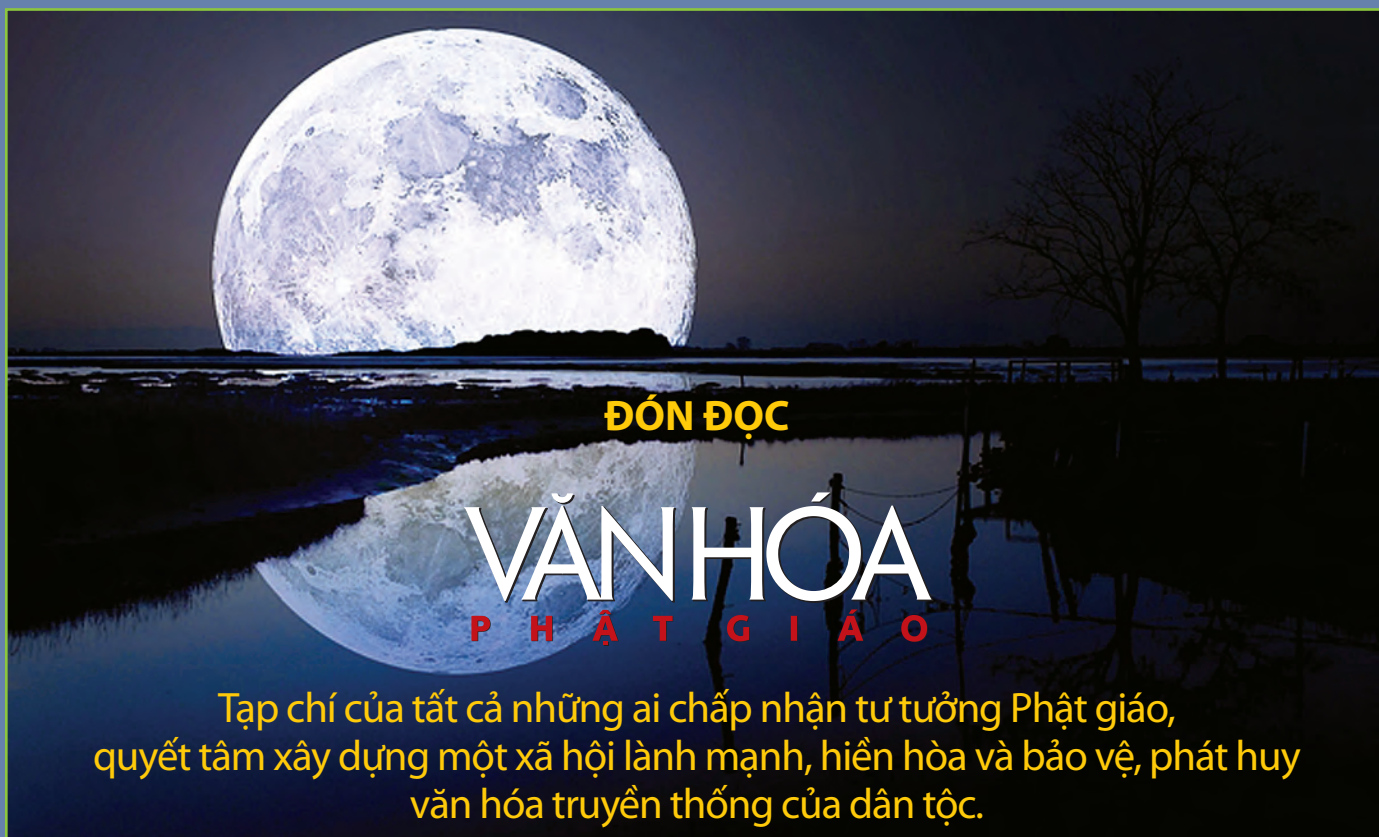
Trong quan niệm của người Rơ Măm, chết là chuyển sang sống ở thế giới khác, cần phải chia của cải, nuôi dưỡng người quá cố, không có gì phải sợ hãi, buồn phiền. Lễ cúng là cuộc tụ vui dành cho người còn sống hơn là kẻ đã chết. Khi chưa làm lễ bỏ mả thì nhà mồ là nơi gần gũi, người thân có thể chui vào nhà mồ ngồi chơi, tránh nắng, ngủ nghỉ. Bỏ mả là lễ lớn, phải đâm trâu, mổ bò, giết heo. Những gia đình nghèo đành phải cúng rượu gà quanh năm chầy tháng, cho tới khi có heo bò mới làm lễ bỏ mả. Sau lễ, nhà mồ bị bỏ hoang, không ai lui tới nữa, dù là ruột thịt của người chết. Xét về khía cạnh kinh tế, cúng bái liên miên đã trở thành gánh nặng, tiêu tốn nhiều tiền của và thời gian của dân làng.

Tây Nguyên đang thiếu rừng nghiêm trọng. Những ngày ở Mô Rai, tôi được chứng kiến cuộc phát rẫy của gia đình ông A H'Lối trên một triền đồi cây cối lơ thơ. Cũng như các gia đình khác, ông A H'Lối có mấy mảnh rẫy, ở xa nhau. Sau vài mùa canh tác lúa và bắp, rẫy bị bỏ hoang cho cây cỏ tái sinh, cho đất hồi phục. Để rồi vài ba năm sau chủ nhân quay trở lại phát rẫy, trồng tía. Vào mùa vụ, người Rơ Măm thay phiên giúp nhau. Làm không công, cũng không cơm rượu bồi dưỡng nhưng không hề quấy quấy, giả dối. Cần cù, chân thành và cả tin là những đức tính phổ biến của người Tây Nguyên. Việc phát rẫy và đốt rẫy bao giờ cũng làm vào cuối mùa khô. Rẫy càng cháy lớn đồng nghĩa với tro làm phân bón càng nhiều, hứa hẹn bội thu. Mùa đốt rẫy, đi dọc

Tây Nguyên rất dễ bắt gặp những cảnh khói lửa ngập trời. Lẫn trong tiếng lách tách của lửa cháy là những tiếng nổ của tre vầu và không hiếm của bom đạn còn sót lại từ thời chiến tranh. Cảnh đốt rẫy thường rất hoành tráng, để lại dư vị ngậm ngùi, đau xót. Ấy là bởi thiên nhiên bị tàn phá, sự lạc hậu trong phương thức canh tác, là sự khốn khó trong việc tìm kiếm cái ăn hàng ngày.

Ba năm sau lần đầu tới Mô Rai, tôi đã trở lại vùng đất này với một chút quà tặng là mấy bộ máy tính, tivi và quần áo, mừng mừng quây quây góp được từ các nhà hảo tâm. Mô Rai đã có ít nhiều đổi thay nhờ sự giúp đỡ của nhà nước trong dự án giúp bà con các dân tộc đặc biệt ít người thoát khỏi đói nghèo và suy giảm giống nòi. Toàn bộ các căn nhà của người Rơ Măm ở làng Le đều đã được xây sửa lại. Mỗi gia đình được cấp một bộ khung nhà gỗ và mái ngói. Nền và vách dân tự lo liệu. Bà con được chọn kiểu dáng nhà theo ý muốn, khuyến khích nhà sàn truyền thống của người Rơ Măm. Quốc lộ 14 C xuyên qua xã Mô Rai và làng Le được nâng cấp, mở rộng. Điện lưới, trường học và các nông trường cao su được xây dựng, thu hút nhiều lao động tại xã và từ các tỉnh phía Bắc. Người Rơ Măm đang dần hồi sinh, giống như mẹ con cậu bé đã thoát khỏi lưới hái tử thần ngày nào. Tôi vẫn nhớ cậu bé Rơ Măm từng được nuôi dưỡng bằng dòng sữa Việt, ngọt ngào và nhân ái. ■

** Ảnh của tác giả*



ĐÓN ĐỌC

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo,
quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy
văn hóa truyền thống của dân tộc.



pháp uyển
DHARMA GARDEN
17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
028. 35 035 579 – 028. 36 026 818 – 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com – www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX - TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



KÍNH BẠCH TÔN SƯ HÒA THƯỢNG CHƯ THƯỢNG TỌA ĐẠI ĐỨC TĂNG NI KÍNH THƯ QUÝ PHẬT TỬ GẦN XA

Chùa SẮC TỨ VẠN AN (LONG HƯNG TỰ) địa chỉ khu phố Hiệp Hòa Thị trấn ĐẤT ĐỎ, huyện ĐẤT ĐỎ, tỉnh BR-VT là ngôi cổ tự. Được xây dựng năm 1942 qua mấy đời thầy chủ trì. Hiện trạng chùa xây tường đá chẻ kèo gỗ lợp tôn xi măng đã xuống cấp (có hình ảnh gửi kèm). Nay được chính quyền các cấp phê duyệt cho phép xây dựng: 496m² mới để Phật tử có nơi tu học hàng ngày.

kính mong được sự đóng góp của quý tăng ni Phật tử gần xa với phương châm "Hùn Phước Xây Chùa".

Việc đóng góp xin chuyển về:

Chủ tài khoản: Trần Thị Thoa. Tài khoản số: 6005205114256
Ngân hàng Agribank Đất Đỏ, Bà Rịa-Vũng Tàu
Liên hệ sdt: Cô Diệu Đạt 0854544020

KÍNH BẠCH THÍCH NỮ DIỆU ĐẠT

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Sắp phát hành

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
đóng bộ tập 1 & 2 năm 2018



Mọi chi tiết xin liên hệ

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Phòng Phát hành: (84-28) 3848 4335

MUA ỐNG NHỰA HOA SEN CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

90 Air Blade



90 iPhone X



90.000

Thẻ cào điện thoại



TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG (*)

20 TỶ

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ



(028) 399.77897

(028) 399.77899

www.hoasengroup.vn

(*) TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI THƯỞNG 20 TỶ ĐỒNG LÀ DÀNH CHO 2 CHƯƠNG TRÌNH:
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - CÀO LIỀN TAY TRÚNG NGAY AIR BLADE" - dành cho khách hàng là người tiêu dùng;
Chương trình "MUA ỐNG NHỰA HOA SEN - TRÚNG Ô TÔ CAMRY" - dành cho khách hàng là Nhà phân phối & Đại lý.
Các giải thưởng như trên nằm trong chương trình dành cho khách hàng là người tiêu dùng.

Hình ảnh giải thưởng mang tính minh họa



ỐNG NHỰA HOA SEN

Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



uPVC



PP-R



HDPE